

BÁO CÁO VĨ MÔ & THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN



Biến cơ hội thành giá trị

Tháng 03 năm 2024



Mục Lục

Tóm tắt.....	tr.3
Kinh tế Vĩ mô tháng 02.....	tr.4
Tổng quan TTCK tháng 02.....	tr.16
Triển vọng TTCK tháng 03.....	tr.33
Lịch sự kiện tháng 03.....	tr.37
Danh sách mã khuyến nghị năm 2024.....	tr.38
Tuyên bố miễn trừ.....	tr.55



TÓM TẮT

- **VN-Index tăng tháng thứ 4 liên tiếp với mức +7,59% MoM, đóng cửa cuối tháng tại 1.252,73 điểm, tăng 10,86% so với cuối năm 2023.** Động lực tăng điểm đến từ nhóm cổ phiếu bluechips trong các ngành ngân hàng (VCB, BID, TCB, CTG), tiêu dùng (VNM), công nghệ (FPT), hóa chất (DGC)...
- **Thanh khoản trung bình đạt gần 1 tỷ USD/phiên trong tháng 2.** Giá trị giao dịch trung bình 3 sàn tháng 2/2024 đạt 23.282 tỷ đồng/phiên, tăng mạnh 124,2% so với tháng trước nhờ dòng tiền mua ròng đột biến từ các nhà đầu tư cá nhân trong nước. Nhóm ngân hàng tiếp tục thu hút được dòng tiền và tháng thứ 2 liên tiếp có giá trị giao dịch cao hơn nhóm bất động sản và chứng khoán. Tính chung 2 tháng đầu năm 2023, giá trị giao dịch toàn thị trường đạt bình quân 20.658 tỷ đồng/phiên, tăng 74,2% so với cùng kỳ năm 2023. Trong tháng 2, số lượng tài khoản chứng khoán tăng thêm 113.281 tài khoản (+76,9% YoY) và lũy kế 2 tháng đầu năm 2024 tăng thêm 238.637 tài khoản, tăng mạnh 138% so với cùng kỳ năm 2023.
- **Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng tháng 2.** Sau khi mua ròng trong tháng 1 chủ yếu nhờ giao dịch mua thỏa thuận tại Upcom, khối ngoại quay lại bán ròng 1.446 tỷ đồng trong đó riêng tại HOSE là 2.769 tỷ đồng. Tính chung 2 tháng đầu năm 2024, khối ngoại bán ròng nhẹ 272,3 tỷ. Dòng vốn ETF tiếp tục tiêu cực khi rút ròng 33 triệu USD sau hai tháng đầu năm chủ yếu tại hai quỹ ETF nội là DCVFM VNDiamond và DCVFM VN30.
- **Kinh tế tiếp tục có sự cải thiện nhẹ trong tháng 2.** Kỳ nghỉ Tết Âm lịch có ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất, xuất nhập khẩu tuy nhiên lại tác động tích cực tới hoạt động tiêu dùng và dịch vụ, du lịch. Tín dụng tính đến 16/02/2024 tăng trưởng -1,0% so với cuối năm 2023, lãi suất huy động tiếp tục giảm xuống thấp hơn giai đoạn trước Covid. Mặc dù nguồn cung ngoại tệ dồi dào nhờ FDI tích cực, cán cân thương mại 2 tháng đầu năm thặng dư nhưng tỷ giá USDVND tăng nóng trong 2 tháng đầu năm, với mức tăng 1,64% tại VCB và 2,66% trên thị trường tự do.
- **Xu hướng VN-Index trong tháng 3 được dự báo sẽ thử thách** vùng giá cao nhất năm 2023 và 08/2022 - 09/2022 quanh 1.300 điểm trước khi bước vào giai đoạn điều chỉnh và tích lũy trong kênh rộng 1.150 điểm - 1.300 điểm và trong trường hợp chặt chẽ hơn là 1.150 điểm - 1.250 điểm.
- Danh mục cổ phiếu khuyến nghị bổ sung thêm PVS và BWE cho tháng 3, qua đó tăng lên 15 mã. Trong tháng 2 các cổ phiếu tích cực nhất danh mục là GVR (+27,7%), TCB (+22,1%), FPT (+13,9%), PVD (12,1%)..., cổ phiếu kém tích cực nhất danh mục là PNJ (-1,2%), CTD (-1,1%). Tính từ đầu năm 2024 có 11/13 mã tăng giá trong đó 6 mã có mức tăng cao hơn thị trường chung, 2 mã giảm giá.

The image features a blue-toned view of Earth from space, showing the curvature of the planet and the dark silhouettes of continents. A white network of lines and dots is overlaid on the globe, suggesting a digital or technological theme. A white rectangular box is positioned on the right side of the image, framing the text.

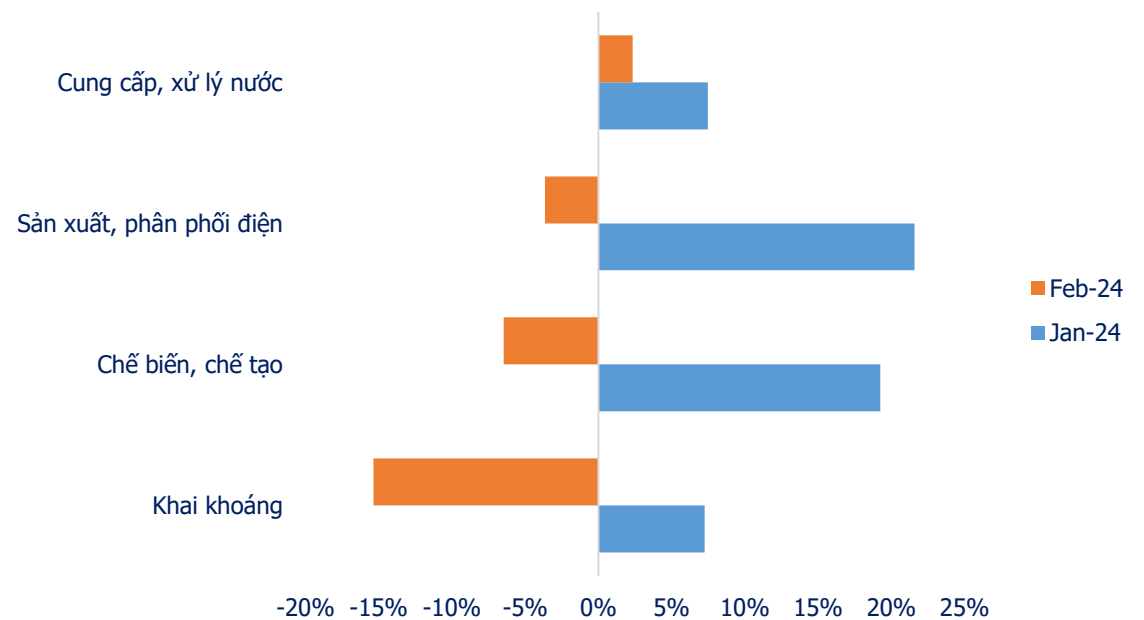
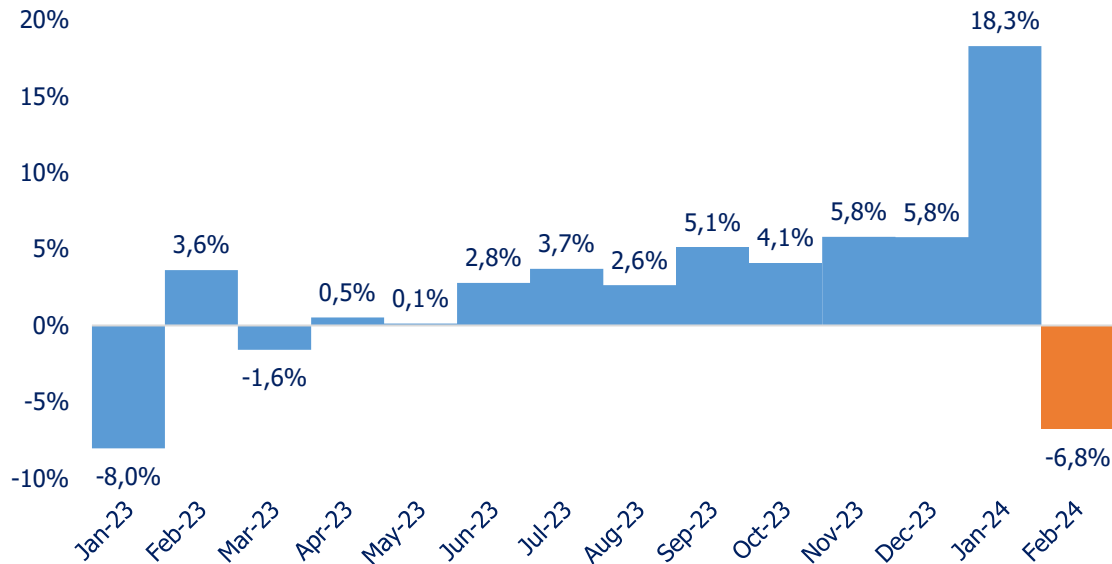
KINH TẾ VĨ MÔ
THÁNG 02

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 2

Kỳ nghỉ Tết ảnh hưởng lớn đến chỉ số IIP. Trong tháng 2, chỉ số IIP ước tính giảm 18% so với tháng trước và giảm 6,8% so với cùng kỳ năm trước do thời gian nghỉ Tết nằm trọn trong tháng 2, các nhà máy cần một thời gian ổn định sản xuất để trở lại hoạt động bình thường. Tuy nhiên, tính chung 2 tháng đầu năm, IIP vẫn tăng 5,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Ngành Chế biến chế tạo tăng 5,9% so với năm ngoái. Trong đó có một số ngành trọng điểm cấp 2 tăng cao bao gồm sản phẩm từ cao su và plastic (+24,3%); hoá chất và sản phẩm hoá chất (+27,7%); sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế (+25,3%); sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (+23,4%); sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (+23,2%); sản xuất thiết bị điện (+22,1%); dệt (+17,6%). Ngược lại, chỉ số IIP của một số ngành giảm mạnh là Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị (-21,8%); khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên (-9,4%); sản xuất đồ uống (-6,6%).
- Hoạt động sản xuất và phân phối điện tăng 12,2%; khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 4,6%. Trong khi đó lĩnh vực Khai khoáng giảm 3,5%.

Tăng trưởng IIP YoY theo tháng



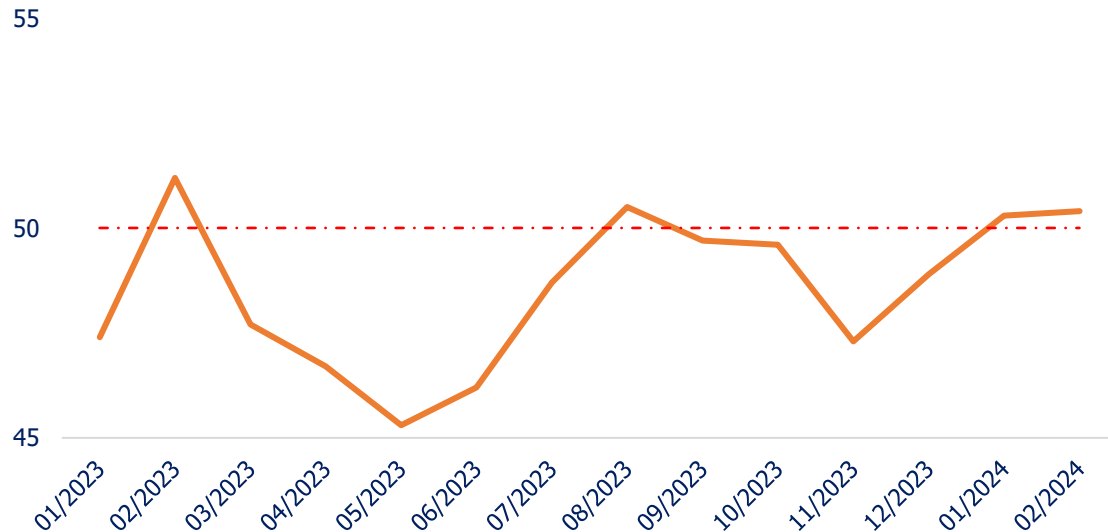


KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 2

PMI tiếp tục trên ngưỡng 50 điểm. Theo S&P Global, PMI ngành sản xuất Việt Nam tiếp tục được cải thiện trong tháng 2, đạt 50,4 điểm, tăng nhẹ so với mức 50,3 điểm của tháng 1 khi cả sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đều tăng tháng thứ hai liên tiếp.

- Tuy nhiên, các công ty tiếp tục giảm hoạt động mua hàng (tháng thứ 4 liên tiếp), thay vào đó dùng hàng tồn kho để phục vụ sản xuất và đáp ứng các đơn hàng khiến hàng tồn kho sau sản xuất tiếp tục giảm. Đồng thời, các công ty cũng đã tăng giá bán hàng để bù đắp mức tăng của chi phí đầu vào, mặc dù chỉ là nhỏ.
- Chi phí đầu vào tiếp tục tăng đáng kể trong tháng 2 do chi phí vận tải tăng vì giá dầu tăng. Các nhà sản xuất hàng hóa đầu tư cơ bản có mức tăng chi phí đầu vào đặc biệt mạnh. Một số nhà sản xuất đã chuyển gánh nặng chi phí đầu vào cao sang cho khách hàng, từ đó khiến giá bán tăng nhẹ. Mức tăng giá nhẹ phản ánh thực trạng một số công ty vẫn cố gắng hạn chế tăng giá vì áp lực cạnh tranh.
- Số lượng đơn đặt hàng mới tăng đã khuyến khích các nhà sản xuất tăng số lượng nhân viên lần đầu tiên trong bốn tháng. Tuy vậy, một số các Công ty chỉ tuyển dụng nhân viên tạm thời.

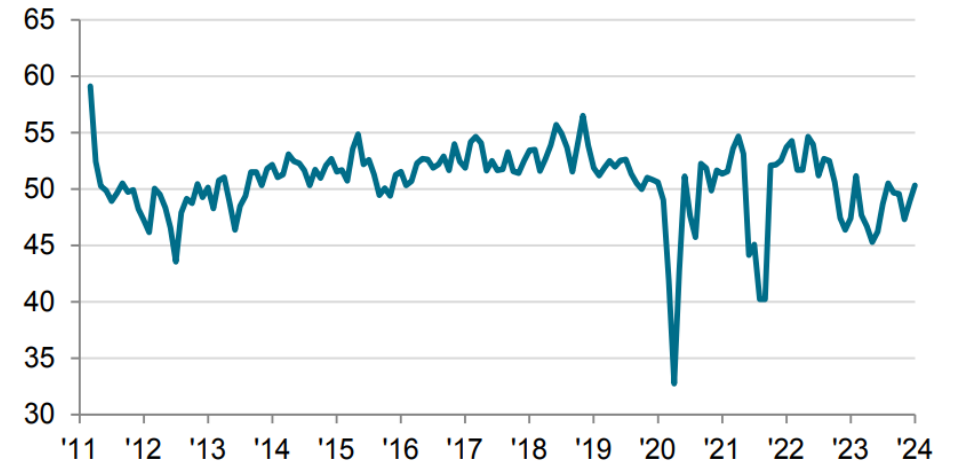
Chỉ số PMI



Nguồn: S&P Global, SHS tổng hợp

PMI Ngành Sản xuất Việt Nam của S&P Global PMI

Điều chỉnh theo mùa, >50 = cải thiện so với tháng trước



Nguồn: S&P Global PMI.



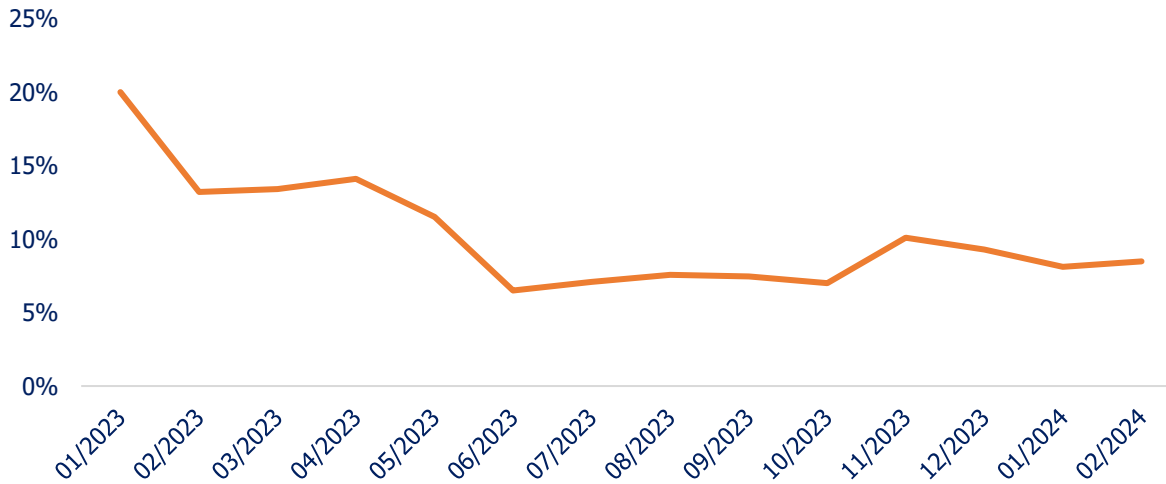
KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 2

Nhu cầu tiêu dùng và du lịch tăng cao dịp Tết giúp tổng mức bán lẻ hàng hóa (BLHH) và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (DVTĐ) tháng 2 tăng 8,5% YoY. Theo đó, tổng mức BLHH và DVTĐ theo giá hiện hành ước đạt 509,7 nghìn tỷ đồng, tăng 8,5% so với năm trước. Động lực đến từ sự tăng trưởng doanh thu dịch vụ ăn uống, lưu trú (18,4%) và du lịch (+60,0%) trong thời gian lễ Tết Nguyên đán.

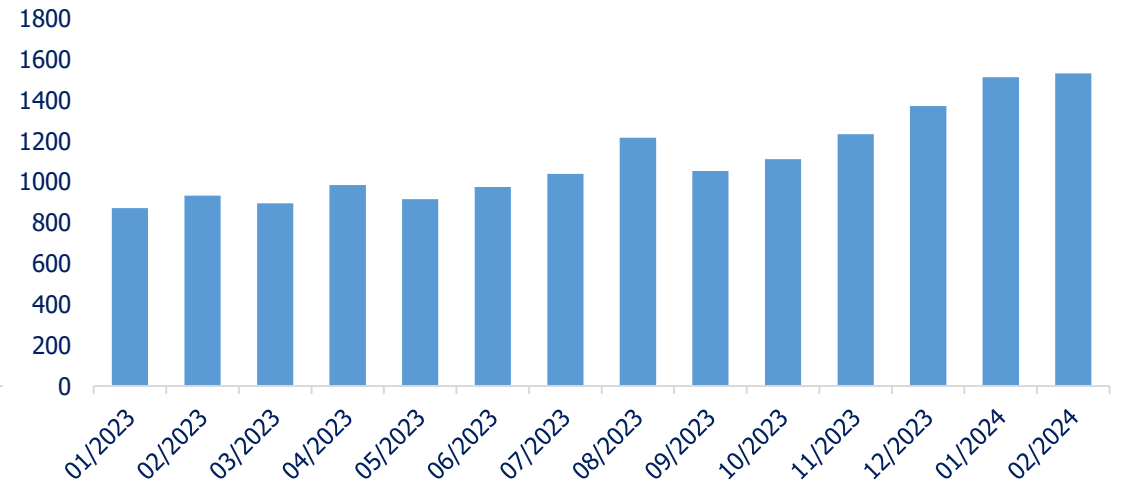
Tính chung 2 tháng đầu năm 2024, tổng mức BLHH và doanh thu DVTĐ theo giá hiện hành ước đạt 1.031,5 nghìn tỷ đồng, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,0%.

Khách du lịch Trung Quốc tăng đột biến trong 2 tháng đầu năm. Tổng lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam trong 2 tháng đầu năm ước tính vượt 3 triệu lượt với 1,51 triệu lượt và 1,53 triệu lượt tương ứng trong tháng 01 và 02/2024, đạt mức cao mới kể từ sau đại dịch Covid-19. Khách du lịch Hàn Quốc tiếp tục đóng góp tỷ trọng lớn nhất với gần 28% trong tháng 2, tuy nhiên đã có sự tăng trưởng bất ngờ từ khách du lịch Trung Quốc với 295 nghìn người, chiếm gần 20% tổng lượng khách tới Việt Nam. Tính chung 2 tháng đầu năm, lượng khách du lịch Trung Quốc đã tăng 7,6 lần so với cùng kỳ năm ngoái.

Tăng trưởng bán lẻ (YoY)



Khách du lịch quốc tế (nghìn lượt)



Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

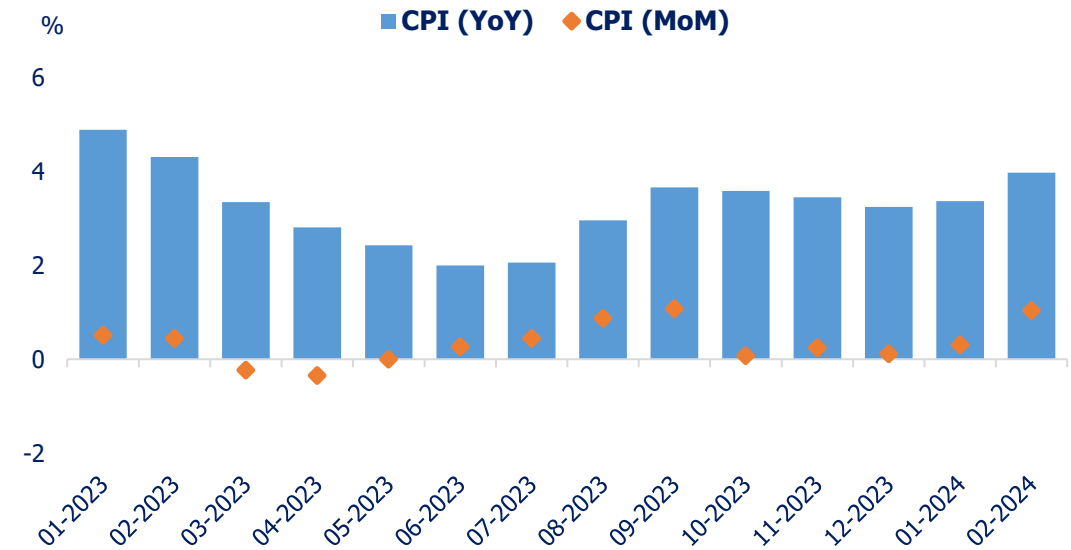
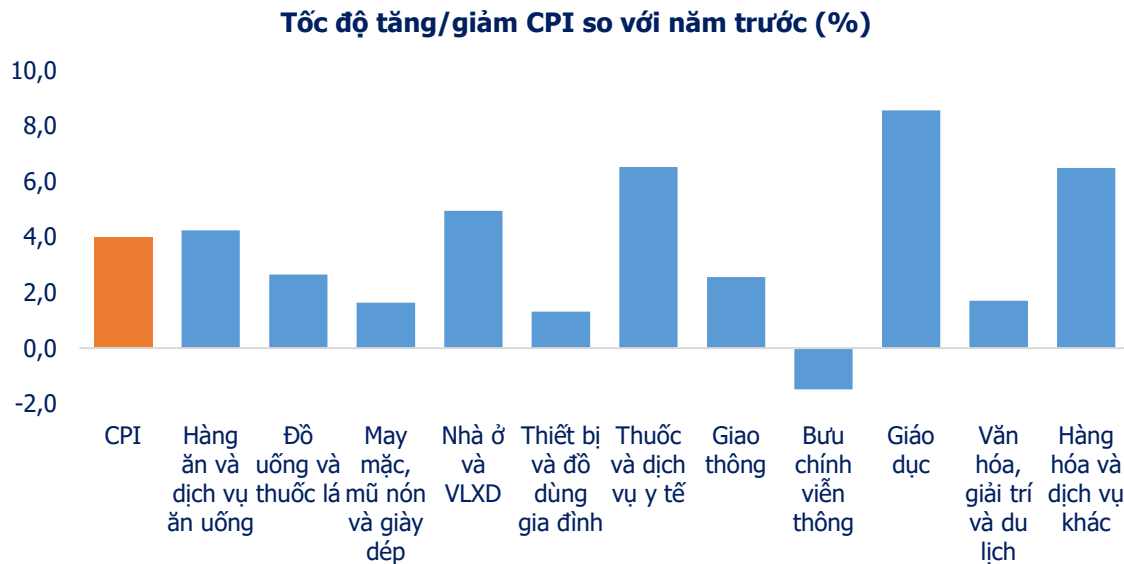
KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 2

CPI tháng 02 tăng cao do nhu cầu Tết Nguyên Đán. Tháng 02/2024 là tháng có Tết Nguyên đán Giáp Thìn nên nhu cầu mua sắm hàng hóa và dịch vụ của người dân tăng cao khiến CPI tháng 02 tăng 1,04% so với tháng trước. Trong đó mức tăng cao ở:

- (1) Nhóm giao thông tăng 3,09% (tác động làm CPI chung tăng 0,30 điểm phần trăm) do nhu cầu đi lại tăng cao, đồng thời chỉ số giá xăng tăng 5,82%, chỉ số giá dầu diesel tăng 5,51% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng dầu trong nước. (2) Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,71% (tác động làm CPI chung tăng 0,57 điểm phần trăm). (3) Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,8% do nhu cầu tiêu dùng và sử dụng làm quà biếu tặng tăng vào dịp Tết. (4) Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,79% do nhu cầu mua sắm, du xuân dịp Tết tăng, tập trung chủ yếu ở những nhóm mặt hàng hoa, cây cảnh.

- Ở chiều ngược lại, chỉ số giá nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,17% do các doanh nghiệp thực hiện chương trình khuyến mại giảm giá đối với một số loại điện thoại di động mẫu mã cũ. Nhóm giáo dục giảm 0,42% MoM do Chính phủ yêu cầu giữ ổn định học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập.

Bình quân 2 tháng đầu năm 2024, CPI tăng 3,67% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,84%.

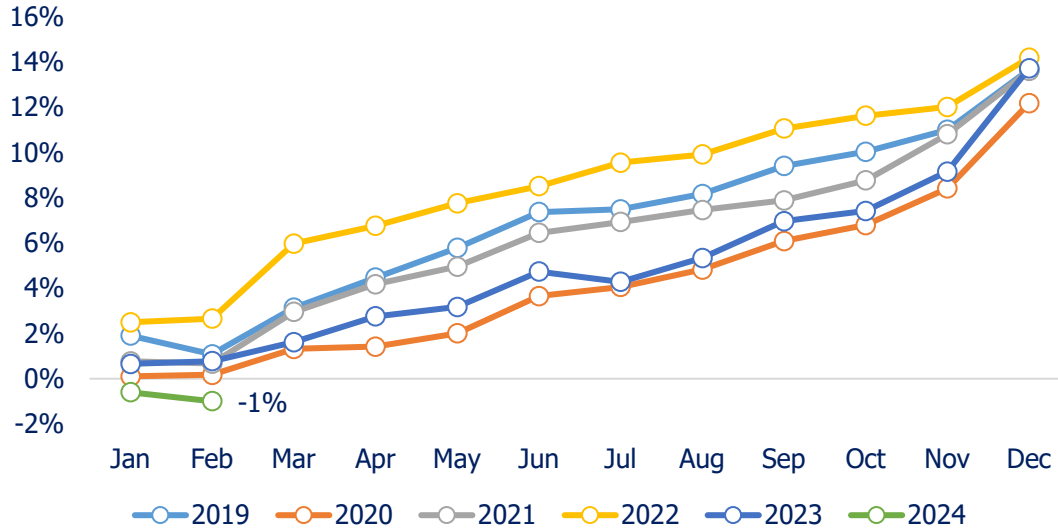


Nguồn: GSO, SHS tổng hợp



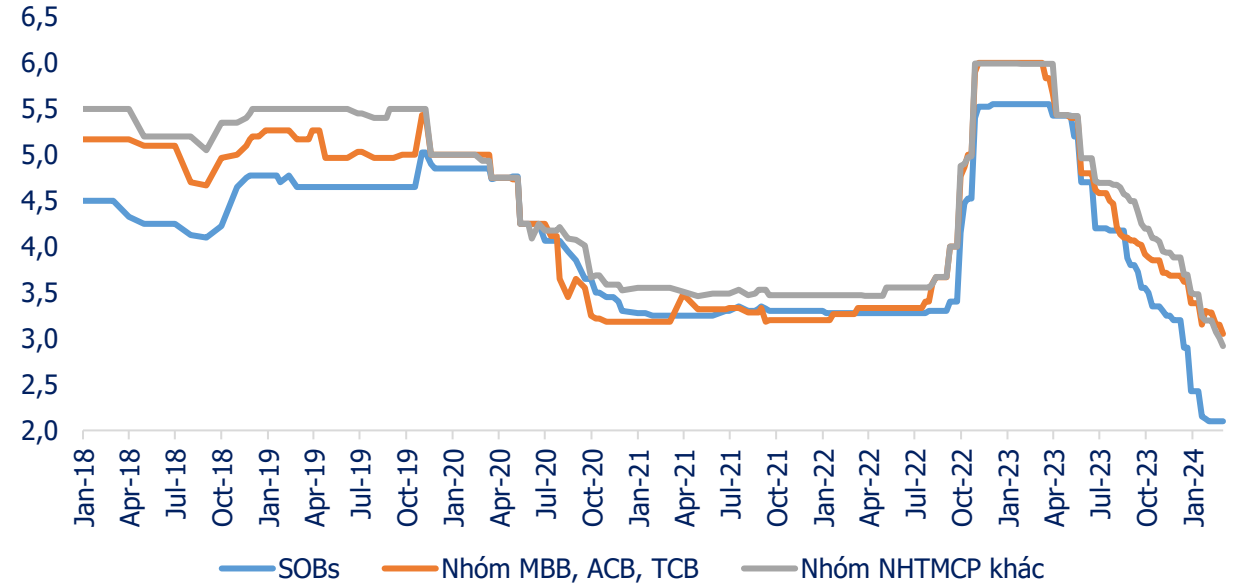
KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 2

Tăng trưởng tín dụng YTD giai đoạn 2019-2024



Nguồn: Bloomberg, SBV, GSO, SHS tổng hợp

Lãi suất huy động kỳ hạn 3 - 6 tháng



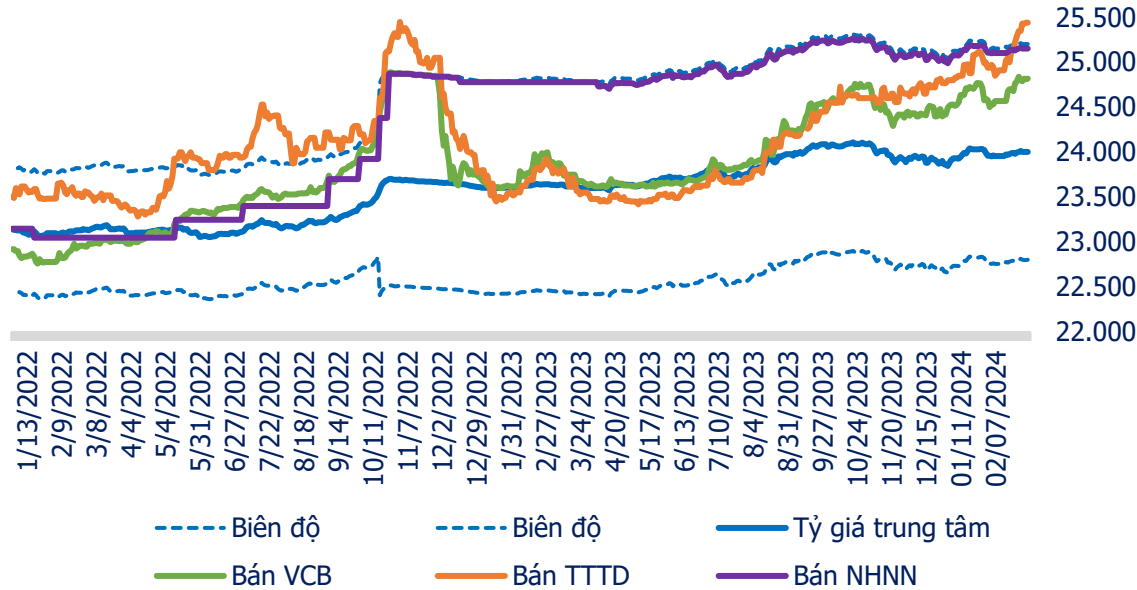
Theo NHNN, tăng trưởng tín dụng tính đến cuối tháng 1/2024 là -0,6% và tính đến ngày 16/02/2024 là -1,0% so với cuối năm 2023. Thông thường tín dụng thường tăng mạnh khi chốt số liệu thời điểm cuối quý, cuối năm, và với kết quả tín dụng tăng đột biến 4,56% trong tháng 12/2023, việc tín dụng giảm trong tháng đầu năm là diễn biến trong tầm dự báo. Tại buổi Họp báo Chính phủ thường kỳ tháng 2.2024, NHNN cho biết mức giảm dư nợ tín dụng trong tháng 2 thấp hơn tháng 1 và tín dụng 2 tháng đầu năm tại khu vực Hà Nội và TP.HCM, hai đầu tàu kinh tế của cả nước, vẫn có mức tăng trưởng dương (lần lượt là 1,96% và 0,6%).

Tăng trưởng tín dụng thấp khiến thanh khoản toàn hệ thống tiếp tục dôi dào, lãi suất huy động liên tiếp được điều chỉnh giảm trong 2 tháng đầu năm. Hiện lãi suất kỳ hạn 3 – 6 – 13 tháng của nhóm Ngân hàng SOBs chỉ là 2,1% - 3,1% - 4,8%/năm, thấp hơn giai đoạn trước Covid. Lãi suất liên Ngân hàng trong tháng 2 có thời điểm tăng lên 4%, tuy nhiên đã giảm về cuối tháng, thể hiện nhu cầu vốn cục bộ tại một thời điểm của một Ngân hàng, không đại diện cho toàn hệ thống. Cũng có tín hiệu tăng nhẹ lãi suất huy động kỳ hạn ngắn khoảng 0,1%-0,2% tại một vài NHTMCP, nhưng mặt bằng chung lãi suất vẫn duy trì ở mức thấp. Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng tín dụng sẽ cải thiện trở lại từ tháng 3 và tích cực hơn từ Quý 2.

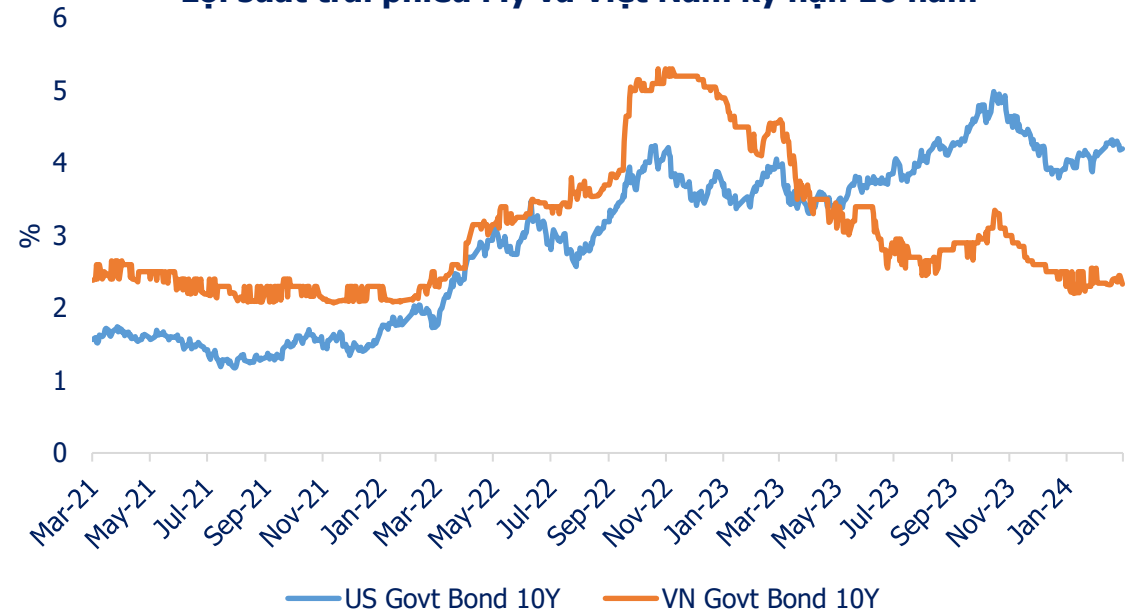


KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 2

Diễn biến tỷ giá VND/USD



Lợi suất trái phiếu Mỹ và Việt Nam kỳ hạn 10 năm



Tỷ giá USDVND tăng nóng trong 2 tháng đầu năm, với mức tăng 1,64% tại VCB và 2,66% trên thị trường tự do. Diễn biến tỷ giá giai đoạn vừa qua khá khác biệt so với các năm trước, khi quý 1 thường là thời điểm nguồn cung ngoại tệ dồi dào và các số liệu về FDI, cán cân thương mại 2 tháng đầu năm khá tích cực. Chênh lệch lãi suất USD-VND kéo dài, dư nợ tín dụng đồng VND giảm và đồng USD mạnh lên khi FED dự kiến chưa sớm cắt giảm lãi suất là yếu tố làm tăng sức hấp dẫn của đồng USD và khiến cho tỷ giá USDVND bật tăng mạnh.

Đa số các đồng tiền chủ chốt đều mất giá so với đồng USD trong 2 tháng đầu năm 2024 khi các chỉ báo về kinh tế Mỹ ủng hộ xu hướng mạnh lên của đồng bạc xanh. Thị trường cũng lùi thời gian kỳ vọng FED có động thái hạ lãi suất sớm nhất vào tháng 6 với 54,3% tỷ lệ nhà đầu tư dự báo, mức lãi suất giảm kỳ vọng 0,25%.

Việc đồng VND mất giá thời gian qua đa số do yếu tố kỳ vọng, cung cầu ngoại tệ hiện tại vẫn ổn định, hệ thống Ngân hàng đủ đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và dân cư. Giá bán USD tại VCB hiện thấp hơn 1,5% so với trần tỷ giá do NHNN công bố, NHNN cũng chưa phải bán ra ngoại tệ. Áp lực tỷ giá dự kiến vẫn cao trong tháng 3 và kỳ vọng hạ nhiệt trong quý 2 khi dòng tín dụng tăng trưởng dương trở lại. Mức giảm giá của đồng VND trong năm 2024 dự báo trong khoảng 2-3%.



KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 2

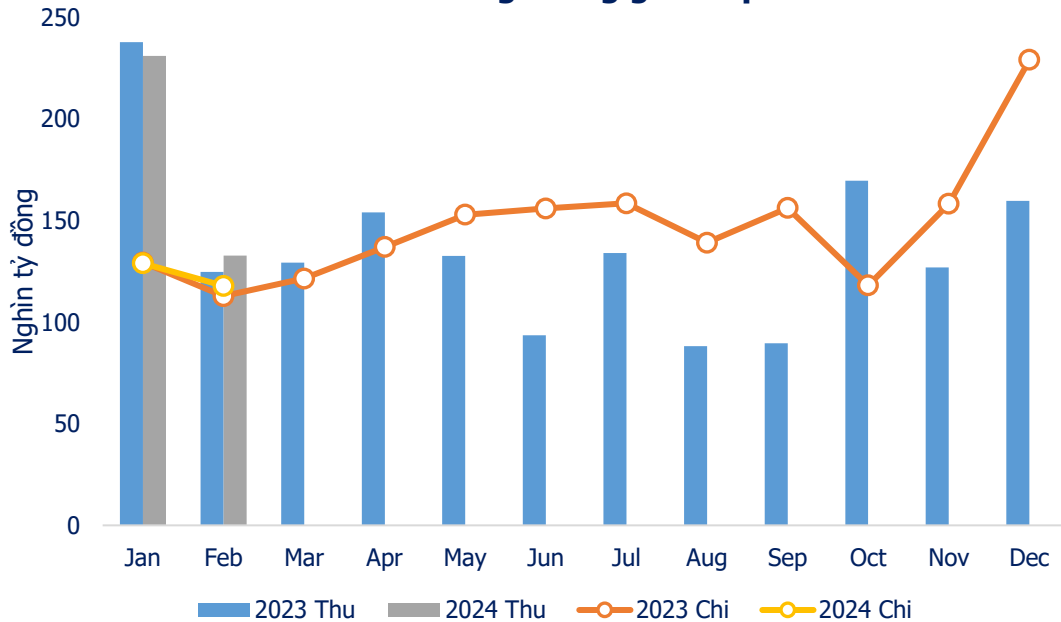
Biến cơ hội thành giá trị

Tổng thu NSNN 2 tháng đầu năm 2024 đạt 399,4 nghìn tỷ đồng (+10,4% YoY) bằng 23,5% dự toán năm. Trong đó, thu nội địa đạt 355,8 nghìn tỷ đồng (+14,6% YoY), bằng 24,6% dự toán năm, thu từ đầu thô đạt 9,7 nghìn tỷ đồng (-2,6% YoY), thu từ hoạt động XNK đạt 33,8 nghìn tỷ đồng (-18,4% YoY). Thu ngân sách tăng đột biến trong tháng 1, đạt khá so với dự toán, chủ yếu do thu nộp thuế TNDN, TNCN và thuế GTGT (đối với các DN kê khai, nộp thuế theo quý) phát sinh quý 4/2023.

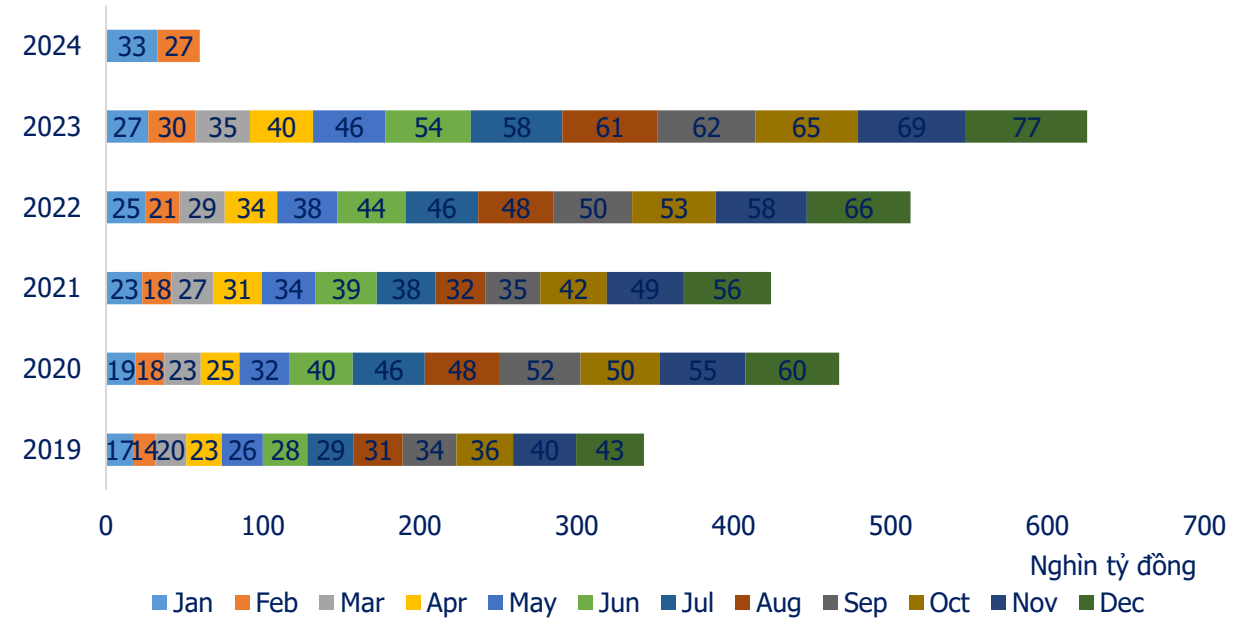
Tổng chi NSNN 2 tháng đầu năm 2024 ước đạt 260,7 nghìn tỷ đồng (+7,7% YoY), bằng 12,3% dự toán năm. Tính chung 2 tháng đầu năm, NSNN bội thu 138,7 nghìn tỷ đồng.

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN 2 tháng đầu năm 2024 ước đạt 59,8 nghìn tỷ đồng (+2,1% YoY) bằng 8,4% kế hoạch năm. Năm 2024, kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công được Quốc hội quyết nghị là 657.349 tỷ đồng, chủ yếu là đầu tư hạ tầng giao thông. Chính phủ phấn đấu đạt mục tiêu tỷ lệ giải ngân tối thiểu 95%.

Thu chi NSNN hàng tháng giai đoạn 2023-2024



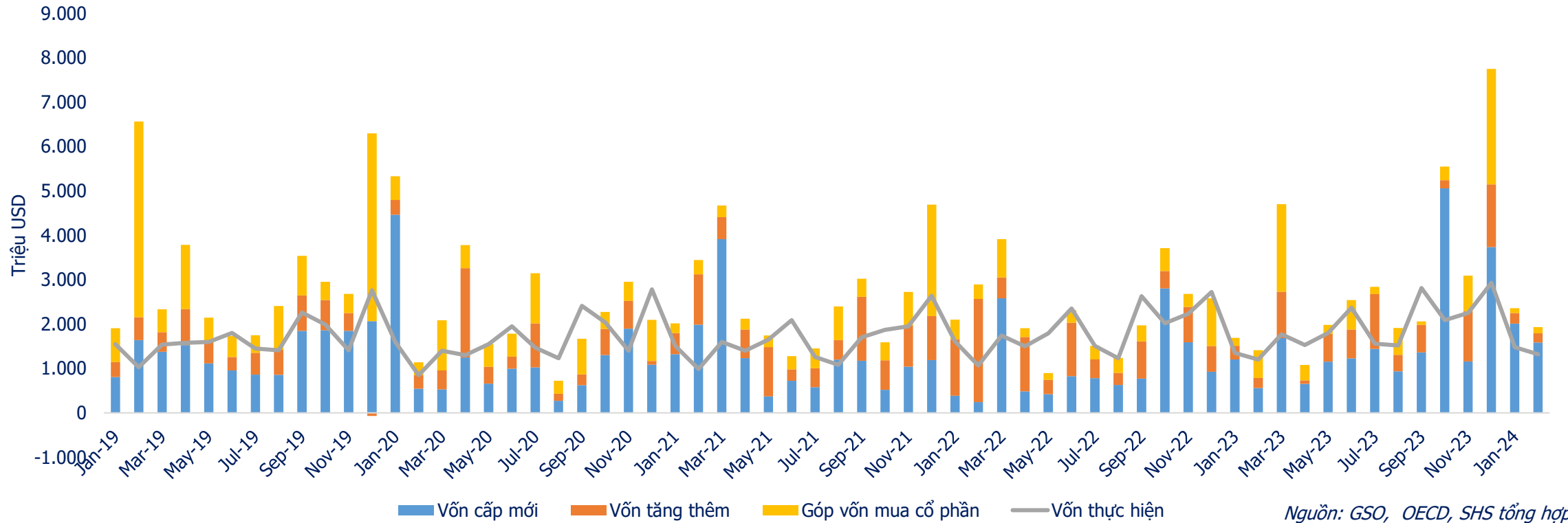
Đầu tư công từ NSNN hàng tháng



Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 2

Vốn FDI đăng ký và giải ngân theo tháng



Hai tháng đầu năm 2024, vốn FDI đăng ký vào Việt Nam đạt 4,29 tỷ USD (+38,6% YoY) với 405 dự án mới (+55,2% YoY) trong đó có 2 dự án có quy mô vốn đầu tư lớn, tổng cộng khoảng 1,1 tỷ USD. Kết quả vốn FDI tăng đột biến do nửa đầu năm 2023, vốn FDI vào Việt Nam giảm mạnh do chịu tác động từ bên ngoài. Tốc độ tăng trưởng FDI tháng 3 có thể thấp khi tháng 3/2023 ghi nhận FDI đột biến, đặc biệt từ thương vụ Sumitomo mua cổ phần của VPBank. Tuy nhiên, tình hình thu hút vốn FDI có cải thiện từ nửa cuối năm 2023 và đang tiếp diễn xu hướng tích cực trong 2 tháng đầu năm 2024, tập trung vào ngành công nghiệp chế biến chế tạo, công nghệ cao thể hiện đánh giá lạc quan của nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Các đối tác đầu tư lớn nhất trong 2 tháng đầu năm đều là các đối tác truyền thống của Việt Nam và đến từ Châu Á. Riêng 5 quốc gia và vùng lãnh thổ dẫn đầu (Singapore, Hồng Kông, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc) đã chiếm tới 77% số dự án đầu tư mới và gần 85,5% tổng vốn đầu tư đăng ký của cả nước.

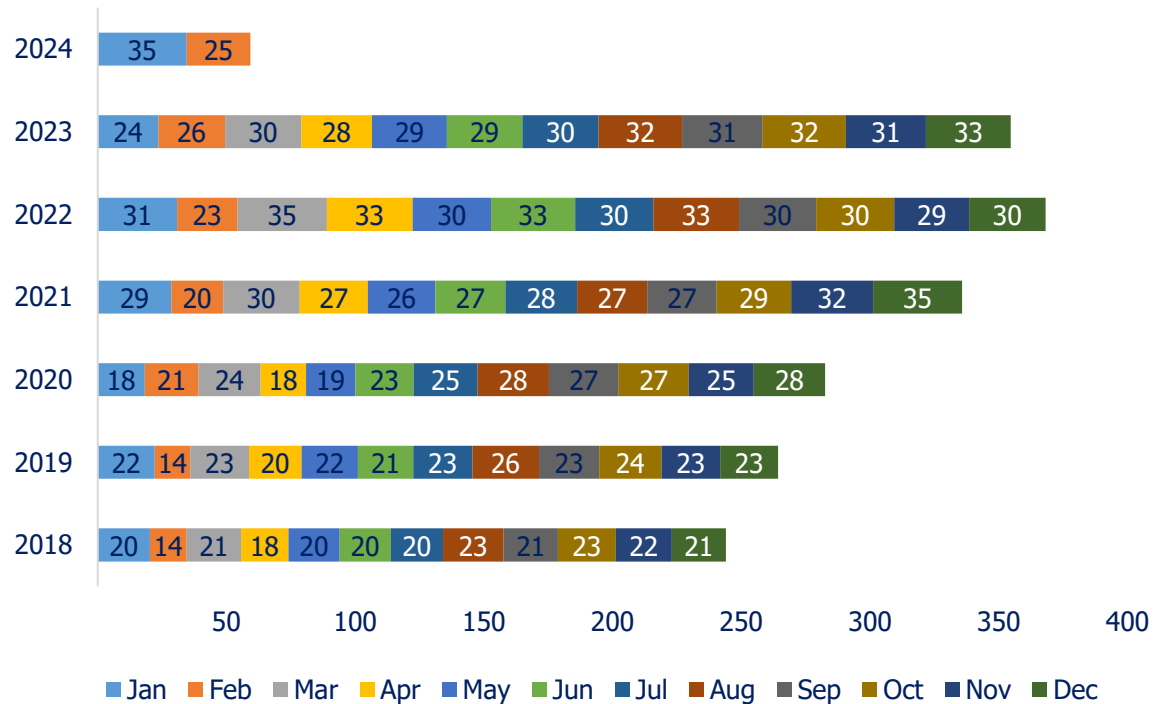


KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 2

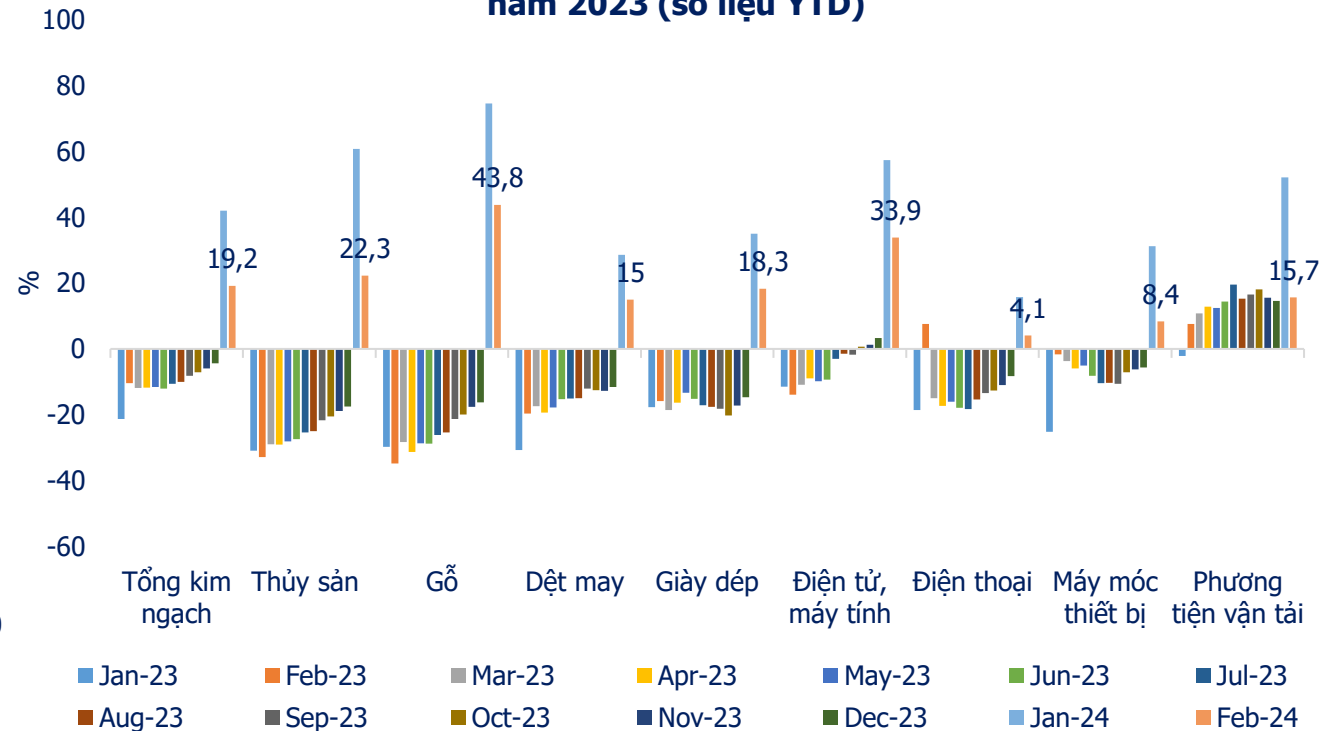
2 tháng đầu năm 2024, kim ngạch XK hàng hóa ước đạt 59,34 tỷ USD (+19,2% YoY) trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 16,14 tỷ USD (+33,3% YoY), khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 43,2 tỷ USD (+14,7% YoY), xuất khẩu hàng công nghiệp chế biến ước đạt 52,45 tỷ USD, chiếm 88,4% tổng kim ngạch. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như thủy sản, gỗ, dệt may, da giày ghi nhận tăng trưởng tích cực sau cả năm 2023 giảm so với cùng kỳ.

Kim ngạch NK hàng hóa ước đạt 54,62 tỷ USD (+18% YoY) trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 19,67 tỷ USD (+27,4% YoY), khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 34,95 tỷ USD (+13,3% YoY), nhập khẩu hàng tư liệu sản xuất ước đạt 51,47 tỷ USD, chiếm 94,2% tổng kim ngạch nhập khẩu. Xuất siêu 2 tháng đầu năm 2024 ước đạt 4,72 tỷ USD, trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 3,53 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 8,25 tỷ USD.

Kim ngạch xuất khẩu hàng tháng (Tỷ USD)



Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực so với cùng kỳ năm 2023 (số liệu YTD)





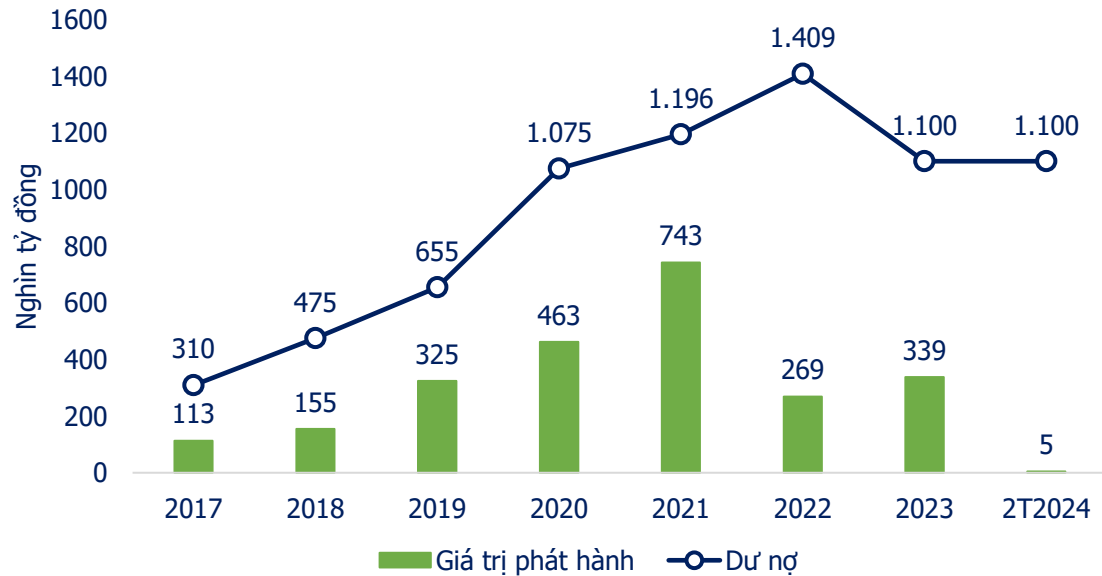
TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP THÁNG 2

Biến cơ hội thành giá trị

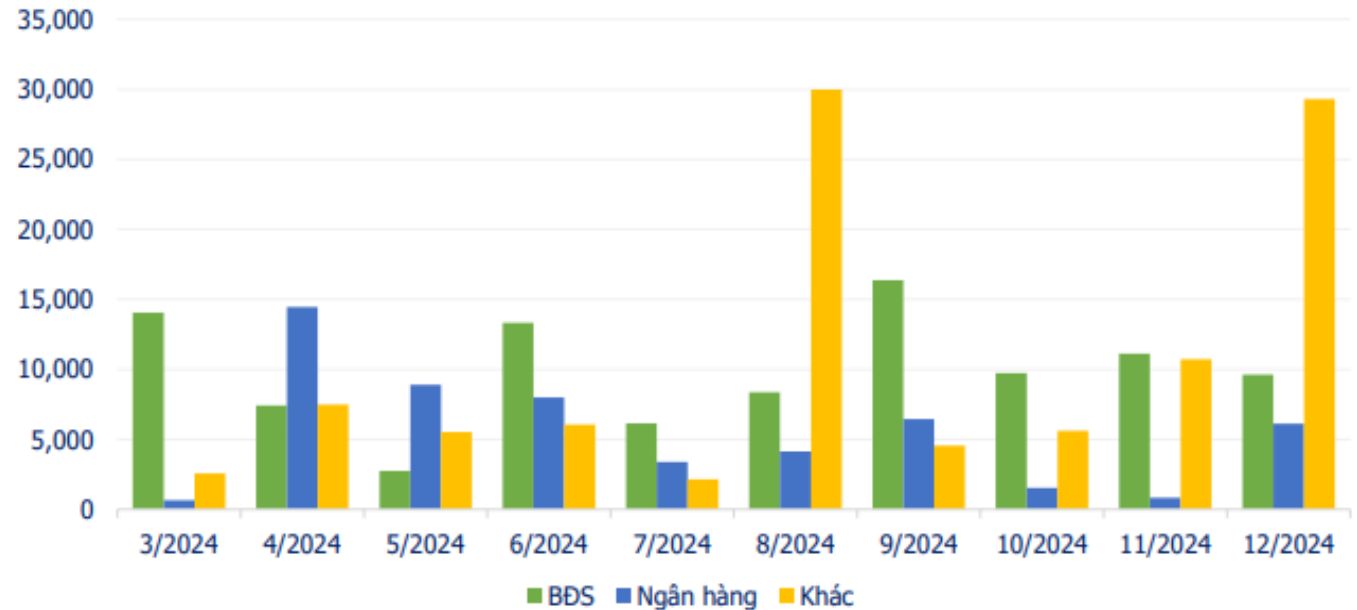
Theo VBMA, có 03 đợt phát hành TPDN trong tháng 2 năm 2024 với tổng giá trị 1.165 tỷ đồng. Lũy kế 2 tháng đầu năm, tổng giá trị phát hành TPDN được ghi nhận là 5.965 tỷ đồng, với 2 đợt phát hành ra công chúng trị giá 2.650 tỷ đồng và 6 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 3.315 tỷ đồng (chiếm 55,6% tổng giá trị phát hành).

Theo FiiRatings, tính đến ngày 29/2/2024, tổng giá trị trái phiếu riêng lẻ của các tổ chức phát hành phi ngân hàng đến hạn trong các tháng còn lại của 2024 là 240,9 nghìn tỷ đồng, trong đó bất động sản 131,9 nghìn tỷ đồng, xây dựng và vật liệu 26,8 nghìn tỷ đồng, du lịch và giải trí 23,1 nghìn tỷ đồng. Con số này bao gồm cả gốc và lãi dự kiến và sau khi đã thực hiện giãn hoặc tái cơ cấu. Tỷ lệ chậm trả trái phiếu bất động sản tính dựa trên cả các lô trái phiếu đã được tái cơ cấu ở mức khoảng 23,5% trên giá trị đang lưu hành vào cuối năm 2023. Rủi ro an toàn hệ thống được đánh giá là không lớn bởi quy mô trái phiếu bất động sản đang lưu hành (403,5 nghìn tỷ đồng, trong đó 96% tương đương 387,4 nghìn tỷ đồng là trái phiếu riêng lẻ) chỉ chiếm khoảng 2,9% dư nợ tín dụng toàn hệ thống và những tác động lan truyền về cơ bản đã được kiểm soát.

Giá trị trái phiếu Phát hành và Dư nợ TPDN giai đoạn 2017-2024



Giá trị TPDN đáo hạn đến hết 2024



Nguồn: HNX, FiiRatings, VBMA



Biến cơ hội thành giá trị

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 2

Chỉ tiêu	Mar-23	Apr-23	May-23	Jun-23	Jul-23	Aug-23	Sep-23	Oct-23	Nov-23	Dec-23	Jan-24	Feb-24
Chỉ số kinh tế												
Chỉ số sản xuất công nghiệp (hàng tháng, % YoY)	-1.6%	0.50%	0.10%	2.80%	3.70%	2.60%	5.10%	4.10%	5.00%	5.80%	18.30%	-6.80%
PMI (điểm)	47.7	46.7	45.3	46.2	48.7	50.5	49.7	49.6	47.3	48.9	50.3	50.4
Tăng trưởng bán lẻ (lũy kế, %YoY)	13.90%	12.80%	12.60%	10.90%	10.40%	10.00%	9.70%	9.40%	9.60%	9.60%	8.10%	8.10%
FDI giải ngân (lũy kế, % YoY)	-2.30%	-1.20%	-0.80%	0.50%	0.80%	1.30%	2.20%	2.40%	2.90%	3.50%	40.20%	38.60%
FDI đăng ký (lũy kế, % YoY)	7.40%	-17.90%	-7.30%	-4.30%	4.50%	8.20%	7.70%	14.70%	14.80%	32.10%	9.60%	9.80%
Tăng trưởng xuất khẩu (lũy kế, %YoY)	-11.90%	-11.80%	-11.60%	-12.10%	-10.60%	-10.00%	-8.20%	-7.10%	-5.90%	-4.40%	42%	19.20%
Tăng trưởng nhập khẩu (lũy kế, % YoY)	-14.70%	-15.40%	-17.90%	-18.20%	-17.10%	-16.20%	-13.80%	-12.30%	-10.70%	-8.90%	33.30%	18%
Cán cân thương mại (hàng tháng, tỷ USD)	0.65	1.51	2.24	2.59	2.15	3.82	2.29	3.00	1.28	2.28	3.62	1.10
Ổn định vĩ mô												
Lạm phát (% YoY)	3.4%	2.81%	2.43%	2%	2.06%	2.96%	3.66%	3.59%	3.45%	3.25%	3.37%	3.98%
Lạm phát cơ bản (BQ YTD % YoY)	5.0%	4.90%	4.83%	4.74%	4.65%	4.57%	4.49%	4.38%	4.27%	4.16%	2.72%	3.67%
Tăng trưởng tín dụng (% YTD)	1.6%	3.03%	3.27%	4.73%	4.28%	5.33%	6.96%	7.39%	8.38%	13.70%	-0.60%	-1.12%
Tăng trưởng cung tiền M2 (% YTD)	1.32%	1.71%	2.05%	3.71%	2.91%	4.04%	5.62%	5.96%	7.92%	10.03%		
Lãi suất tái cấp vốn (%)	5.5%	5.5%	5%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%
Lãi suất tái chiết khấu (%)	3.5%	3.5%	3.50%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%
Lãi suất liên ngân hàng ON (%)	1.0%	4.41%	3.68%	0.33%	0.08%	0.07%	0.15%	0.75%	0.10%	2.96%	1.37%	1.48%
Lợi suất trái phiếu 10 năm (%)	3.5%	3.33%	3.28%	2.70%	2.65%	2.71%	2.90%	3.10%	2.58%	2.40%	2.55%	2.45%
CDS 5 năm	134.4	133.85	124.91	120.18	110.34	128.00	145.49	145.76	126.77	125.74	129.15	124.18
USD/VND (% MoM)	-1.35%	-0.05%	0.10%	0.36%	0.45%	1.70%	0.90%	1.10%	-1.20%	0.03%	0.64%	0.91%



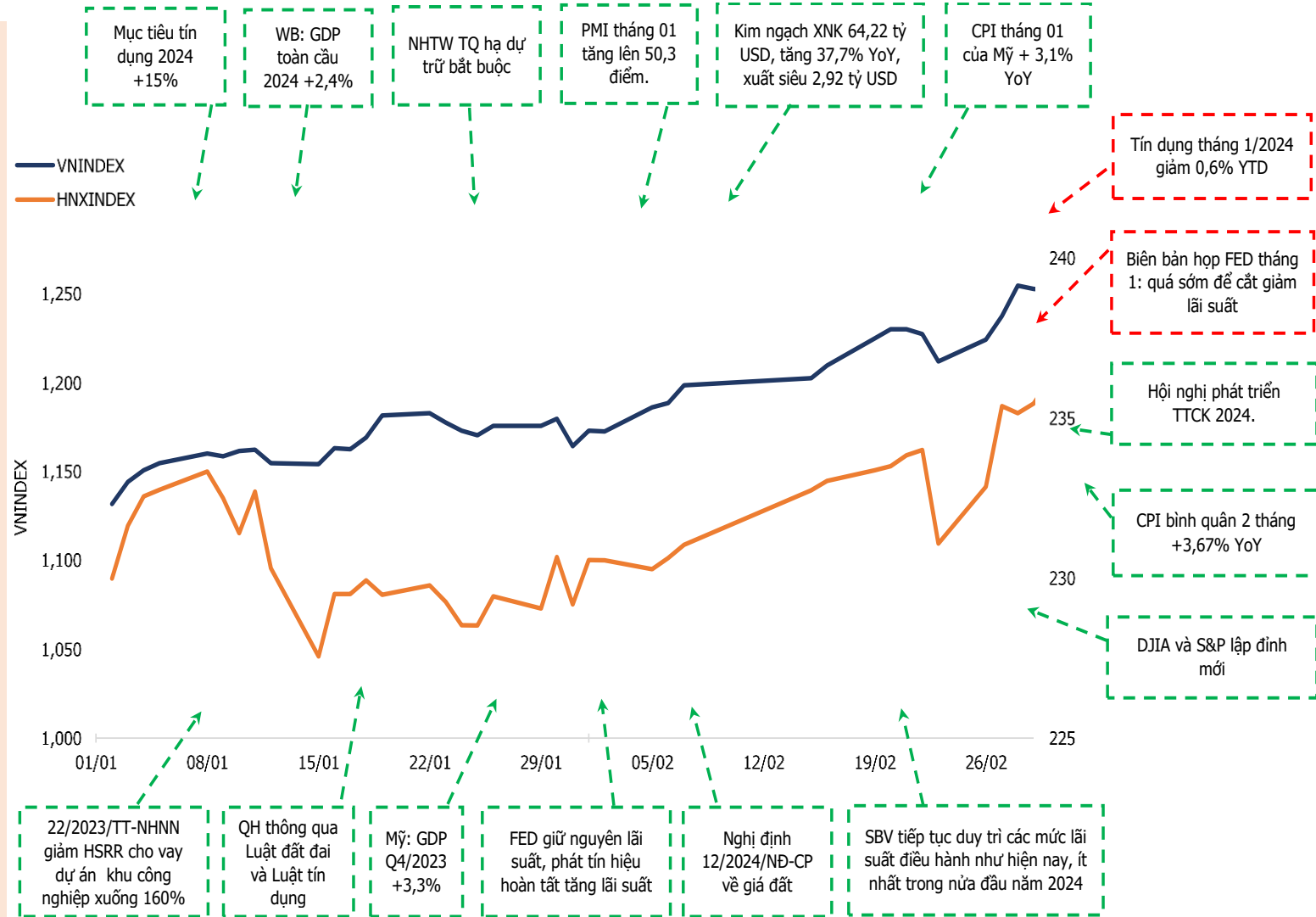
**TỔNG QUAN
TTCK THÁNG 02**

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 02

VN-INDEX tăng 7,59% trong tháng 02/2024, duy trì 04 tháng liên tiếp tăng điểm.

Tiếp nối đà tăng trong tháng 1 (+3,04%) sau khi vượt qua vùng kháng cự 1.125 điểm, VN-INDEX mở đầu tháng 02/2024 ở mức 1.162,78 điểm, tăng lên mức cao nhất 1.264,39 điểm và kết thúc tháng 02/2024 ở mức 1.252,73 điểm. Như vậy mặc dù chỉ giao dịch 16 phiên do kỳ nghỉ Tết Âm lịch, VN-Index vẫn tăng 7,59% so với tháng 01/2024 với thanh khoản ở mức cao và có tháng tăng điểm thứ 4 liên tiếp từ vùng giá 1.020 điểm - 1.050 điểm tại tháng 11/2023 và đang trong xu hướng kiểm tra lại vùng giá cao nhất năm 2023 và 08/2022 - 09/2022 tương ứng 1.250 điểm - 1.300 điểm.

Tâm lý nhà đầu tư lạc quan khi đón nhận các thông tin về tình hình kinh tế xã hội trong 02 tháng đầu năm cải thiện tốt ở nhiều mặt như xuất nhập khẩu, sản xuất công nghiệp...đi kèm với những động thái hỗ trợ tăng trưởng như mục tiêu tăng trưởng tín dụng cao hơn, duy trì lãi suất thấp, ban hành các chính sách liên quan thị trường bất động sản, bên cạnh đó là thông tin liên quan tới nỗ lực vận hành hệ thống KRX, nâng hạng thị trường của Chính phủ và các cơ quan điều hành thị trường.

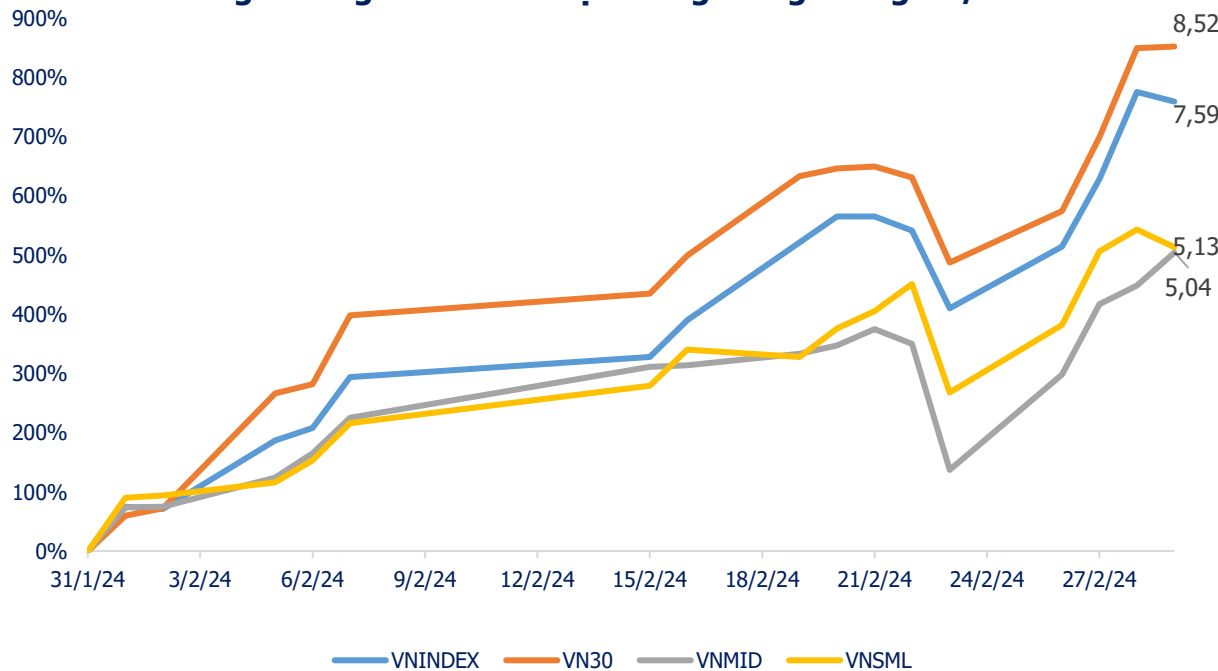




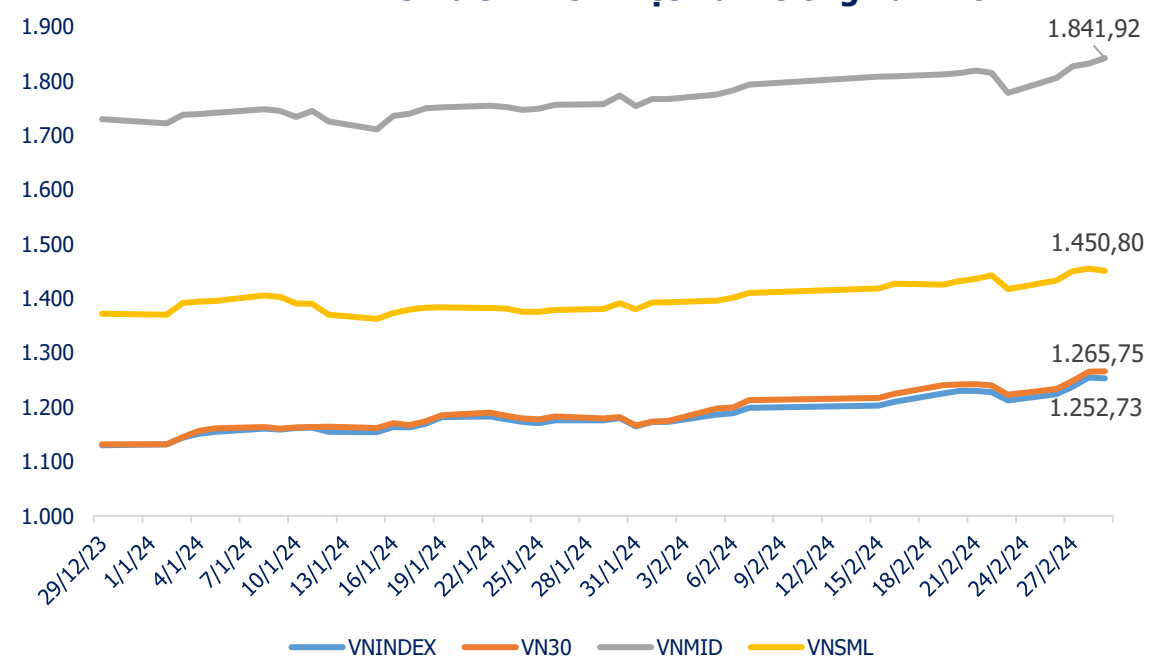
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 02

Cổ phiếu Bluechips dẫn dắt thị trường trong tháng 02/2024. Động lực đưa VN-Index tăng điểm tích cực trong 2 tháng đầu năm 2024 và đang tiến gần tới vùng giá cao nhất năm 2023 đến từ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn khi chỉ số VN30 tăng 3,08% trong tháng 1 và 8,52% trong tháng 02/2024. Các nhóm cổ phiếu khác cũng có diễn biến tích cực hơn trong tháng 2, cụ thể như nhóm vốn hóa nhỏ với chỉ số đại diện VNSML tăng 5,13% (tháng 1/2024 tăng 0,62%), nhóm vốn hóa trung bình VNMID tăng 5,04% (tháng 01/2024 tăng 1,39%). Với diễn biến vượt trội trong 2 tháng đầu năm của VN30 (+11,87%), có thể kỳ vọng trong tháng 03/2024 nhóm cổ phiếu vốn hóa trung bình, nhỏ có thể tăng giá tốt hơn nhờ dòng tiền đầu cơ gia tăng.

Tăng trưởng các chỉ số thị trường trong tháng 02/2024



Diễn biến TTCK Việt Nam trong năm 2024



Nguồn: Bloomberg, SHS Research

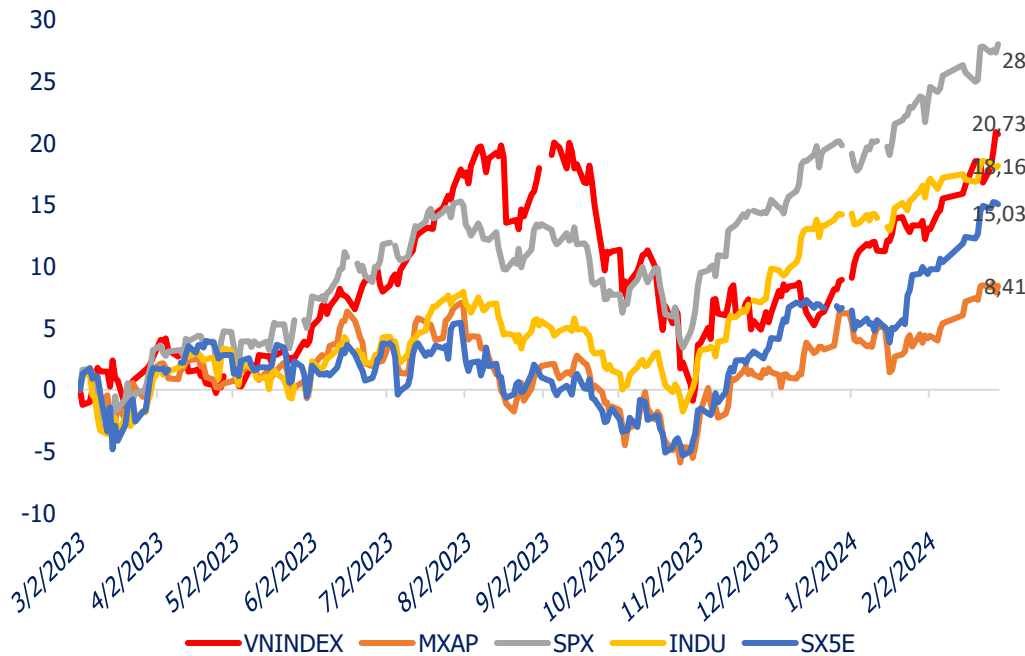


TỔNG QUAN TTCK THÁNG 02

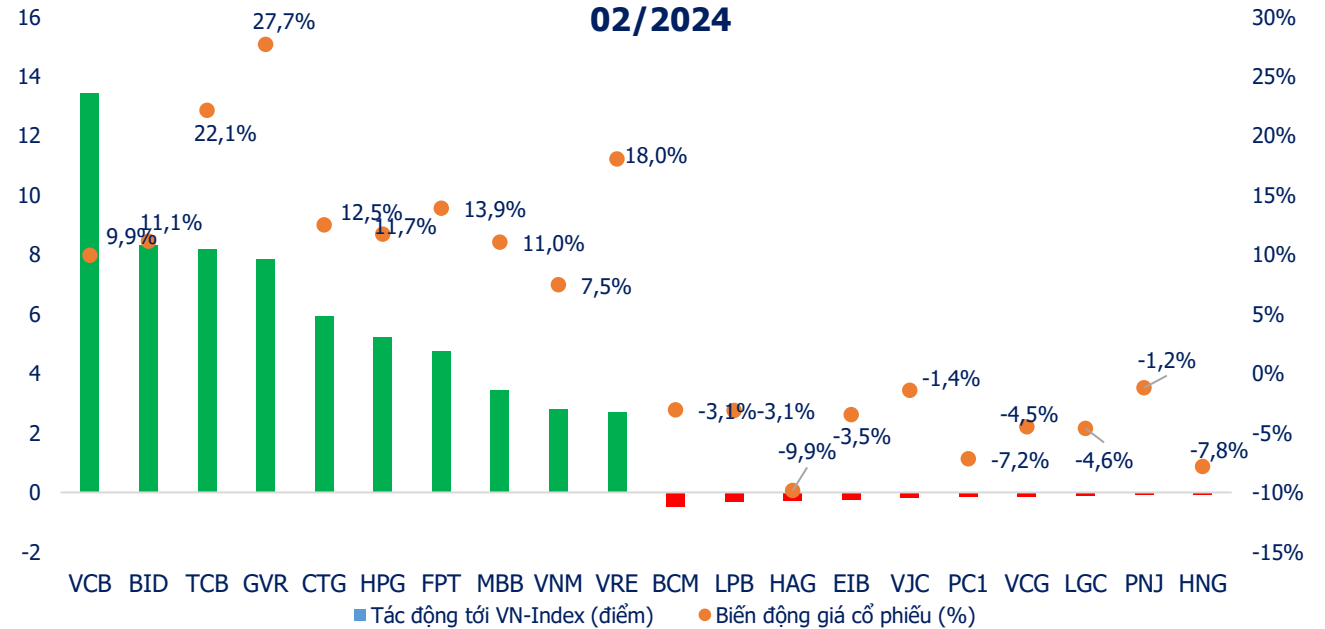
Thị trường chứng khoán Việt Nam tăng trưởng tốt so với khu vực: Trong tháng 02/2024 VN-INDEX là một trong những thị trường có diễn biến tăng giá tốt nhất trong khu vực và trên thế giới, chỉ kém chỉ số Nikkei của Nhật Bản (7,93%).

Ảnh hưởng tích cực nhất là nhóm cổ phiếu ngân hàng khi nhiều cổ phiếu ngân hàng vượt vùng giá đỉnh lịch sử với thanh khoản đột biến. Nổi bật là đầu tàu VCB (+9,9%) trước thông tin dự kiến chia cổ tức 2022 bằng cổ phiếu, BID (+11,1%), TCB (+22,1%), CTG (+12,5%)... Bên cạnh đó GVR (+27,7%) tăng giá mạnh khi giá cao su phục hồi và thông tin có kế hoạch xem xét thoái vốn của Nhà Nước, tiếp theo là HPG (+11,7%), FPT (13,9%), VNM (+7,5%)... Ở chiều ngược lại ảnh hưởng kém tích cực với mức độ không đáng kể như BCM (-3,1%), LPB (-3,1%), HAG (-9,9%)...

Tăng trưởng % chỉ số chứng khoán trong khu vực



Top cổ phiếu ảnh hưởng nhất đến VN-Index trong tháng 02/2024



Nguồn: Fiigroup, SHS Research

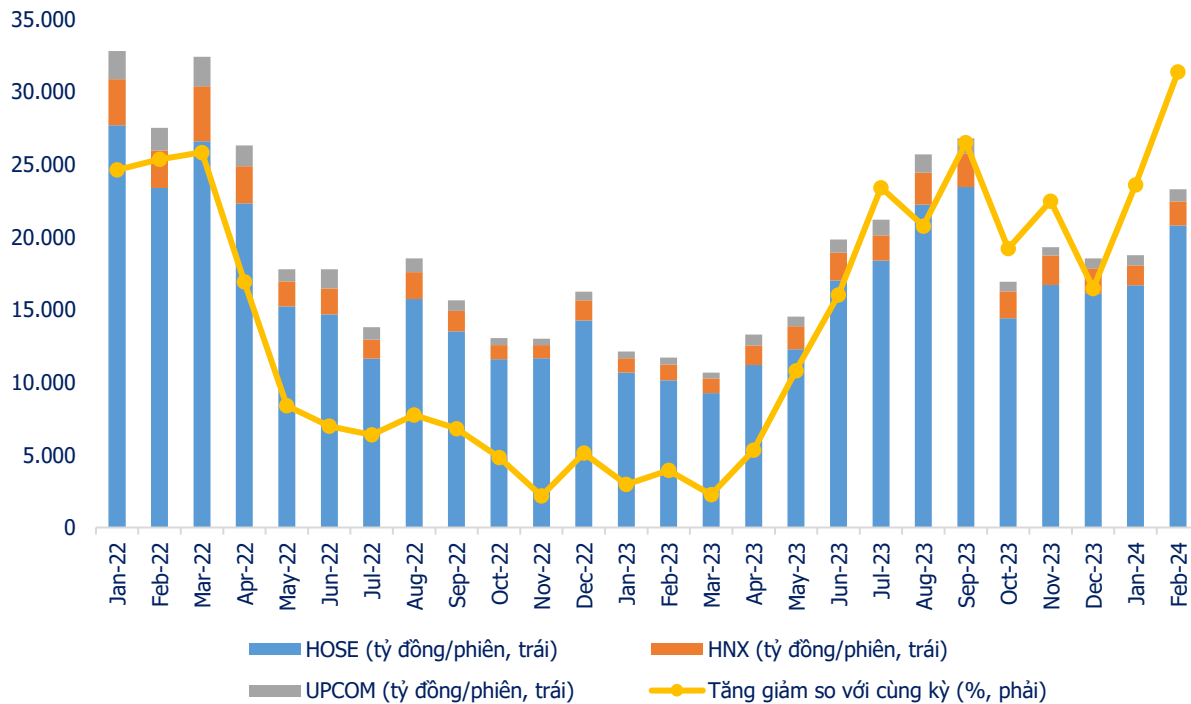


TỔNG QUAN TTCK THÁNG 02

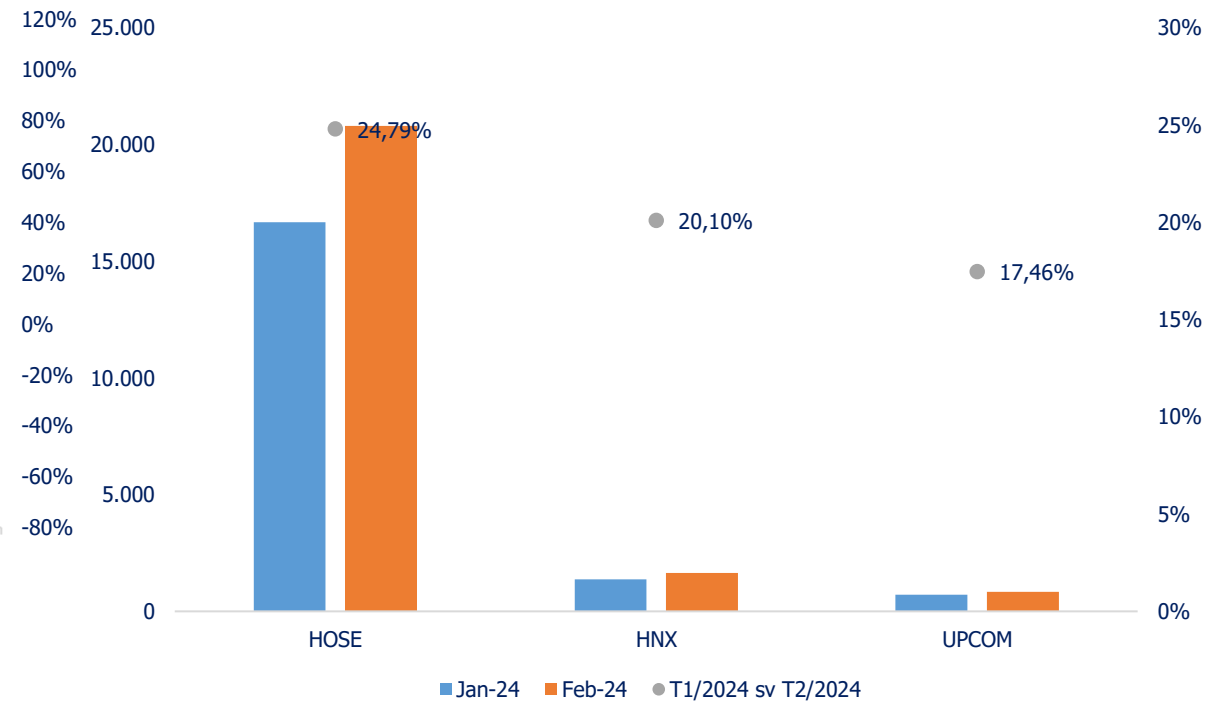
Biến cơ hội thành giá trị

Giá trị giao dịch trung bình đạt gần 01 tỷ USD trong tháng 02/2024. Với diễn biến VN-INDEX tăng điểm mạnh nhất trong 04 tháng, thanh khoản thị trường trong tháng 2 tăng mạnh 124,2% so với tháng 01/2024, giá trị giao dịch trung bình 03 sàn đạt 23.282,34 tỷ đồng. Trong đó tại HOSE đạt 20.794,3 tỷ đồng/phiên (+24,79% MoM), tại HNX là 16.472 tỷ đồng/phiên (+20,10% MoM), tại Upcom là 843,34 tỷ đồng/phiên (+17,46% MoM). Giao dịch diễn ra sôi động, dòng tiền luân chuyển và gia tăng tốt qua từng nhóm mã, thanh khoản tăng trở lại nổi bật trong nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, ngân hàng. Mức thanh khoản trung bình gần 01 tỷ USD/phiên là khá cao phần nào cho thấy tính đầu cơ và sử dụng đòn bẩy tăng, con số này chỉ thấp hơn các thời điểm tháng 08/2023-09/2023 và đầu năm 2022 đều là những thời điểm đã có áp lực điều chỉnh mạnh trong quá khứ.

GTGD trung bình (tỷ đồng/phiên)



GTGD trung bình (tỷ đồng/phiên)

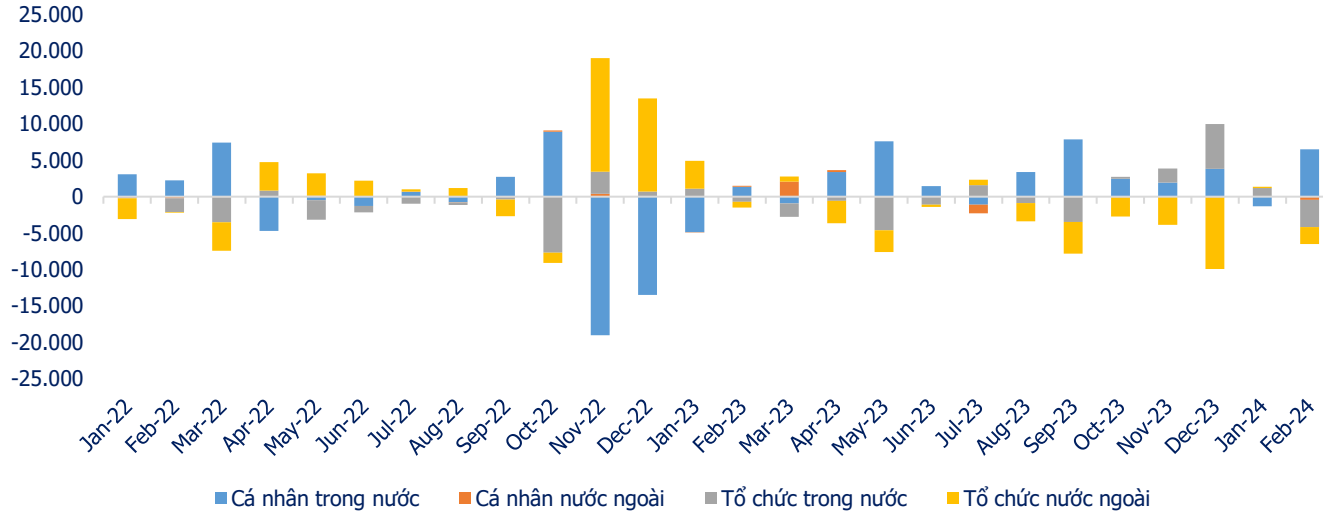


Nguồn: Fingroup, SHS Research

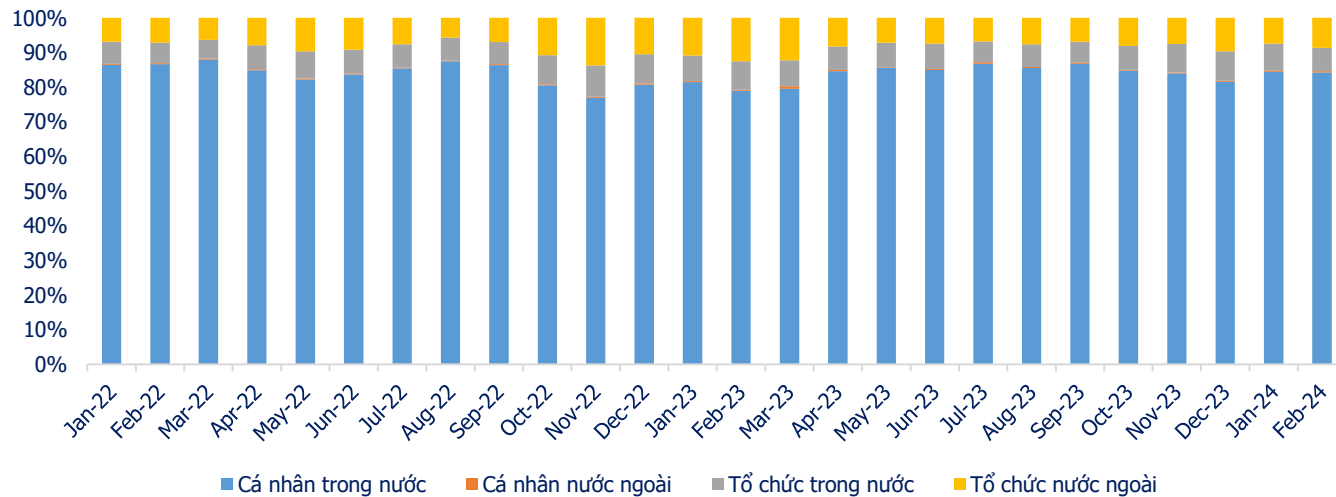


TỔNG QUAN TTCK THÁNG 02

Giá trị giao dịch ròng theo loại nhà đầu tư tại HOSE (tỷ đồng)



Tỷ trọng giao dịch theo loại nhà đầu tư tại HOSE theo tháng



Trong tháng 02/2024, nhà đầu tư cá nhân trong nước tiếp tục là nhân tố chính khi mua ròng với giá trị 6.495,4 tỷ đồng. Đây là giá trị mua ròng rất lớn trong 02 năm trở lại đây khi chỉ thua kém tháng 9/2023-10/2022, tháng 03/2022. Nếu xét giá trị mua ròng trung bình/ngày thì đây là tháng mua ròng mạnh nhất do chỉ có 16 phiên giao dịch trong tháng 02/2024. Tỷ trọng giao dịch của nhà đầu tư cá nhân duy trì ở mức cao với tỉ lệ 84,24%, trên mức trung bình.

Trong khi đó tổ chức trong nước sau 04 tháng liên tiếp mua ròng với tổng giá trị 9.500,60 tỷ đồng từ tháng 10/2023 đến 01/2024 đã bán ròng mạnh trong tháng 02 với giá trị 3.726,4 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng giao dịch 6,79%, dưới mức trung bình 7% trong 03 năm qua.

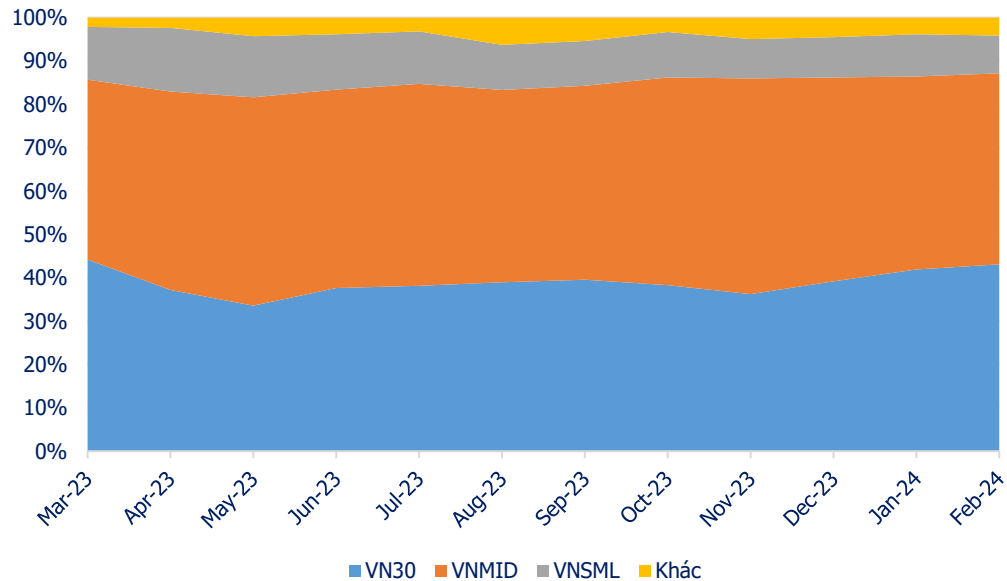
Nhà đầu tư tổ chức nước ngoài sau khi mua ròng nhẹ trở lại trong tháng 01/2024 cũng đã bán ròng khá mạnh trong tháng 02 với giá trị 2.328 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng giao dịch ở mức 8,64%, trên mức trung bình và nâng lũy kế bán ròng trong 12 tháng gần nhất lên 31.032 tỷ đồng. Cá nhân nước ngoài cũng bán ròng khá đột biến trong tháng 2 với giá trị lên đến 440,7 tỷ đồng



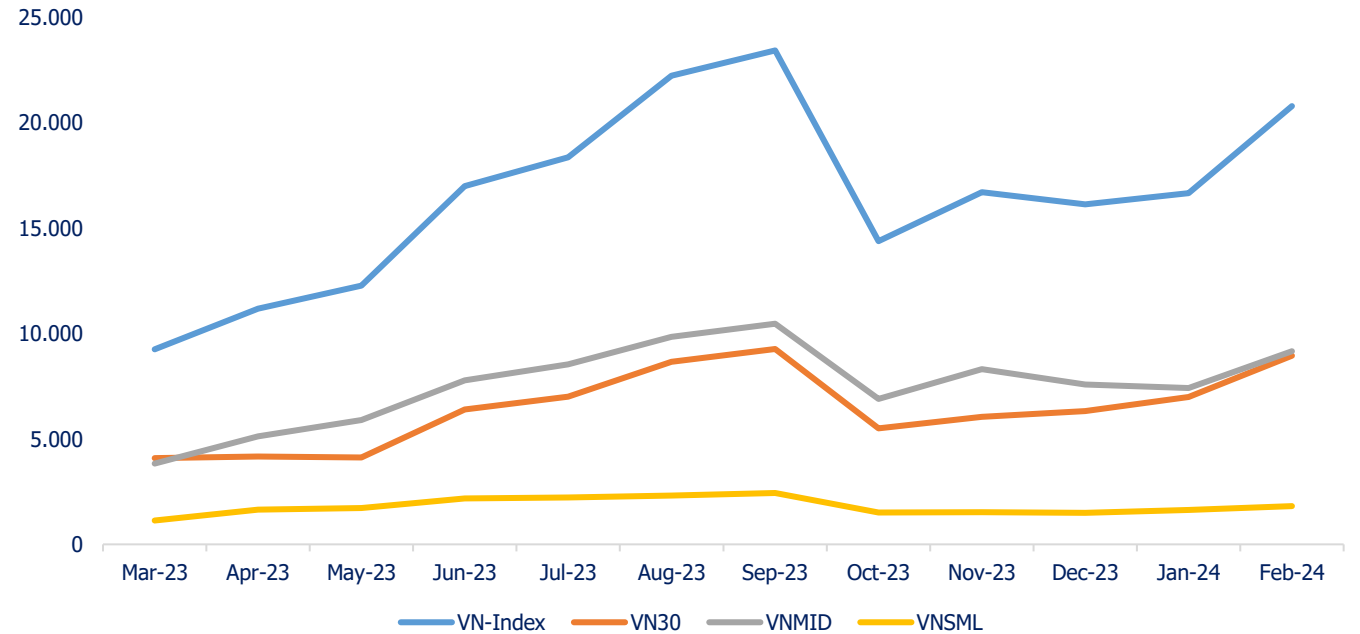
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 02

Xét về giá trị giao dịch, trong tháng 02 nhóm cổ phiếu VN30 thu hút được dòng tiền mạnh có giá trị bình quân là 8.951,62 tỷ đồng/phiên (+28,14% MoM), VNMID là 9.166,83 tỷ đồng/phiên (+23,77% MoM). Trong khi đó nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ vẫn chưa thu hút được nhiều dòng tiền khi giá trị giao dịch bình quân của VNMSL là 1.810,75 tỷ đồng/phiên, chỉ tăng 11,6% MoM. Các chỉ số VN30 và VNMID đều có giá trị giao dịch bình quân tăng mạnh vượt mức trung bình trong 12 tháng qua phần nào thể hiện tính chất đầu cơ và tốc độ xoay vòng tăng.

Tỷ trọng giá trị giao dịch bình quân trên VN-Index



Giá trị giao dịch bình quân phiên trong 12 tháng gần nhất (tỷ đồng)



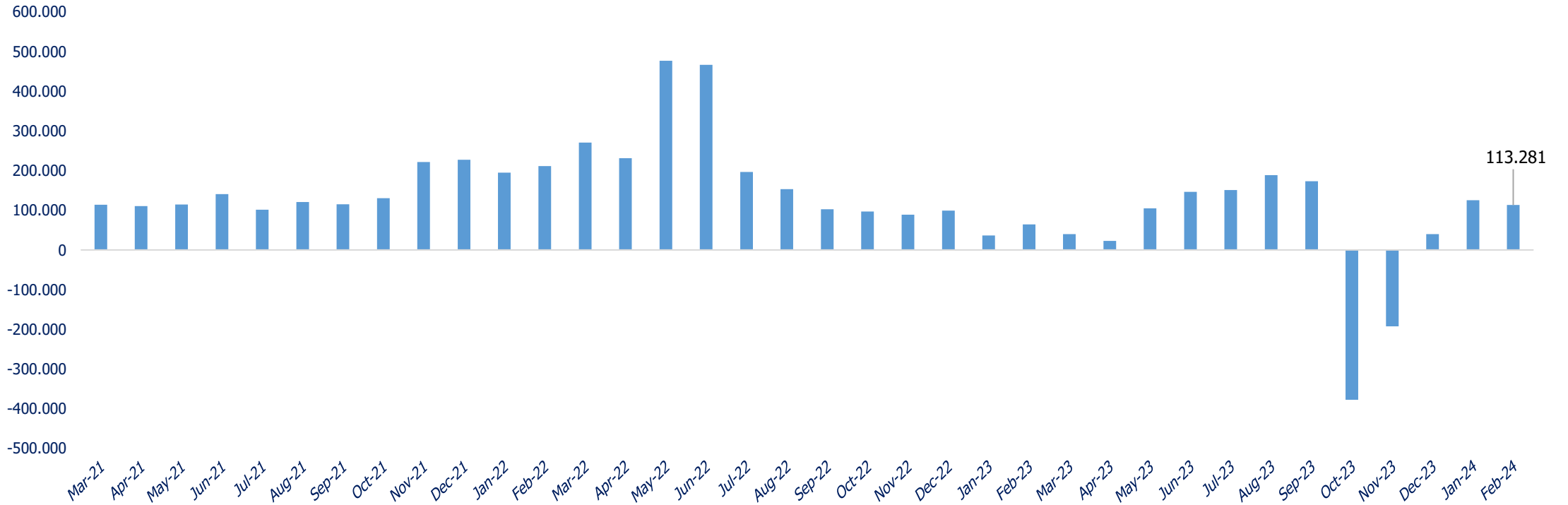
Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research



TỔNG QUAN TTCK THÁNG 2

Trong tháng 2, số lượng tài khoản chứng khoán tăng thêm 113.281 tài khoản (+76,9% YoY) và là tháng thứ 3 liên tiếp tăng so với cùng kỳ, trong đó tài khoản nhà đầu tư trong nước tăng 113.175 tài khoản và nhà đầu tư nước ngoài là 106 tài khoản. Lũy kế sau 2 tháng đầu năm 2024, số lượng tài khoản tăng thêm đạt 238.637 tài khoản, tăng mạnh 138% so với cùng kỳ năm 2023, đưa tổng số tài khoản giao dịch của nhà đầu tư lên trên 7,53 triệu tài khoản trong đó nhà đầu tư cá nhân trong nước chiếm 99,2%.

Số lượng tài khoản chứng khoán tăng thêm theo tháng



Nguồn: Bloomberg, SHS Research

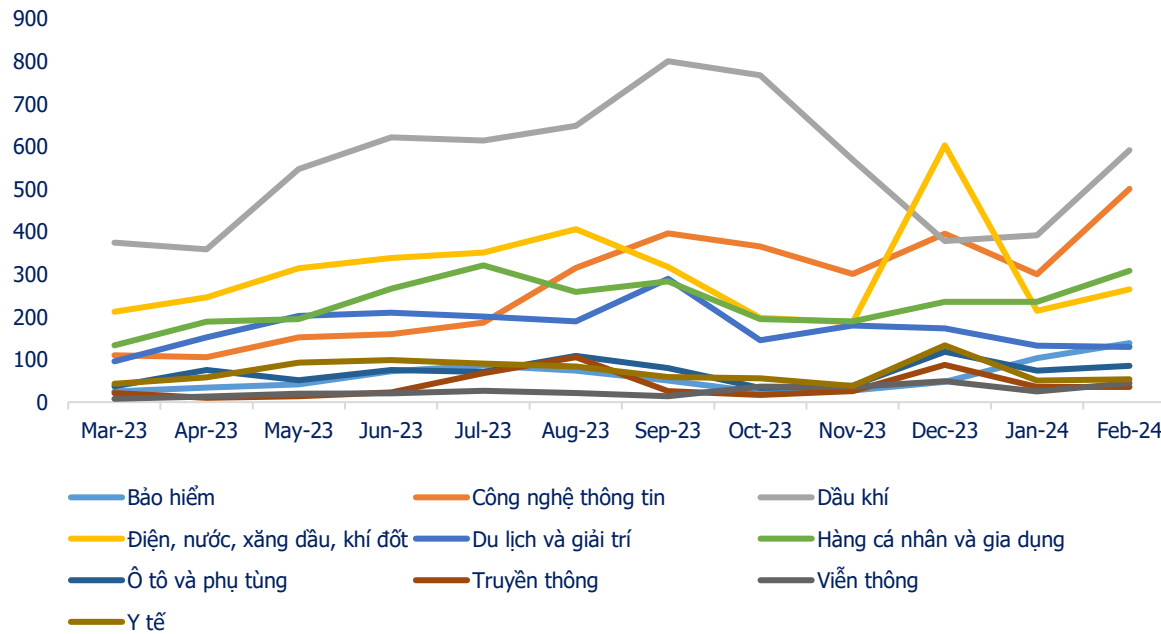


TỔNG QUAN TTCK THÁNG 02

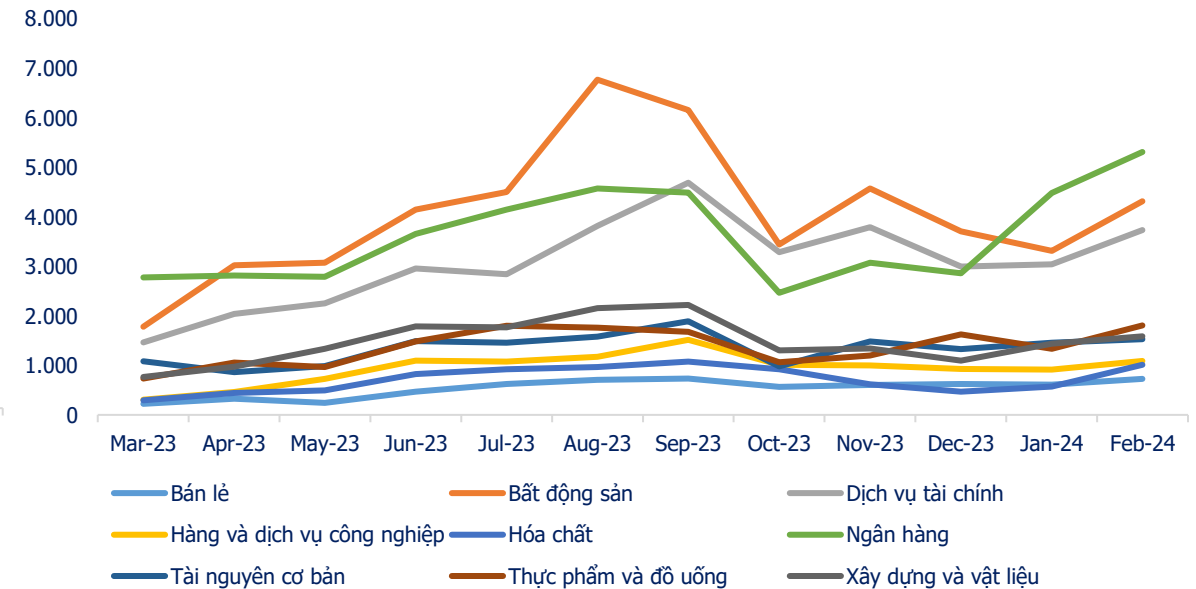
Nhóm cổ phiếu ngân hàng tiếp tục có thanh khoản đột biến trở lại với giá trị giao dịch bình quân tiếp tục gia tăng lên mức 5.310,41 tỷ đồng/phiên (18,4% MoM), tháng thứ 2 liên tiếp vượt giá trị giao dịch trung bình của nhóm bất động sản và chứng khoán sau nhiều tháng liên tiếp thua kém. Dòng tiền tăng giúp nhiều mã trong ngành vượt đỉnh giá lịch sử và tiệm cận vùng đỉnh lịch sử năm 2022. Trong khi đó nhóm dịch vụ tài chính sau năm 2023 có mức tăng giá vượt trội đã có giá trị giao dịch bình quân quay trở lại vị trí thứ 3 sau Ngân hàng và bất động sản, mặc dù vẫn gia tăng tốt với 3.731,23 tỷ đồng phiên (+22,7% MoM). Bất động sản (+30,2% MoM) duy trì vị trí thứ 2 với giá trị giao dịch bình quân 4.317,71 tỷ đồng/phiên.

Xét về mức tăng mạnh giá trị giao dịch bình quân trong tháng 02/2024 thì ngành Hóa chất (+75,4%MoM) nổi bật với mức tăng mạnh nhất, tiếp đến là Viễn thông (+77,4% MoM), Công nghệ (+66,8% MoM) và Dầu khí (+51,0% MoM) với nhiều mã tăng giá mạnh, thanh khoản đột biến. Trong khi đó chỉ có duy nhất là Du lịch và giải trí (-1,9% MoM) là nhóm có giá trị giao dịch suy giảm trong khi tháng 02/2024 có kỳ nghỉ Lễ Tết Âm Lịch..

GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 1)



GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 2)



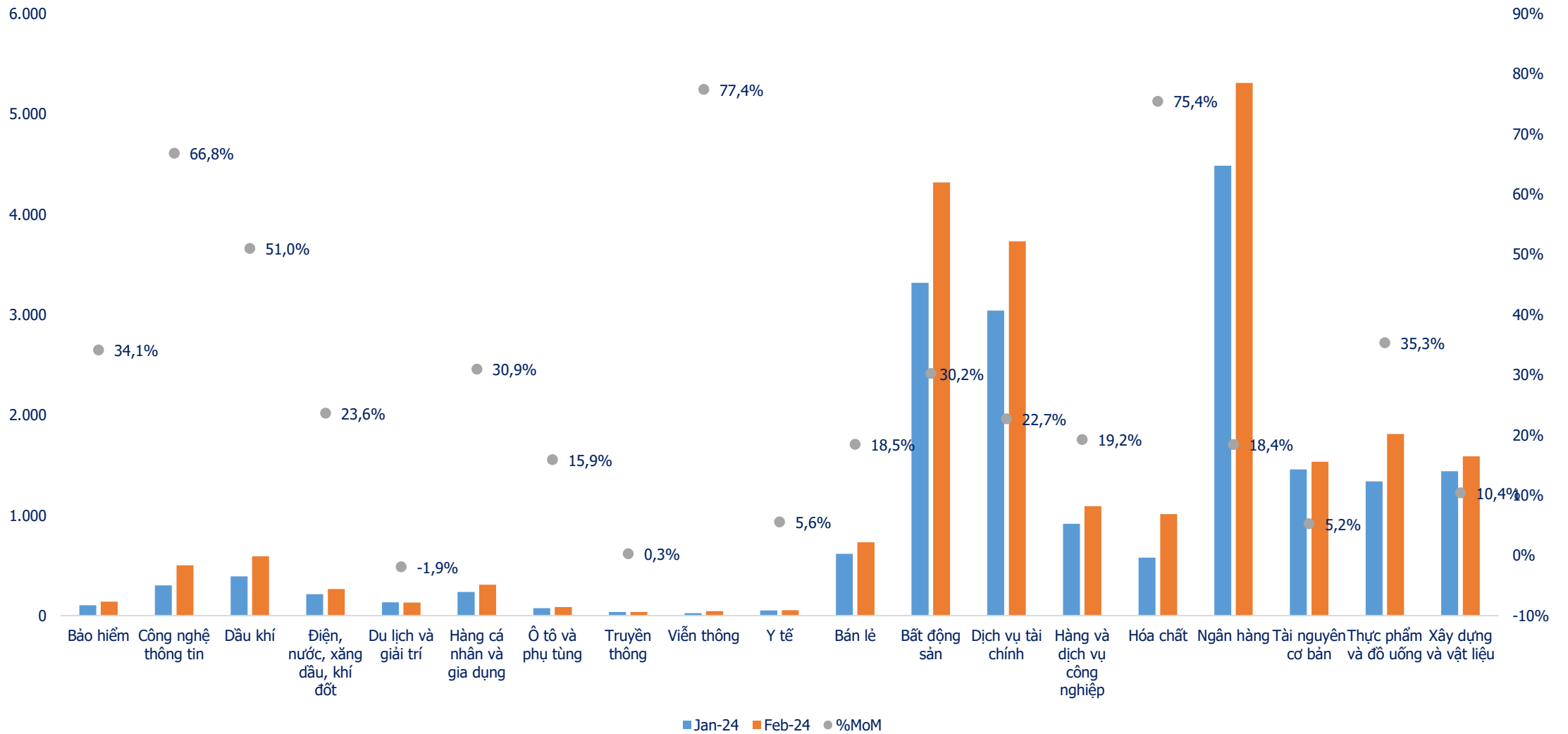
Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research



TỔNG QUAN TTCK THÁNG 02

Biến cơ hội thành giá trị

Giá trị giao dịch bình quân phiên theo nhóm ngành



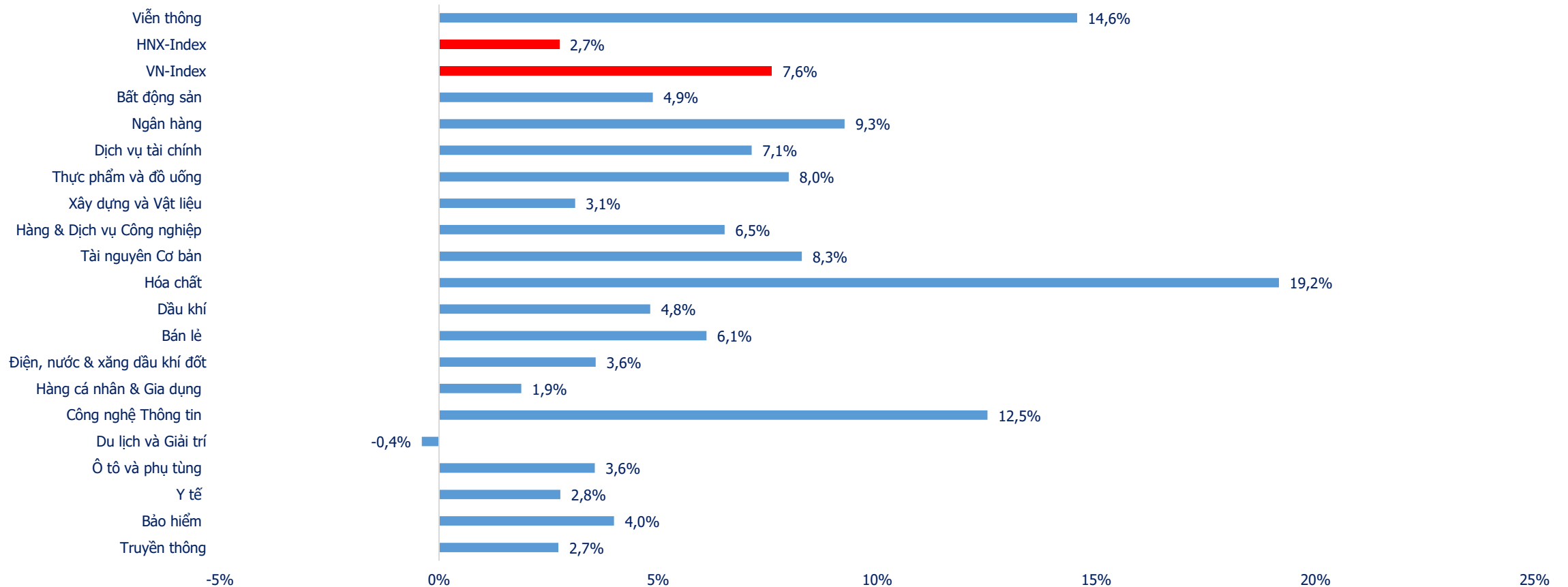
Nguồn: Bloomberg, SHS Research



TỔNG QUAN TTCK THÁNG 02

Trong tháng 02/2024 có 05 nhóm ngành có mức tăng giá vượt trội so với VN-INDEX với thanh khoản duy trì ở mức cao, thu hút dòng tiền ngắn hạn gia tăng và luân chuyển mạnh. Nổi bật nhất trong số này là Hóa chất (+19,2% MoM) với cổ phiếu đại diện DGC (23,9% MoM), tiếp đến là Viễn Thông (+14,6%) với các cổ phiếu Viettel, Công nghệ thông tin (+12,25% MoM) với FPT (13,9% MoM), Ngân hàng (+9,3% MoM) với TCB (+22,1%)...

Tăng/giảm các nhóm ngành và chỉ số thị trường trong năm 2024



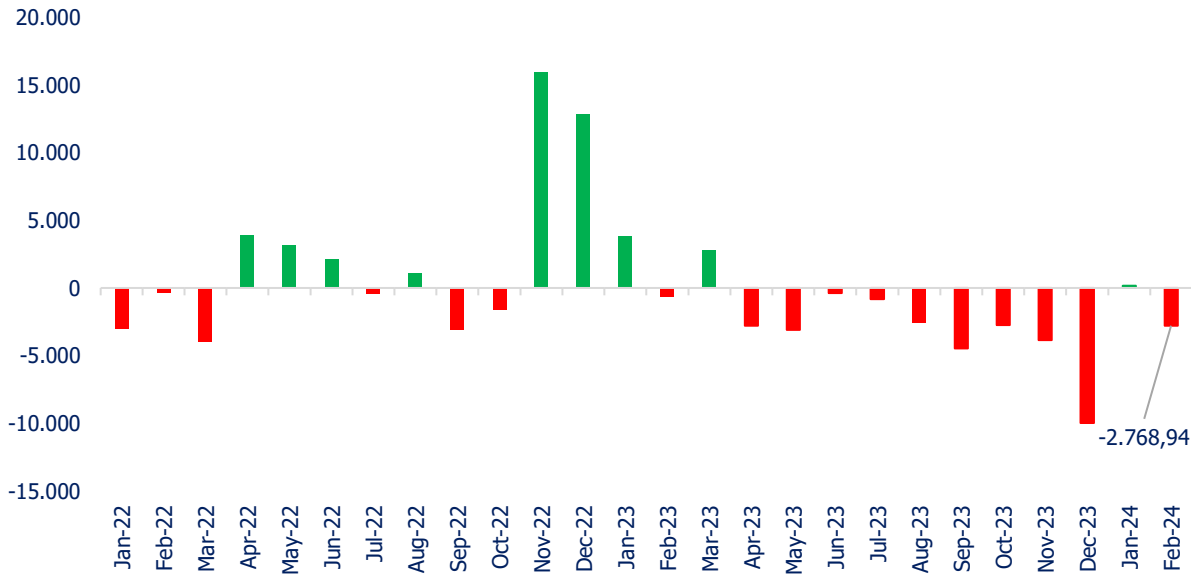


TỔNG QUAN TTCK THÁNG 02

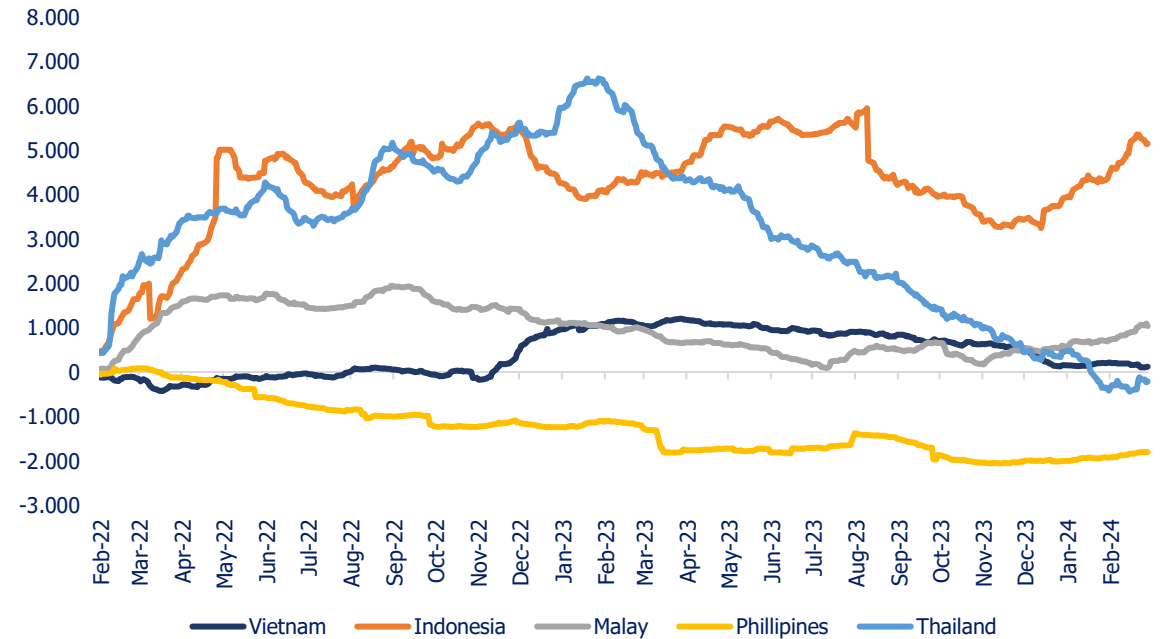
Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng trở lại trong tháng 2/2024: Sau tháng 01/2024 mua ròng với giá trị 1.173 tỷ đồng, chủ yếu nhờ giao dịch tại Upcom, khối ngoại đã bán ròng mạnh trở lại trong tháng 02 với giá trị 1.446 tỷ đồng trong đó riêng tại HOSE là 2.768,94 tỷ đồng. Tính chung 2 tháng đầu năm 2024, khối ngoại bán ròng nhẹ 272,3 tỷ tại thị trường Việt Nam. Một phần nguyên nhân dẫn đến khối ngoại bán ròng có thể là do mức chênh lệch lợi tức lớn do lãi suất, lợi tức Chính Phủ Mỹ vẫn duy trì ở mức cao. Tại HNX, khối ngoại bán ròng tháng thứ 2 liên tiếp với giá trị tăng lên 363,88 tỷ đồng trong khi mua ròng tốt trên Upcom với giá trị 1.686,55 tỷ đồng.

So với các thị trường khác trong khu vực, khối ngoại bán ròng cổ phiếu trong 2 tháng đầu năm 2024 tại Thái Lan (-788 triệu USD) và Việt Nam (-49,2 triệu USD), cải thiện mua ròng tốt trở lại ở thị trường Indonesia (+1.18 tỷ USD) và Malaysia (421,9 triệu USD), Philippines (+208,3 triệu USD)

Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên HOSE theo tháng từ 2022 (tỷ đồng)



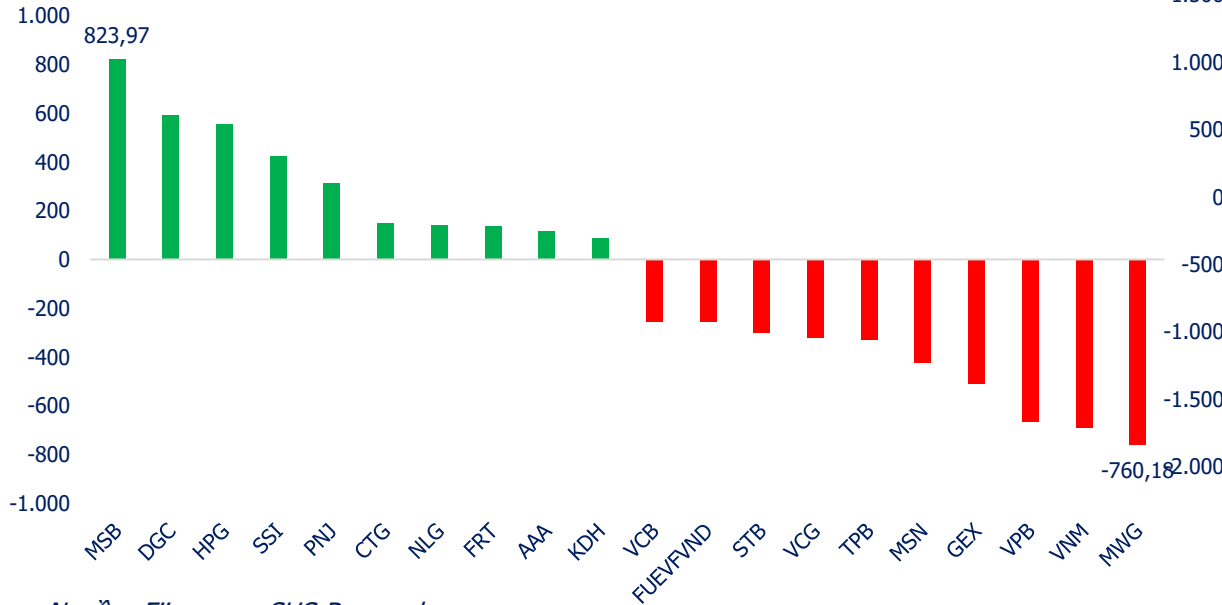
Lũy kế giao dịch cổ phiếu khối ngoại (2022-2024)



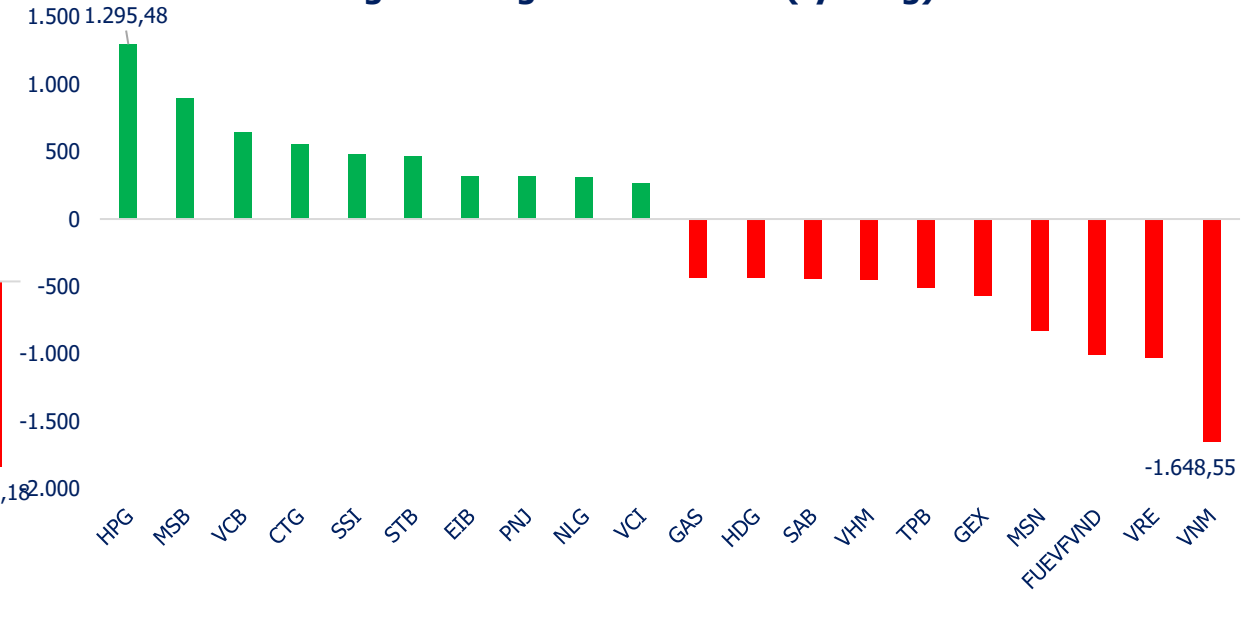
Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 02

Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HOSE trong tháng 02/2024 (tỷ đồng)



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HOSE trong 02 tháng đầu năm 2024 (tỷ đồng)



Nguồn: Fiigroup, SHS Research

Trên HOSE, với áp lực bán ròng chủ yếu của khối ngoại, nhóm cổ phiếu bán lẻ MWG (-760,18 tỷ đồng), MSN (-424,61 tỷ đồng) tiếp tục chịu áp lực bán ròng mạnh trong tháng 02, bên cạnh VNM (-692,47 tỷ đồng) tiếp đến là nhóm ngân hàng với VPB (-667,39 tỷ đồng), TPB (-331,40 tỷ đồng), STB (-302,98 tỷ đồng)... Trong khi đó ngân hàng MSB (+823,97 tỷ đồng) được mua ròng mạnh, tiếp đến là các cổ phiếu được khối ngoại liên tục mua ròng tích cực DGC (+591,49 tỷ đồng), SSI (+425,25 tỷ đồng), PNJ (+314,13 tỷ đồng) và nhóm thép với HPG (+557,49 tỷ đồng)....

Lũy kế 02 tháng năm 2024, khối ngoại duy trì bán ròng mạnh với VNM (-1.648,55 tỷ đồng), VRE (-1.029,10 tỷ đồng), FUEVFVND (-1.007,81 tỷ đồng) chịu áp lực bán mạnh nhất, tiếp đến là MSN (-825,85 tỷ đồng) và GEX (-568,40 tỷ đồng), TPB (-508,40 tỷ đồng)... Ở chiều ngược lại lũy kế nhóm thép vẫn được khối ngoại mua ròng với giá trị lớn nhất với HPG (+1.295,48 tỷ đồng) tiếp đến là các ngân hàng MSB (+896,59 tỷ đồng), VCB (+643,78 tỷ đồng), CTG (+553,88 tỷ đồng) và chứng khoán với SSI (+476,78 tỷ đồng)...



TỔNG QUAN TTCK THÁNG 02

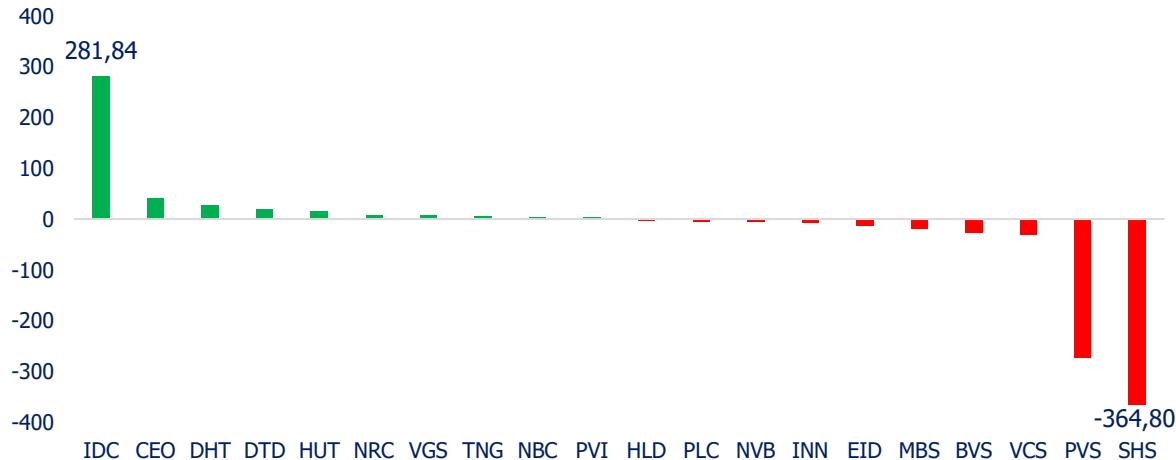
Biến cơ hội thành giá trị

Sau khi mua ròng tích cực trong cả năm 2023 với giá trị 2.997,27 tỷ đồng, khối ngoại đang bán ròng khá mạnh trong 02 tháng đầu năm 2024 trên sàn HNX với giá trị bán ròng lũy kế 553,30 tỷ đồng. Giá trị bán ròng trong tháng 02 là 363,88 tỷ đồng. Đây là áp lực bán ròng mạnh trong hơn 02 năm trở lại đây của khối ngoại trên HNX.

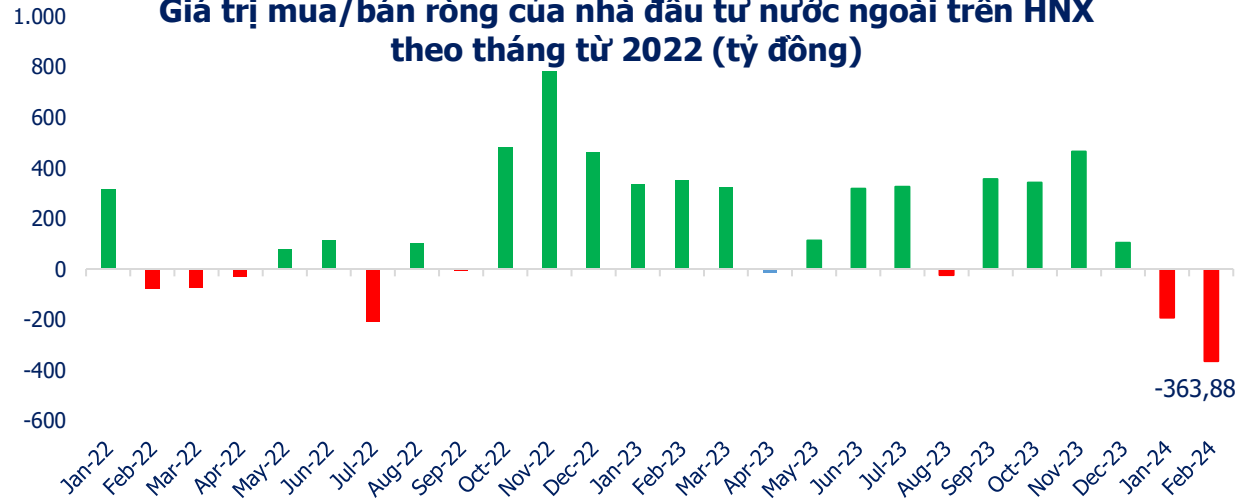
Trong đó bán ròng mạnh nhất trong tháng 02 là SHS (-364,80 tỷ đồng), PVS (-273,29 tỷ đồng). Lũy kế 02 tháng bán ròng mạnh SHS (-573,91 tỷ đồng) sau khi mua ròng khá tốt trong năm 2023, PVS (-513,53 tỷ đồng). Ngược lại IDC (+281,84 tỷ đồng) tiếp tục được mua ròng khá tốt nâng mức lũy kế lên mua ròng IDC lên 594,99 tỷ đồng trong 02 tháng đầu năm.

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

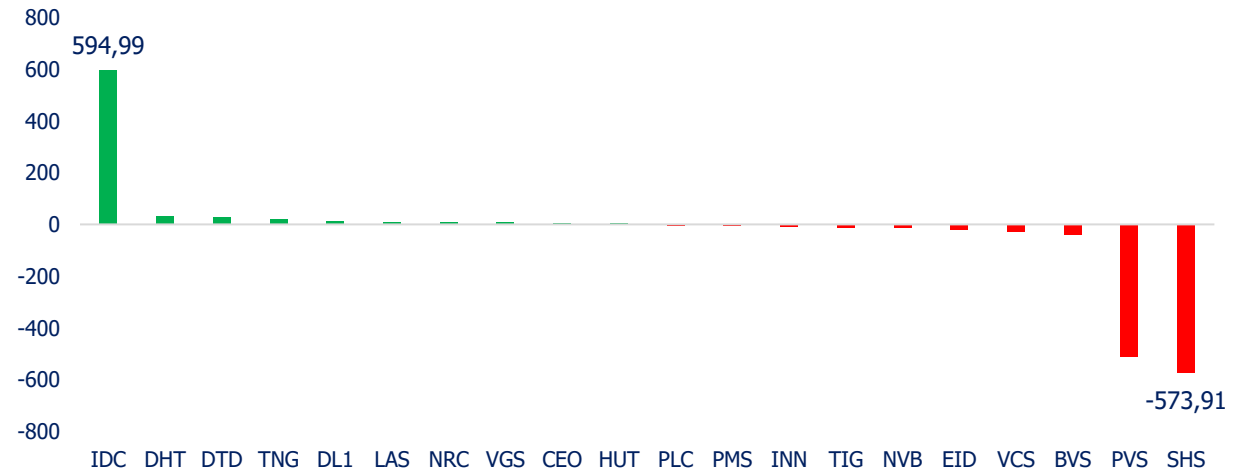
Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX trong tháng 02/2024 (tỷ đồng)



Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên HNX theo tháng từ 2022 (tỷ đồng)



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX trong 02 tháng đầu năm 2024 (tỷ đồng)



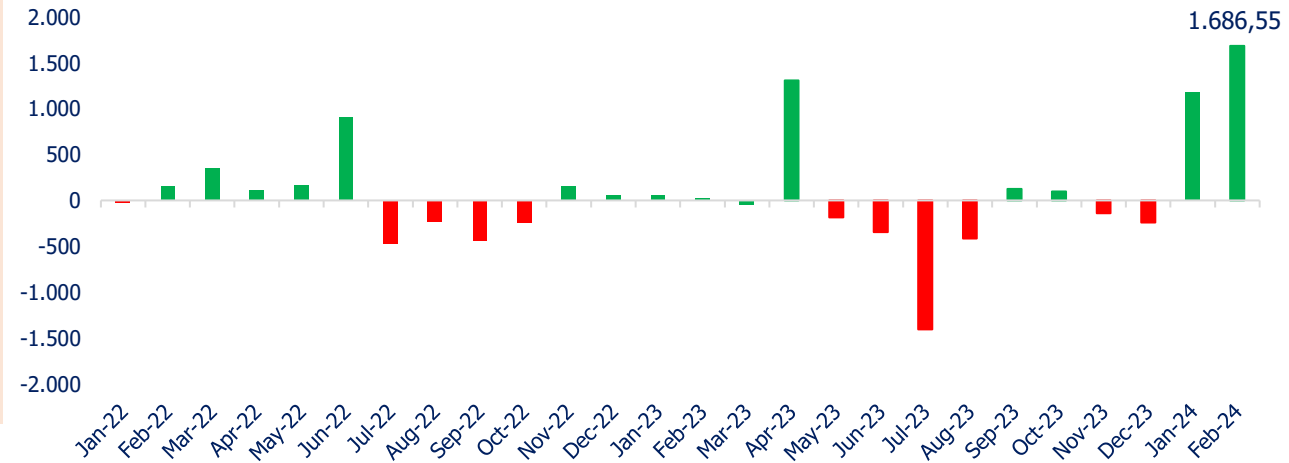


Biến cơ hội thành giá trị

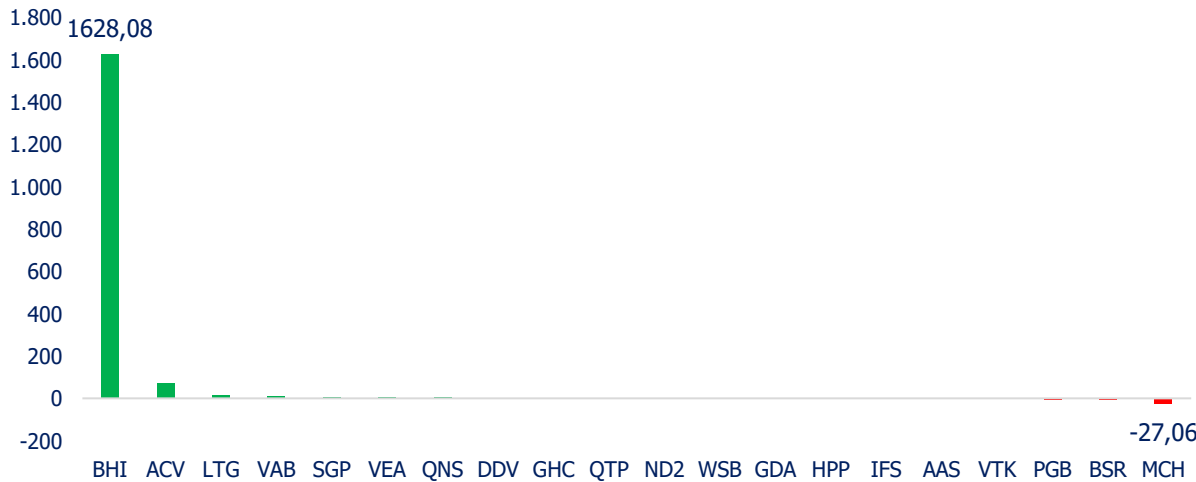
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 02

Trên sàn Upcom, trong tháng 2/2024 khối ngoại đã mua ròng mạnh, nổi bật là DB Insurance - doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ hàng đầu của Hàn Quốc đã mua 75% cổ phần của BHI, tương ứng 75 triệu cổ phiếu với giá trị giao dịch 1.628,08 tỷ đồng. Đặc biệt trong tháng 01/2024 DB Insurance cũng đã mua 75 triệu cổ phiếu AIC(+1.262,83 tỷ đồng), tương ứng 75% vốn điều lệ và chính thức trở thành công ty mẹ của Bảo hiểm Hàng không AIC. Đây là hai thương vụ mua lại nổi bật trên sàn Upcom trong bối cảnh khối ngoại tập trung bán ròng mạnh các cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX. Lũy kế 02 tháng đầu năm 2024 khối ngoại mua ròng mạnh với giá trị 2.866,69 tỷ đồng trên sàn Upcom.

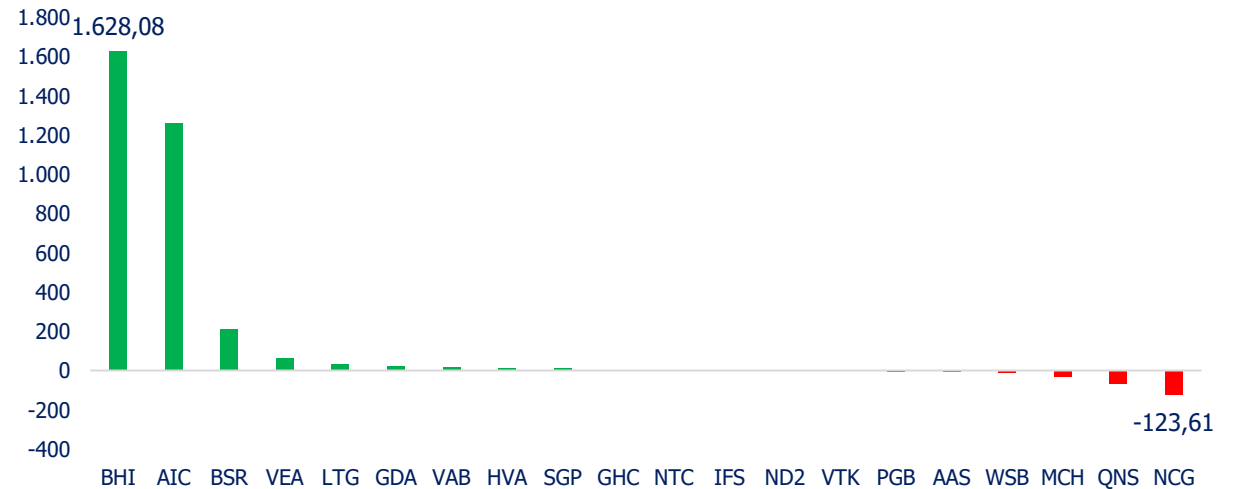
Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên UPCOM theo tháng từ 2022 (tỷ đồng)



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM trong tháng 02/2024 (tỷ đồng)



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM trong 02 tháng đầu năm 2024 (tỷ đồng)



Nguồn: Fiigroup, SHS Research

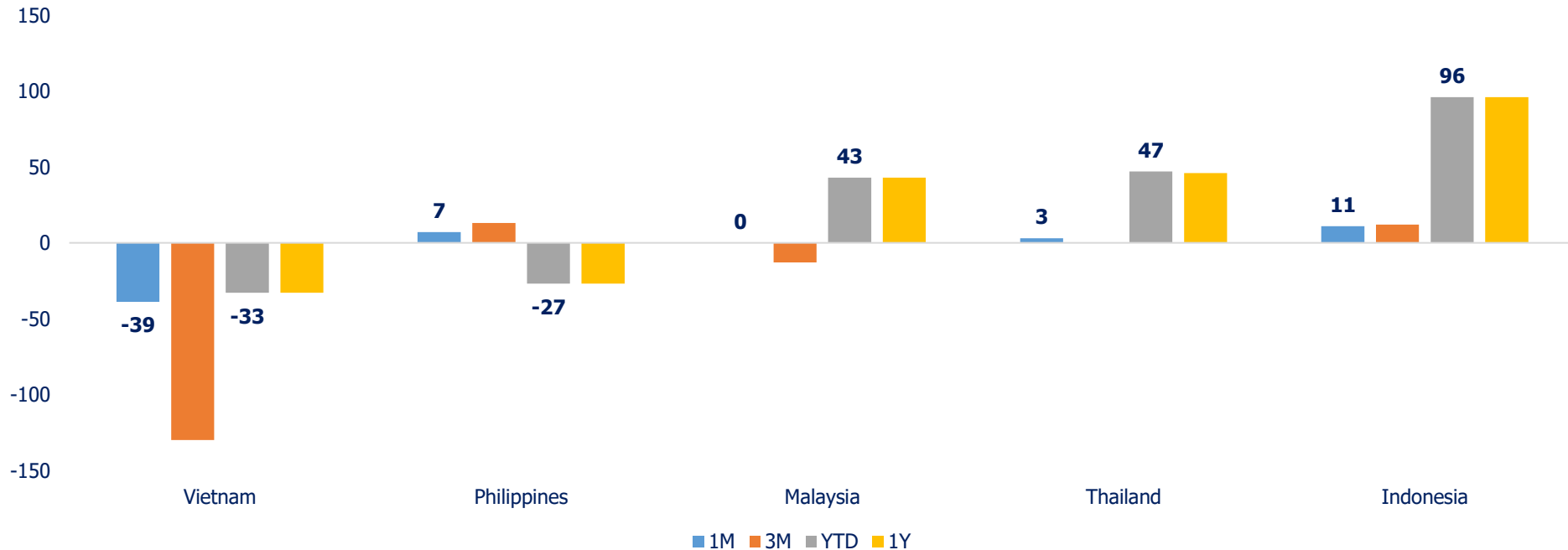


TỔNG QUAN TTCK THÁNG 02

Sau năm 2023 ghi nhận đà bán ròng tiêu cực, dòng vốn ETF tiếp tục rút ròng trong những tháng đầu năm 2024 tại thị trường Việt Nam. Chỉ sau hai tháng, giá trị rút ròng đã ghi nhận là 33 triệu USD. Ở chiều ngược lại hầu hết các thị trường khác ghi nhận tích cực trong hai tháng đầu năm như Indonesia (+96 triệu USD), Thái Lan (+47 triệu USD), Malaysia (+43 triệu USD).

Trong tháng 02/2024, xu hướng rút ròng vẫn tiếp tục ghi nhận tại hai quỹ ETF nội là DCVFM VNDiamond (-11.4 triệu USD) và DCVFM VN30 (-12.6 triệu USD). Ngược lại, điểm sáng ghi nhận hút ròng đến từ nhóm các quỹ ngoại quen thuộc như FUBON (+8.8 triệu USD), VanEck (+1.6 triệu USD).

Dòng vốn ETF theo quốc gia (Triệu USD)



Nguồn: Bloomberg, SHS Research



Biến cơ hội thành giá trị

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 02

Tên quỹ	Loại hình	Tổng AUM	NAV	Số lượng CCQ	Dòng vốn ròng (triệu USD)			
		(triệu USD)	(tỷ USD)		1M	3M	YTD	1Y
DCVFMVN Diamond ETF (VND)	ETF	880	1.1	763,000,000	-11.4	-106.8	-59	-224
Fubon FTSE Vietnam ETF (TWD)	ETF	943	0.5	2,048,738,000	8.8	29.3	9.6	78.8
DCVFMVN30 ETF Fund (VND)	ETF	347	0.9	383,100,000	-12.6	-11.8	-11.6	6.4
VanEck Vietnam ETF (USD)	ETF	626	14.8	42,350,000	1.3	-6.1	-0.6	-18.5
Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF (EUR)	ETF	398	28.5	12,589,840	-10.6	-7.1	-7.0	11.3
SSIAM VNFIN LEAD ETF (VND)	ETF	184	0.8	231,600,000	0.6	-59.6	-12.0	-104.1
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF (KRW)	ETF	224	15	12,200,000	-3.0	-4.8	-31.7	25.8
Premia MSCI Vietnam ETF (USD)	ETF	18.3	8.8	1,980,000	0.0	-0.6	-0.6	-1.5
SSIAM VNX50 ETF (VND)	ETF	6,7	0.8	8,900,000	0.0	0.1	-0.1	0.5
Asian Growth CUBS ETF (USD)	ETF	10.1	21.5	520,000	0.0	0.0	0.0	0.0
Global x MSCI Vietnam ETF (USD)	ETF	7.8	19.5	560,000	0.0	0.0	0.0	5.3
SSIAM VN30 ETF (VND)	ETF	4.1	0.8	8,300,000	0.0	0.0	0.0	1.9
KIM KINDEX Vietnam VN30 Fututres Leverage ETF (KRW)	ETF	6.5	10.6	600,000	0.0	0.0	0.0	0.3
KIM GROWTH VN30 ETF (VND)	ETF	13.8	0.3	75,000,000	0.0	1.7	0.3	8.8

Nguồn: Bloomberg, SHS Research



**TRÌNH VỌNG
TTCK
THÁNG 03**

Thị trường 2/2024 tăng điểm mạnh và đây là tháng thứ 4 liên tiếp thị trường tăng điểm kể từ tháng 11/2023. Đà tăng mạnh của thị trường giúp Vn-Index vượt lên trên ngưỡng cản trung hạn 1.250 điểm và trong ngắn hạn còn có thể hướng tới ngưỡng cản mạnh 1.300 điểm.

Về góc độ kỹ thuật, VnIndex đang trong giai đoạn hồi phục mạnh mẽ sau downtrend của năm 2022, mặc dù thị trường tăng điểm mạnh từ đáy nhưng Vn-Index cần thêm giai đoạn tích lũy đủ dài và tin cậy trước khi hình thành Uptrend thực sự. Ngoài ra các số liệu vĩ mô trong 2 tháng đầu năm 2024 mặc dù đang có tín hiệu khả quan, tuy nhiên bối cảnh bên ngoài vẫn còn nhiều biến số khó lường và cần thêm thời gian để nền kinh tế trở lại đà tăng trưởng mạnh. Vì thế việc thị trường chứng khoán cần điều chỉnh và tích lũy thêm là hợp lý.

Trong tháng 3, khả năng Vn-Index sẽ kiểm định vùng kháng cự quanh 1.300 điểm trước khi bước vào giai đoạn điều chỉnh là kịch bản chúng tôi đánh giá cao. Khu vực tích lũy hợp lý của chỉ số tiếp theo sẽ là trong kênh rộng 1.150 điểm - 1.300 điểm và trong trường hợp chặt chẽ hơn là 1.150 điểm - 1.250 điểm.



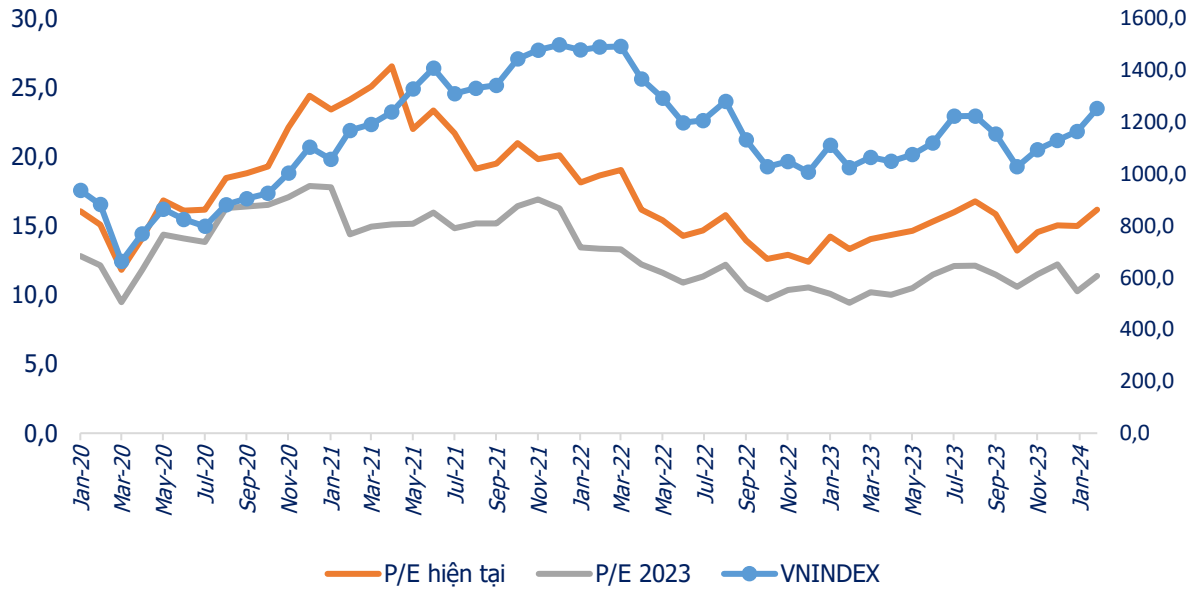


TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 03

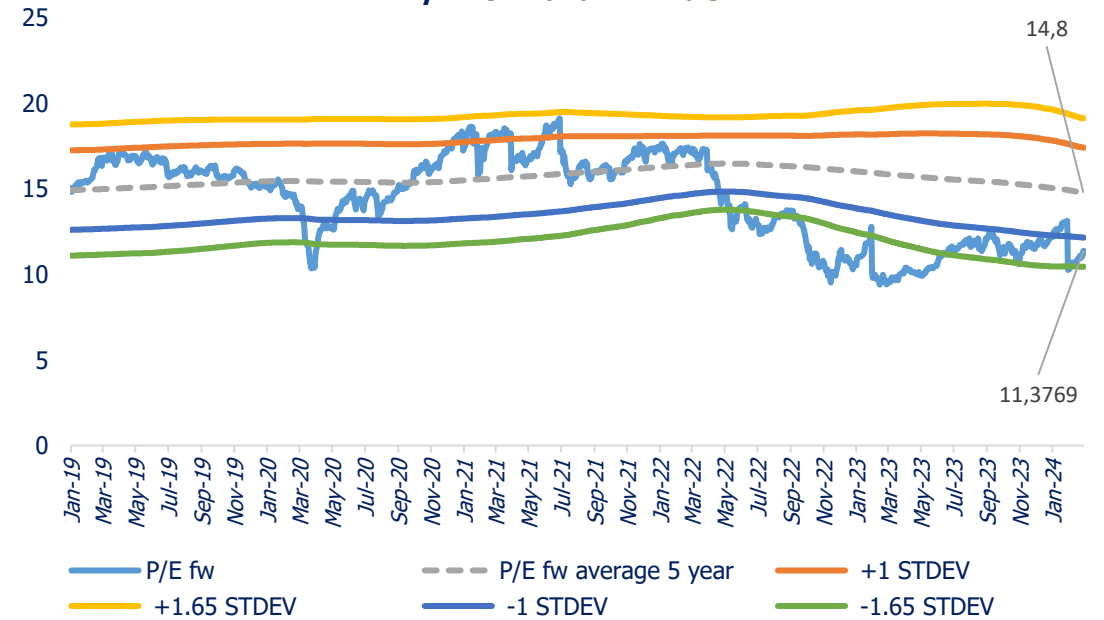
Biến cơ hội thành giá trị

Vào thời điểm kết thúc tháng 02/2024, định giá toàn thị trường P/E đã tăng lên mức 16,2x so với mức 15x vào tháng trước (tăng gần 8%) và đang tiệm cận tới mốc trung bình 10 năm gần nhất (16,6 lần). Trong kịch bản tích cực về nâng hạng thị trường và mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp, P/E kỳ vọng sẽ có thể chạm mốc trung bình 5 năm (17,5x) trong năm 2024.

Định giá TTCK VN



P/E forward VNIndex



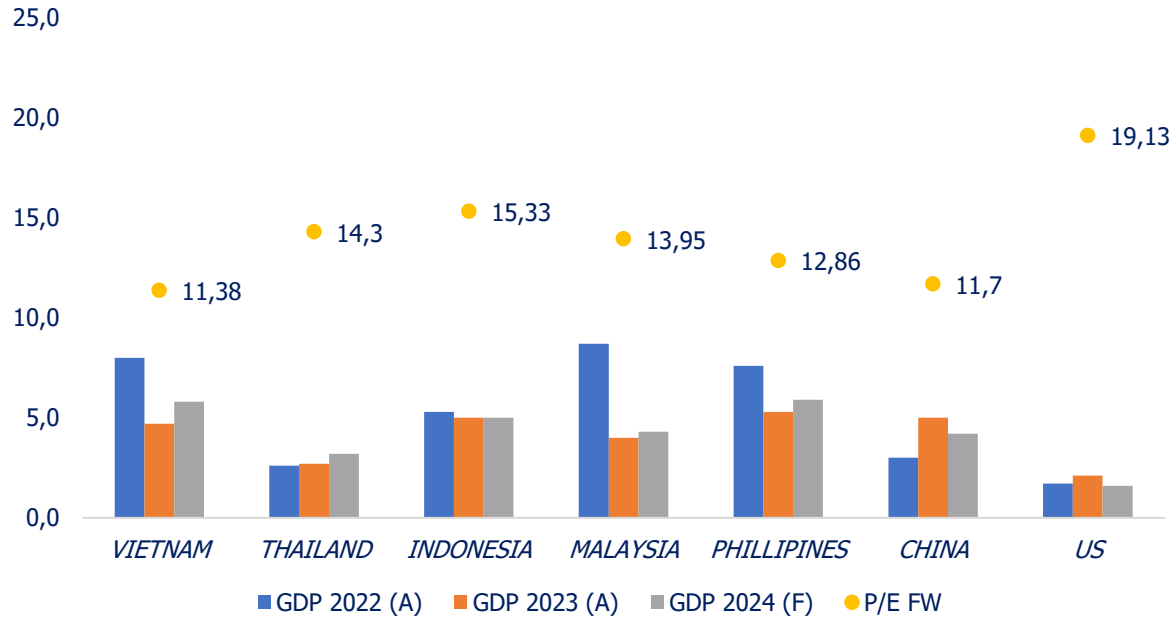
Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp



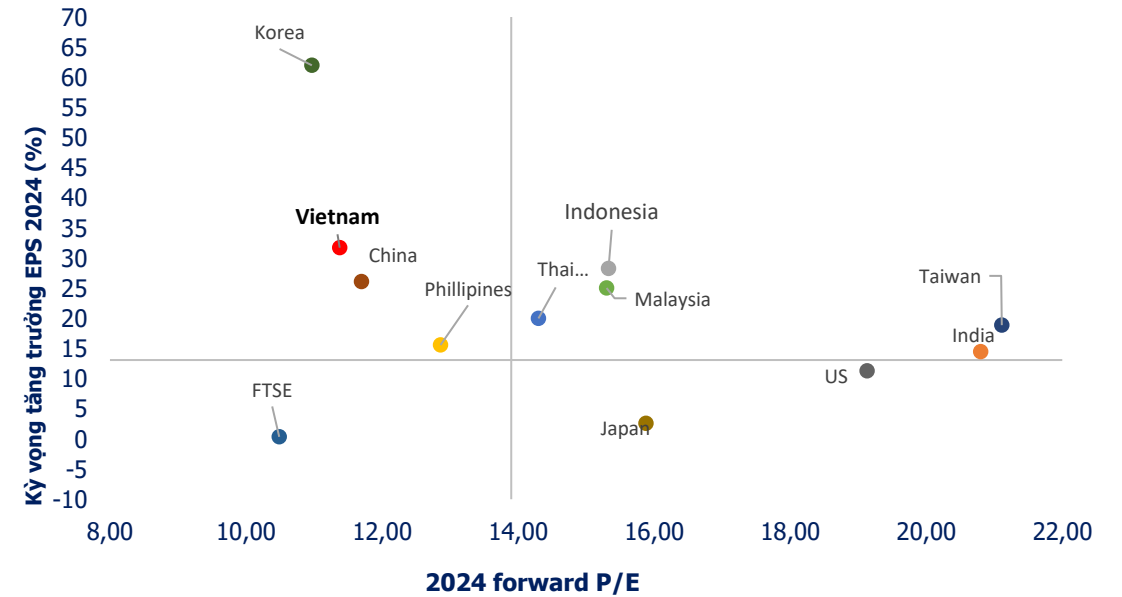
TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 03

Biến cơ hội thành giá trị

TTCK VN so với các nước trên thế giới



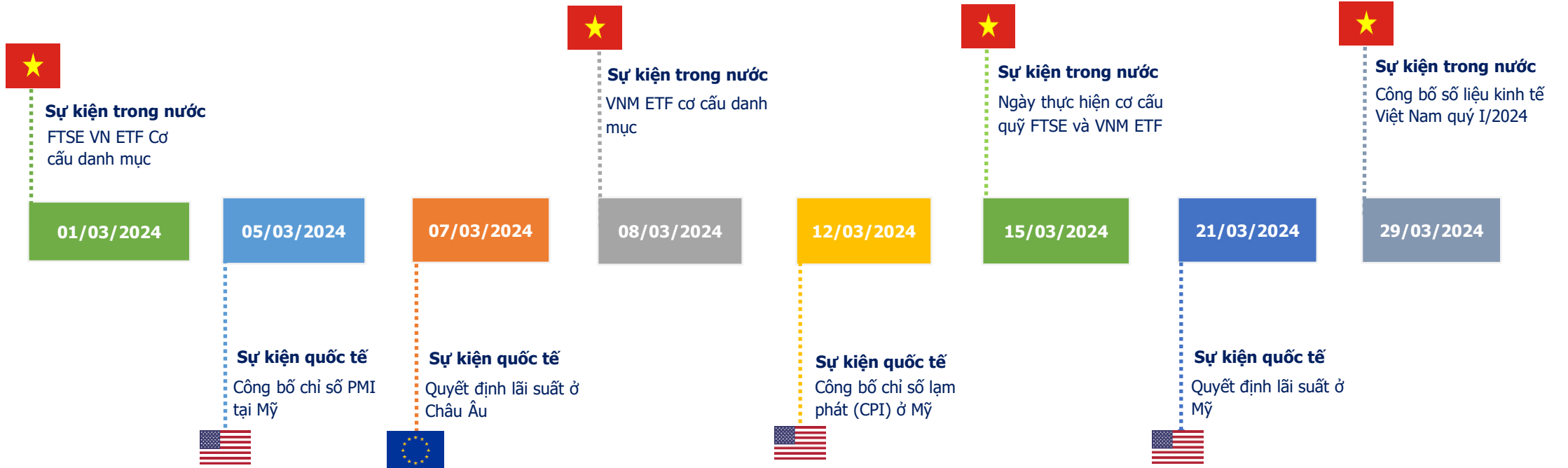
Kỳ vọng tăng trưởng EPS, P/E Forward 2024



Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp



LỊCH SỰ KIỆN THÁNG 03





DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

Feb

Mar

Apr

May

Jun

Jul

Aug

Sep

Oct

Nov

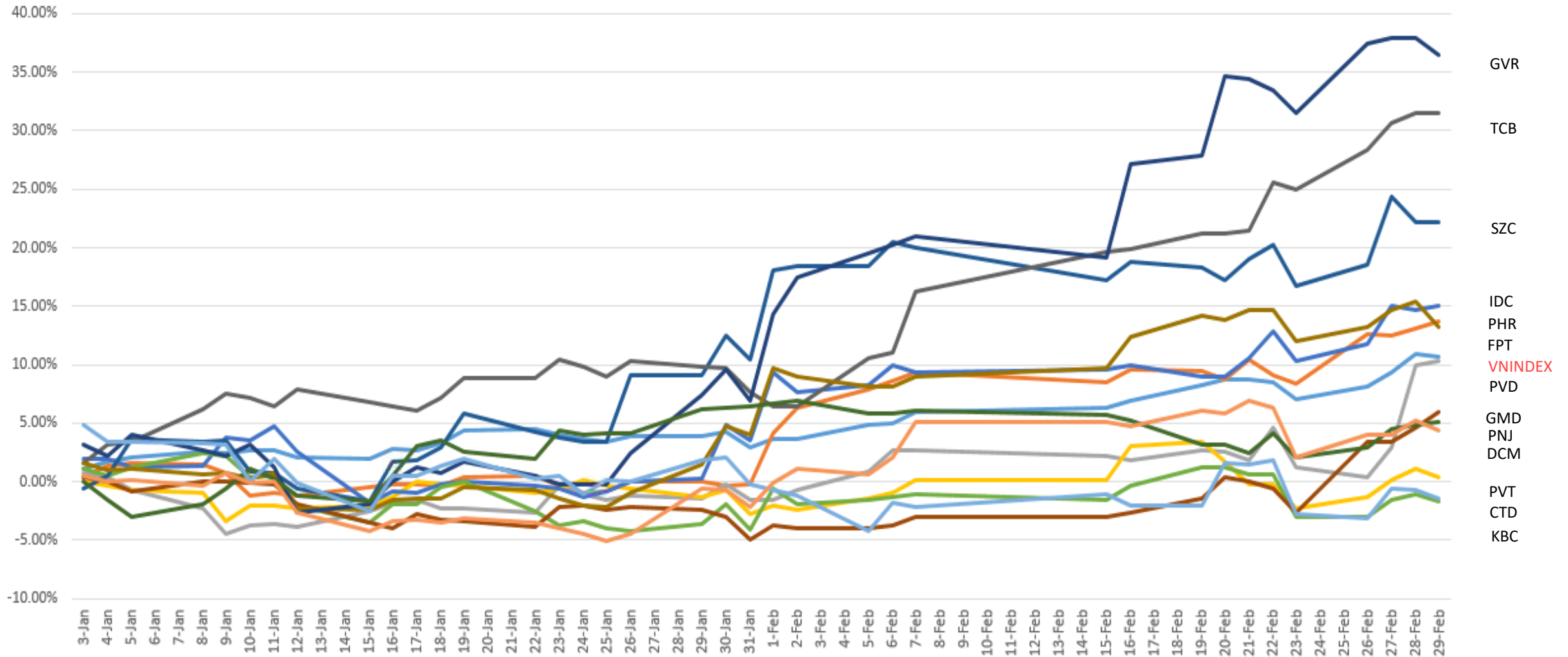
Dec



Biến cơ hội thành giá trị

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

Diễn biến giá cổ phiếu trong danh mục (% Ytd)



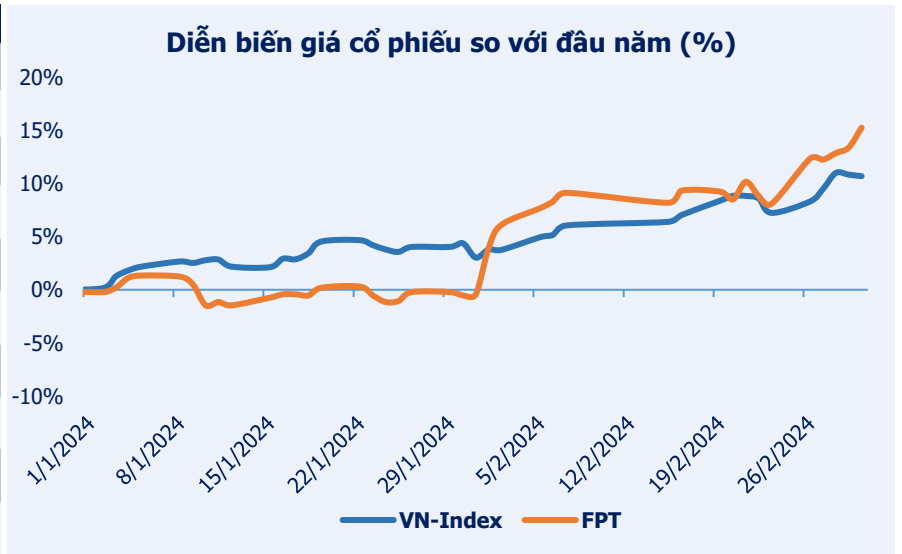


Biến cơ hội thành giá trị

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

CTCP FPT (HOSE – FPT)

Giá hiện tại	109.000	(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2023
Giá mục tiêu PTKT	120.000-130.000	Doanh thu	11.681,38	12.484,36	13.761,74	14.690,41	52.289,00
Giá cao nhất tháng 2	109.500	% yoy	20,05%	23,66%	23,44%	12,64%	18,81%
Vốn hóa (tỷ VND)	137.792	Lãi sau thuế	1.809,80	1.855,58	2.075,87	2.051,24	7.244,00
EPS ttm	5.108	% yoy	17,63%	18,83%	18,22%	26,63%	11,59%
BV	19.678	Tổng tài sản	50.741,16	60.524,39	62.112,68	60.325,28	
PE trailing	21,24	Vốn chủ sở hữu	27.061,18	28.595,33	28.405,66	29.948,35	
PB trailing	5,51	ROA (%)	10,38	10,65	10,83	11,56	
		ROE (%)	26,72	26,50	26,67	33,85	
		Biên lãi gộp (%)	39,10	37,12	39,94	38,34	
		Biên lãi ròng (%)	15,49	14,86	15,08	13,96	



- Nằm trong số những công ty công nghệ, nhà cung cấp Internet hàng đầu Việt Nam. Các mảng hoạt động chủ đạo (xuất khẩu phần mềm, hệ thống thông tin, đường truyền Internet..) được hưởng lợi từ xu hướng chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ trên thế giới và Việt Nam. Tình hình tài chính vững mạnh, lượng tiền mặt gần 26.700 tỷ đồng (44% tổng tài sản và tương đương 83% tổng nợ phải trả), nợ vay được kiểm soát ở mức thấp (32% tổng vốn).
- Đẩy mạnh M&A tại Mỹ với kỳ vọng tăng gấp đôi doanh thu dịch vụ kỹ thuật sản phẩm (tư vấn, thiết kế, phát triển, thử nghiệm các công nghệ mới) trong vòng hai năm tới. Năm 2023 FPT đã mua lại mảng dịch vụ công nghệ của Intertec International, đầu tư chiến lược vào Landing AI-startup phần mềm thị giác máy tính và AI, mua lại công ty cung cấp dịch vụ kỹ thuật công nghệ Cardinal Peak. Ngày 16/12/2023, FPT ký hợp tác với Yamato Holdings - Doanh nghiệp lớn về lĩnh vực lưu thông hàng hóa và TradeWaltz - Doanh nghiệp sở hữu nền tảng tương tác thông tin thương mại hàng đầu Nhật Bản.
- Năm 2023, doanh thu đạt 52.618 tỷ đồng (+19,6% YoY = 100,6% KH), lãi sau thuế 7.792 tỷ đồng (+20% YoY = 107,5% KH), EPS tăng 21% lên 4.666 đồng. Khối công nghệ đóng góp lớn nhất với 60% doanh thu và 45% lãi trước thuế, mảng dịch vụ thị trường nước ngoài đạt 24.288 (trên 1 tỷ USD) doanh thu (+28,4% YoY) chủ yếu đến từ Nhật Bản và APAC, giá trị hợp đồng ký mới đạt 29.717 tỷ đồng (+37,6%).
- Năm 2024 đặt mục tiêu 61.850 tỷ đồng doanh thu (+17,5% YoY), 10.875 tỷ đồng lãi trước thuế (+18,2% YoY). Tăng vốn các công ty Phần mềm, Giáo dục, Hệ thống thông tin. Dự kiến họp ĐHCĐ ngày 10/4/2024, chốt danh sách ngày 5/3/2024

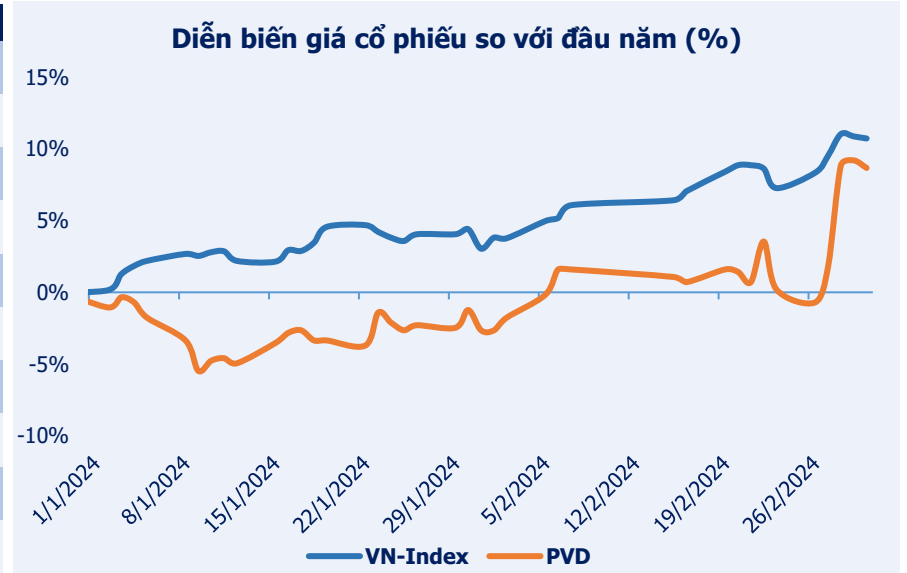


Biến cơ hội thành giá trị

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (HOSE – PVD)

		(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2023
Giá hiện tại	30.900	Doanh thu	1.226,64	1.410,47	1.381,11	1.747,44	5.400,00
Giá mục tiêu PTKT	30.000-31.000	% yoy	7,05%	-6,83%	11,22%	19,82%	-0,58%
Giá cao nhất tháng 2	31,200	Lãi sau thuế	52,25	157,59	132,89	194,04	100,00
Vốn hóa (tỷ VND)	17.121	% yoy	169,61%	314,22%	356,51%	264,09%	164,58%
EPS ttm	810,48	Tổng tài sản	20.510,85	20.816,60	21.499,36	21.650,09	
BV	26.512	Vốn chủ sở hữu	14.101,88	14.282,83	14.809,87	14.894,25	
PE trailing	37,21	ROA (%)	0,13	1,20	2,08	2,74	
PB trailing	1,14	ROE (%)	0,19	1,79	3,08	3,79	
		Biên lãi gộp (%)	19,41	25,38	21,42	22,79	
		Biên lãi ròng (%)	4,26	11,17	9,62	11,10	



- Công ty cung cấp dịch vụ khoan hàng đầu Việt Nam với 4 giàn khoan biển tự nâng, 1 giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm, 1 giàn khoan đất liền. Tình hình tài chính lành mạnh với 3.534 tỷ đồng tiền và tương đương tiền, tương ứng 105% nợ vay. Vốn chủ sở hữu đạt 14.894 tỷ đồng, gấp 2,2 lần tổng nợ phải trả.
- Toàn bộ các giàn khoan hoạt động xuyên suốt trong năm 2023 với hiệu suất hoạt động, hiệu suất sử dụng đều cao hơn so với cùng kỳ, Zero LTI. Năm 2023 tổng doanh thu đạt gần 6.200 tỷ đồng (+10,7% YoY = 115% kế hoạch), lãi sau thuế 540 tỷ đồng (+449% YoY = 540,6% kế hoạch).
- Ban lãnh đạo PV Drilling ước tính giá thuê giàn khoan đạt trên 90.000 USD/ngày trong năm 2024 và tăng lên mức 102.000 USD/ngày trong năm 2025, với hiệu suất hoạt động lên đến 99% trong cả hai năm. Giàn khoan PV DRILLING III vừa có hợp đồng đến năm 2028 và có thể gia hạn thêm 2 năm.
- Triển vọng: Giá dầu duy trì ở mức cao hỗ trợ giá thuê các giàn khoan của PVD tiếp tục tích cực, toàn bộ các giàn khoan đã ký hợp đồng cung cấp dịch vụ dài hạn tại nước ngoài. Dự án Lô B - Ô Môn theo kế hoạch vận hành từ 2026 sẽ tạo nguồn việc dài hạn cho các giàn khoan của PVD từ 2025 (PVD đang xem xét đầu tư thêm 2 giàn khoan tự nâng vốn đầu tư 90 triệu USD/giàn trong đó 70% vốn đầu tư đến từ nguồn vốn vay, kế hoạch vốn đầu tư 2024 được phê duyệt khoảng 49.200 tỷ đồng, cao hơn 57% so với thực hiện năm 2023).
- Ngày 18/3/2024 chốt quyền tham dự ĐHCĐ 2024, dự kiến họp 22/4/2024 – 29/4/2024.

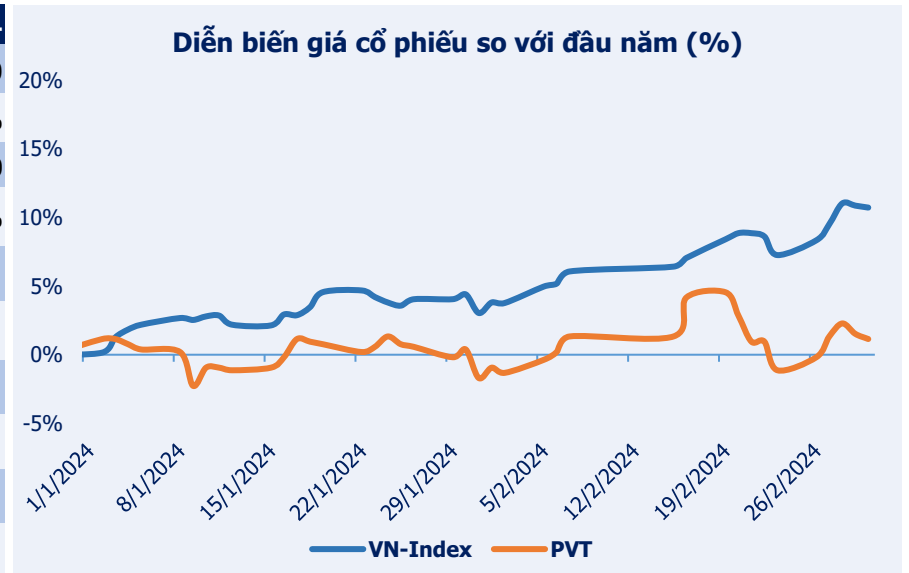


Biến cơ hội thành giá trị

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

Tổng Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (HOSE – PVT)

Giá hiện tại	26.800	(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2024
Giá mục tiêu PTKT	29.000-30.000	Doanh thu	2.043,03	2.115,06	2.550,62	2.752,79	8.800
Giá cao nhất tháng 2	27.900	% yoy	1,06%	-6,28%	9,45%	12,88%	-7,24%
Vốn hóa (tỷ VND)	8.739	Lãi sau thuế	240,16	390,27	321,04	267,73	760
EPS ttm	2.998	% yoy	23,70%	51,26%	-16,83%	-3,14%	-38,6%
BV	22.879	Tổng tài sản	14.175,96	15.152,35	16.965,20	17.466,21	
PE trailing	9,01	Vốn chủ sở hữu	8.250,05	8.417,66	8.675,19	9.026,38	
PB trailing	1,18	ROA (%)	6,15	6,70	6,26	6,18	
		ROE (%)	14,81	15,99	14,74	18,48	
		Biên lãi gộp (%)	15,98	23,18	20,22	18,21	
		Biên lãi ròng (%)	11,76	18,45	12,59	9,73	



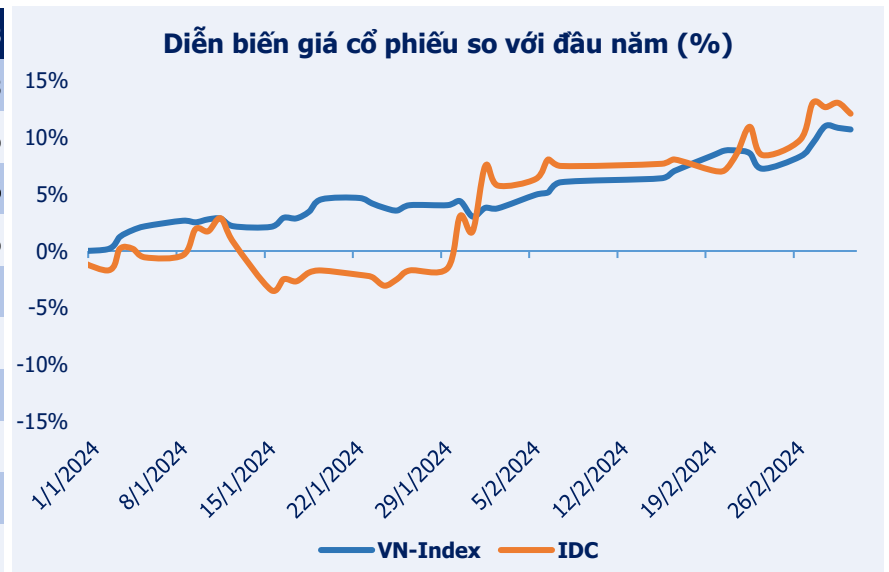
- PVTrans là công ty vận tải dầu khí hàng đầu chuyên chở dầu thô, khí, hóa chất, than cho các đơn vị trong và ngoài tập đoàn PVN, sở hữu đội tàu hàng lỏng lớn nhất Việt Nam. Trong năm 2023, PVT đã đầu tư và thuê thêm 1 tàu chở hàng Supramax, 7 tàu chở dầu/hóa chất, 01 tàu chở LPG loại VLGC (Very Large Gas Carrier) sức chở 84.597 m³, 01 tàu LPG Coaster qua đó nâng đội tàu lên 51 chiếc (1,4 triệu DWT).
- Năm 2023 đạt 9.487 tỷ đồng doanh thu (+4,8% YoY = 139,5% KH), 1.238,5 tỷ đồng lãi sau thuế (+7,1% YoY = 230,2% KH). Năm 2024, HĐQT đặt kế hoạch doanh thu 8.800 tỷ đồng (-7,24% YoY), lãi sau thuế 760 tỷ đồng (-38,6% YoY), cổ tức 8%. Tổng nhu cầu vốn đầu tư của công ty mẹ năm 2024 khoảng 3.374 tỷ đồng, trong đó 35% (1.202 tỷ đồng) là nguồn vốn chủ sở hữu, còn lại là vốn vay. Công ty dự kiến đầu tư 132 triệu USD vào các tàu, 262 tỷ đồng góp vốn vào các công ty thành viên như PVTrans Logistics, HH Thăng Long, Vận tải Đông Dương
- Ngày 19/1/2024, HĐQT ban hành nghị quyết chia cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10%. Ngày 20/3/2024 chốt danh sách họp ĐHCĐ dự kiến tổ chức tháng 4/2024.
- Catalyst: việc mở rộng đội tàu giúp gia tăng doanh thu và lợi nhuận, có thể ghi nhận lợi nhuận bất thường trong năm từ việc thanh lý tàu chở dầu thô Athena, nhu cầu vận tải dầu khí hồi phục. Tiềm năng từ chính sách phát triển nhiệt điện chạy khí LNG theo quy hoạch VIII kéo theo nhu cầu chuyên chở LNG tăng cao.



DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

Tổng Công ty IDICO – CTCP (HNX – IDC)

Giá hiện tại	58.900	(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2023
Giá mục tiêu PTKT	55.000-56.000	Doanh thu	1.146,68	2.407,56	1.443,47	2.239,31	8.276,83
Giá cao nhất tháng 2	59.100	% yoy	-31,48%	-27,22%	-29,68%	85,38%	10,57%
Vốn hóa (tỷ VND)	19.371	Lãi sau thuế	175,21	662,58	194,52	623,06	2.020,16
EPS ttm	4.222	% yoy	-38,25%	-54,84%	-68,32%	169,41%	-1,68%
BV	15.067	Tổng tài sản	17.427,81	16.916,64	16.898,22	17.731,90	
PE trailing	13,90	Vốn chủ sở hữu	6.276,67	6.202,79	5.610,85	6.204,23	
PB trailing	3,90	ROA (%)	13,22	7,79	6,17	8,02	
		ROE (%)	42,09	25,59	21,22	33,38	
		Biên lãi gộp (%)	26,47	37,06	28,07	36,67	
		Biên lãi ròng (%)	15,28	27,52	13,48	27,82	



- IDC sở hữu 10 KCN nằm ở các vị trí thuận lợi với tổng diện tích khoảng 3.267ha ở miền Bắc và miền Nam. Năm 2023, IDC đã cho thuê mới 169,8 ha, vượt 34% KH năm và hiện còn 722,7 ha quỹ đất sẵn sàng cho thuê tại 5 dự án KCN như Phú Mỹ 2, Phú Mỹ 2 mở rộng, Hựu Thạnh, Cầu Nghìn, Quế Võ 2. Backlog diện tích đất chưa ghi nhận tính đến cuối 2023 là 156ha gồm hơn 30 ha từ các biên bản ghi nhớ ký trong năm 2022 và 126 ha từ các hợp đồng và biên bản ghi nhớ ký trong năm 2023. Giá cho thuê đất tại KCN Hựu Thạnh, Quế Võ 2 và Cầu Nghìn lần lượt tăng 6%, 3% và 18% so với cùng kỳ năm 2022.
- Dự án Khu đô thị phường 6, Tân An (Idico Linco – IDC sở hữu 51%) dự kiến sẽ được chuyển nhượng cho Aeon để phát triển trung tâm thương mại. Việc chuyển nhượng hoàn tất sẽ có tác động tích cực đến dòng tiền của IDC. Ngày 15/1/2024 IDC chốt danh sách cổ đông thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền đợt 2, tỷ lệ 15%. Ngày dự kiến thanh toán 31/01/2024.
- IDC đang có kế hoạch mở rộng tổng quỹ đất thêm từ 2.430ha - 2.820ha trong 5 năm tới. IDC đã trình Thủ tướng dự án KCN Mỹ Xuân B1 mở rộng (110 ha – 500ha) và KCN Tân Phước 1 (470 ha) tại Tiền Giang, dự kiến sẽ được phê duyệt đầu tư trong đầu năm 2024. IDC quyết định góp 550 tỷ đồng thành lập công ty con IDICO Vinh Quang tại TP. Hải Phòng để đầu tư xây dựng, kinh doanh đô thị, khu công nghiệp. Khu công nghiệp Vinh Quang (1.000 ha) đã hoàn thành quy hoạch 1/2.000 và dự kiến được phê duyệt đầu tư trong năm 2025.
- Ngày 25/03/2024 IDC chốt quyền tham dự ĐHCĐ năm 2024, thời gian tổ chức dự kiến 26/04/2024.

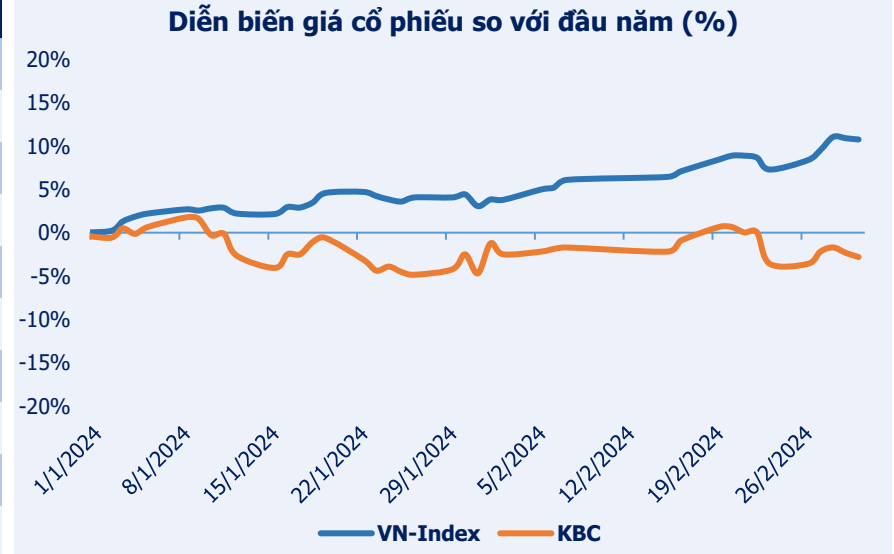


Biến cơ hội thành giá trị

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (HOSE – KBC)

Giá hiện tại	31.000	(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2023
Giá mục tiêu PTKT	35.000-37.000	Doanh thu	2.223,06	2.327,67	247,18	1.093,93	9.000,00
Giá cao nhất tháng 2	32.400	% yoy	221,42%	491,28%	21,62%	430,30%	847,10%
Vốn hóa (tỷ VND)	23.949	Lãi sau thuế	1.056,36	1.012,08	18,55	149,89	4.000,00
EPS ttm	2.613	% yoy	101,86%	413,32%	-99,04%	127,77%	153,72%
BV	23.633	Tổng tài sản	35.093,05	33.764,79	33.747,15	33.420,46	
PE trailing	11,94	Vốn chủ sở hữu	18.901,88	20.044,30	20.062,85	20.194,20	
PB trailing	1,32	ROA (%)	5,98	9,79	4,22	5,84	
		ROE (%)	12,63	19,92	8,39	12,97	
		Biên lãi gộp (%)	69,78	70,77	44,85	44,57	
		Biên lãi ròng (%)	47,52	43,48	7,50	13,70	



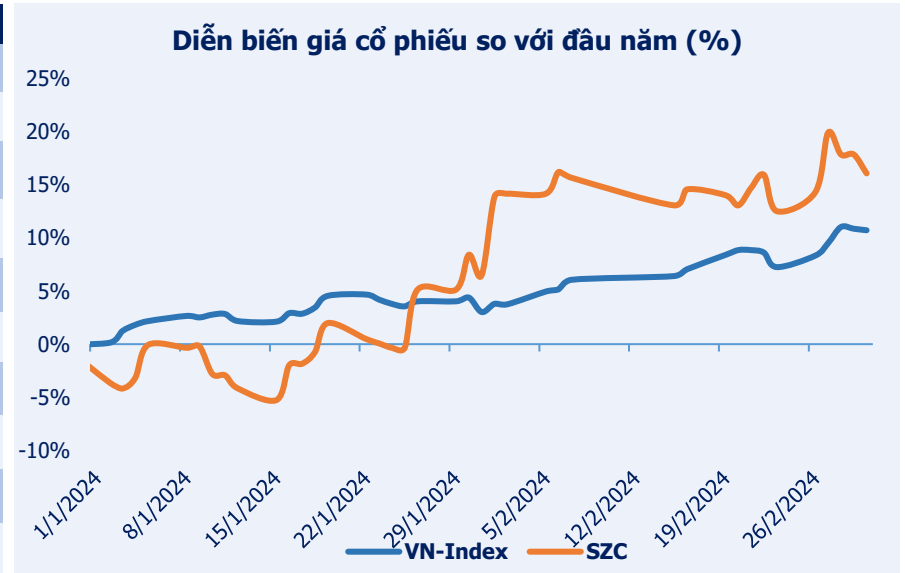
- KBC sở hữu 6.386,54ha đất KCN, 1.262,8ha đất khu đô thị và 78,9ha đất dự án khác trong đó, có 04 KCN (1.013 ha) đạt tỷ lệ lấp đầy 100% và 01 KCN có diện tích 426 ha đã lấp đầy 95,89%.
- Năm 2023, KBC ghi nhận doanh thu 5.644,7 tỷ đồng, tăng gần 6 lần so với năm 2022. Trong đó, đóng góp lớn nhất là doanh thu từ mảng cho thuê đất và cơ sở hạ tầng với hơn 5.247 tỷ đồng, biên lợi nhuận gộp tăng mạnh lên mức 69% so với mức 48% của năm 2022. Lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 2.218,3 tỷ đồng (+40,7% YoY), cao nhất kể từ khi niêm yết. Tuy vậy, KBC chỉ hoàn thành 65,4% chỉ tiêu doanh thu và 55,4% chỉ tiêu lợi nhuận để ra.
- Ngày 19/07/2023, Bắc Giang đã duyệt quy hoạch 1/500 KCN Quang Châu mở rộng (90,59ha – vốn đầu tư 996 tỷ đồng) của KBC. Tập đoàn Ingrasys (Singapore) và Foxconn (Đài Loan) đã đặt cọc và ký biên bản ghi nhớ thuê phần lớn diện tích đất tại đây. KBC đã chuyển 1.188 tỷ nợ phải thu công ty con CTCP Khu công nghiệp Sài Gòn – Hải Phòng (SHP) thành 11,88 triệu cổ phần, tăng sở hữu từ 86,54% lên 89,26%. SHP là chủ đầu tư dự án KCN và Khu đô thị Tràng Duệ (Hải Phòng) trong đó KCN Tràng Duệ 1&2 (402ha) đã lấp đầy 100%, KCN Tràng Duệ 3 (687ha) đang hoàn thiện thủ tục pháp lý. Dự án KĐT- DVTM và nhà ở công nhân Tràng Duệ (3ha, 2.538 căn hộ, 1.600 tỷ đồng) được SHP khởi công ngày 28/5, dự kiến hoàn thành QIV/2025.
- HĐQT KBC phê duyệt quyết định đầu tư KCN Sông Hậu 2 - Hậu Giang (380 ha) vốn đầu tư gần 5.570 tỷ đồng trong đó vay 85%, dự kiến bắt đầu cho thuê đất, nhà xưởng từ 6/2026.
- Ngày 21/2/2024 chốt quyền dự họp ĐHCĐ bất thường lần 1, tổ chức ngày 28/3/2024



DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

CTCP Sonadezi Châu Đức (HOSE – SZC)

		(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2023
Giá hiện tại	43.150	Doanh thu	63,16	288,17	208,10	258,51	914,51
Giá mục tiêu PTKT	43.000-45.000	% yoy	-77,23%	9,74%	68,79%	32,12%	6,48%
Giá cao nhất tháng 2	44.200	Lãi sau thuế	11,75	95,97	55,09	56,06	210,26
Vốn hóa (tỷ VND)	7.767	% yoy	-84,39%	56,89%	136,25%	49,23%	6,53%
EPS ttm	1.413	Tổng tài sản	6.301,81	6.345,97	6.404,28	6.961,13	
BV	11.886	Vốn chủ sở hữu	1.546,01	1.626,22	1.681,25	1.737,32	
PE trailing	30,53	ROA (%)	2,18	2,70	3,16	3,29	
PB trailing	3,63	ROE (%)	8,85	10,87	12,55	13,38	
		Biên lãi gộp (%)	54,30	47,78	41,17	35,84	
		Biên lãi ròng (%)	18,61	33,30	26,47	21,69	



- SZC sở hữu quỹ đất cho thuê lớn với tổng diện tích khoảng 2.135 ha (trong đó khoảng 600ha để phát triển KĐT)
- Năm 2023 đạt 818 tỷ đồng doanh thu (-4,7% YoY = 89,4% KH), 218,8 tỷ lãi sau thuế (+10,9% YoY = 104% KH)
- Ngày 5/1/2024, chốt thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2:1 giá chào bán 20.000 đồng/cp. Thời hạn đăng ký và nộp tiền cuối cùng ngày 15/3/2024. Mục đích đợt phát hành nhằm bổ sung nguồn vốn đầu tư dự án KCN Châu Đức (1.556ha), tái cơ cấu các khoản nợ vay và thanh toán lãi gốc trái phiếu đến hạn.
- Tổng Công ty Sonadezi (SZN) vừa công bố biên bản lấy ý kiến cổ đông về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu tổng công ty giai đoạn 2021-2025, theo đó SZN sẽ thoái vốn tại SZC từ 46,84% hiện tại xuống còn 36%.
- HĐQT vừa thông qua phương án tăng giới hạn tín dụng, theo đó tổng giới hạn cho vay dài hạn là 3.000 tỷ đồng gồm giới hạn cho vay dài hạn đã cấp là 1.600 tỷ đồng và giới hạn cho vay dài hạn cấp mới là 2.000 tỷ đồng để tiếp tục thực hiện triển khai đầu tư dự án Khu công nghiệp Châu Đức.
- Ngày 7/3/2024 chốt danh sách dự họp ĐHCĐ, dự kiến tổ chức tháng 4/2024.

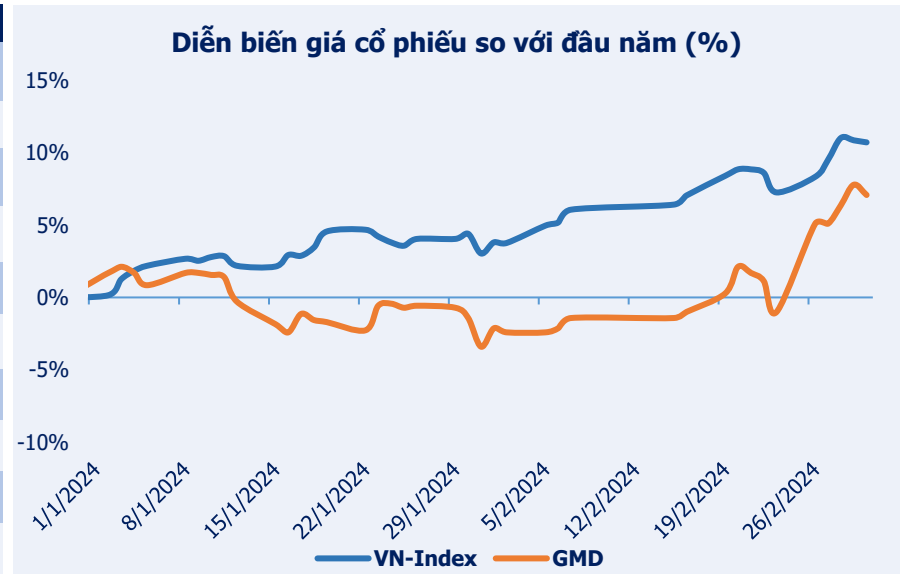


Biến cơ hội thành giá trị

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

CTCP Gemadept (HOSE – GMD)

Giá hiện tại (x1000 đ)	76.000	(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2023
Giá mục tiêu PTKT	85.000-90.000	Doanh thu	901,97	912,17	997,92	1.033,81	3.920,00
Giá cao nhất tháng 2	76.300	% yoy	2,51%	-6,72%	0,60%	-3,01%	0,56%
Vốn hóa (tỷ VND)	22.942	Lãi sau thuế	254,84	1.717,21	338,45	191,54	908,80
EPS ttm	7.119	% yoy	-20,15%	412,87%	17,73%	-11,14%	-21,74%
BV	27.975	Tổng tài sản	13.266,17	14.011,37	13.245,08	13.542,10	
PE trailing	10,54	Vốn chủ sở hữu	8.199,85	9.777,33	9.552,71	9.706,54	
PB trailing	2,68	ROA (%)	7,45	17,51	17,09	16,72	
		ROE (%)	13,18	30,61	29,45	32,32	
		Biên lãi gộp (%)	47,29	50,36	46,57	41,17	
		Biên lãi ròng (%)	28,25	188,25	33,92	18,53	



- Một trong các nhà khai thác cảng biển và logistics hàng đầu tại Việt Nam với 8 cảng biển (năng lực 3,45 triệu TEU, 2 triệu tấn hàng rời) trong đó Gemalink nằm trong Top 19 cảng trên thế giới có khả năng tiếp nhận tàu Megaship (250.000 Dwt). Sản lượng container qua các cảng của GMD năm 2023 đạt trên 3tr TEU = 12,2% thị phần cả nước.
- Ngày 24/5/2023 khai thác GĐ2 cảng Nam Đình Vũ có công suất 1,4tr TEU/năm. Năm 2023 đạt 3.846 tỷ đồng doanh thu (-1% YoY = 98% KH), 3.144 tỷ đồng lãi trước thuế (+140% YoY = 277% KH). HĐQT công bố Nghị quyết sẽ chuyển nhượng toàn bộ 99,98% số cổ phần đang nắm giữ tại CTCP Cảng Nam Hải (NHP) vốn điều lệ 100 tỷ đồng, công suất 200.000 TEU/năm. HĐQT ban hành nghị quyết phát hành 4.588.400 (1,5% số lượng cp lưu hành) cổ phiếu ESOP cho CBNV giá 10.000đ/cp trong Q1/2024.
- Ngày 1/2/2024, GMD đã khởi công dự án Nâng cấp luồng hàng hải trước cảng Nam Đình Vũ dự kiến hoàn thành 5/2024. Sau khi hoàn thành độ sâu luồng hạ từ -7m xuống -8,5m để tiếp nhận tàu lên đến 48.000 DWT.
- Câu chuyện đầu tư: Dự thảo sửa đổi Thông tư 54/2018/TT-BGTVT tăng 10% giá sàn đối với phí bốc dỡ container quốc tế (riêng khu vực Cái Mép-Thị Vải nâng cả giá trần thêm 10% và cảng Gemalink có thể tăng thêm 10% so với khung giá thông thường) hiệu lực từ 2024; Dự án GĐ3 cảng Nam Đình Vũ (600.000TEU/năm) dự kiến vận hành từ 2025. Dự án Gemalink - Giai đoạn 2 (39ha, 1,5 triệu TEU/năm) dự kiến hoàn thành 2025; Thoái vốn tại dự án trồng cao su tại Campuchia (30.000ha); Thoái vốn mảng bất động sản; Khả năng chia cổ tức đặc biệt năm 2023; Hoạt động xuất khẩu của Việt Nam được kỳ vọng sẽ phục hồi tốt trong năm 2024, kim ngạch XNK 2 tháng đầu năm 2024 đạt 113,96 tỷ USD, tăng 18,6% so cùng kỳ.

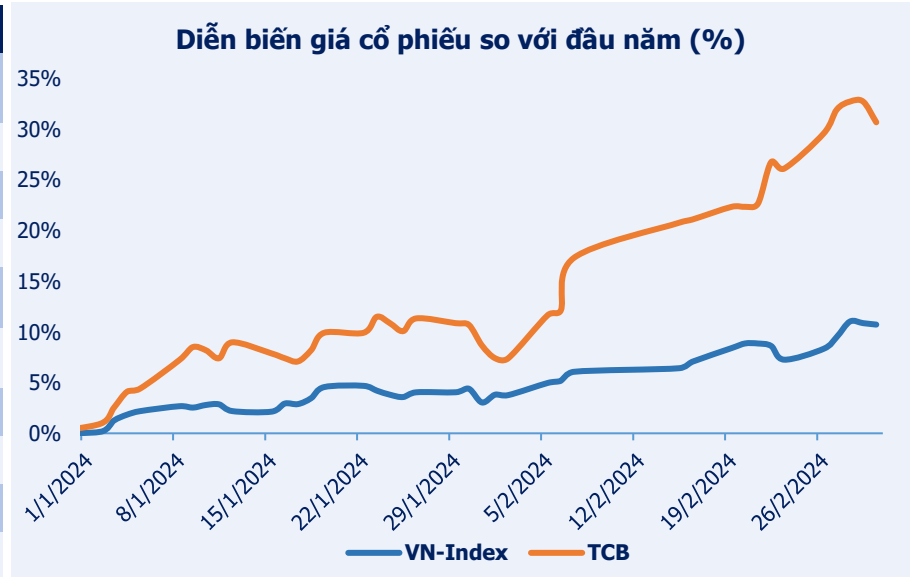


Biến cơ hội thành giá trị

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (HOSE – TCB)

Giá hiện tại	42.200	(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2023
Giá mục tiêu PTKT	42.000-44.000	Tổng thu nhập hoạt động	9.299,97	9.325,17	10.418,49	11.017,45	-
Giá cao nhất tháng 2	42.450	% yoy	-7,06%	-14,72%	0,78%	16,87%	-100,00%
Vốn hóa (tỷ VND)	148.650	Lãi sau thuế	4.537,10	4.503,45	4.668,71	4.481,62	17.600,00
EPS ttm	5.118	% yoy	-19,19%	-23,44%	-13,02%	25,46%	-13,88%
BV	36.994	Tiền gửi khách hàng	387.297,89	381.946,52	409.044,57	454.660,78	
PE trailing	8,25	Cho vay khách hàng	465.425,35	466.546,22	475.605,59	518.641,57	
PB trailing	1,14	Nợ xấu(%)	0,85	1,07	1,36	1,16	
		ROE (%)	17,34	15,50	14,37	14,84	
		NIM(%)	5,29	4,33	4,11	4,02	
		Biên lãi ròng (%)	48,79	48,29	44,81	40,68	



- Năm 2023, tổng tài sản đạt 849.500 tỷ đồng (+21,5% YoY), dư nợ tín dụng 518.641 tỷ đồng (+19,2% YoY) trong đó cho vay tổ chức tăng 53,4% (59,22% tổng dư nợ), cá nhân giảm 5,79%, tiền gửi khách hàng 454.700 tỷ đồng (+26,9% YoY), tỷ lệ CASA 39,9%, tỷ lệ nợ xấu 1,14%, tỷ lệ bao phủ nợ xấu 102%. LNTT năm 2023 đạt 22.888 tỷ đồng (-10,5% YoY), vượt 4% kế hoạch năm, ROE 14,8%, thấp hơn mức trung bình 18,74% của ngành. Điểm tích cực là hoạt động kinh doanh của TCB trong năm 2023 có cải thiện về cuối năm.
- Các khoản cho vay liên quan đến ngành BĐS (kinh doanh BĐS, xây dựng và vật liệu xây dựng) chiếm 63,5% tổng tín dụng với khách hàng doanh nghiệp, tăng 56% YoY và tập trung vào một số nhà phát triển BĐS lớn. Tỷ lệ trái phiếu doanh nghiệp trên dư nợ tín dụng giảm từ 7,5% cuối 2022 xuống 5,3%.
- Triển vọng kinh doanh năm 2024 của TCB dự báo khả quan hơn với lợi nhuận tăng khoảng 15%. Luật đất đai, Luật kinh doanh BĐS và Luật các TCTD được thông qua kỳ vọng giải quyết vấn đề pháp lý, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng dự án BĐS và xử lý tài sản đảm bảo là BĐS của Ngân hàng.
- Cổ phiếu có hệ số định giá thấp trong toàn ngành, PB 1,14x, so với 1,73x của ngành Ngân hàng.
- Ngày 19/03/2024 chốt quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2024. TCB dự kiến đề xuất trả cổ tức bằng tiền ít nhất 20%/tổng lợi nhuận, tương đương 4% - 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm đầu năm, ước tính khoảng 1.500 đồng/cổ phiếu cho năm 2024.

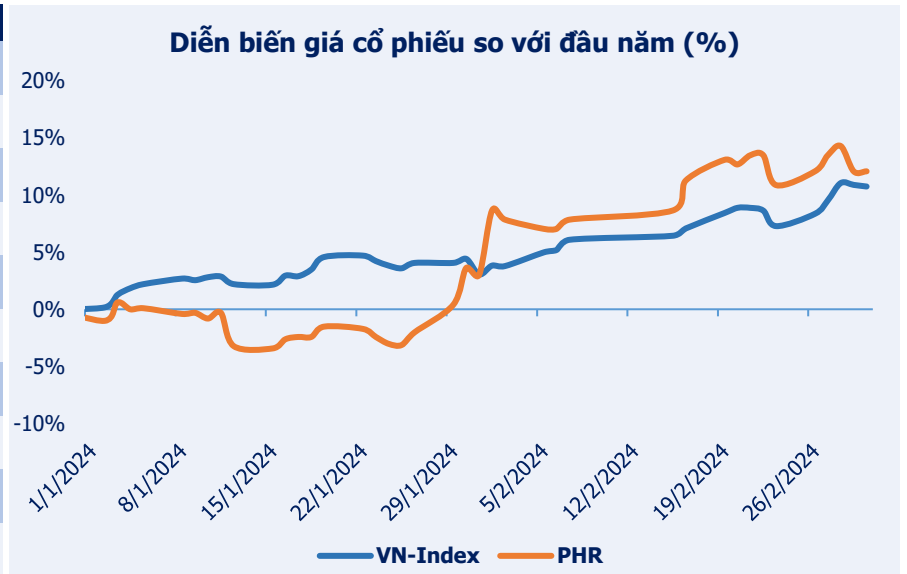


Biến cơ hội thành giá trị

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

CTCP Cao su Phước Hòa (HOSE – PHR)

Giá hiện tại	55.700	(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2023
Giá mục tiêu PTKT	60.000-62.000	Doanh thu	326,27	110,76	452,92	461,07	2.604,72
Giá cao nhất tháng 2	58.000	% yoy	-10,75%	-54,53%	-13,35%	-20,05%	52,45%
Vốn hóa (tỷ VND)	7.696	Lãi sau thuế	233,52	127,37	144,36	158,48	925,73
EPS ttm	4.592	% yoy	-21,92%	128,16%	2,78%	-63,51%	0,00%
BV	26.922	Tổng tài sản	6.219,83	5.989,17	6.049,49	6.160,97	
PE trailing	12,37	Vốn chủ sở hữu	3.667,68	3.504,98	3.709,48	3.816,04	
PB trailing	2,11	ROA (%)	13,36	14,52	14,48	9,96	
		ROE (%)	24,23	26,21	26,04	19,15	
		Biên lãi gộp (%)	14,17	42,62	32,85	19,11	
		Biên lãi ròng (%)	71,57	114,99	31,87	34,37	



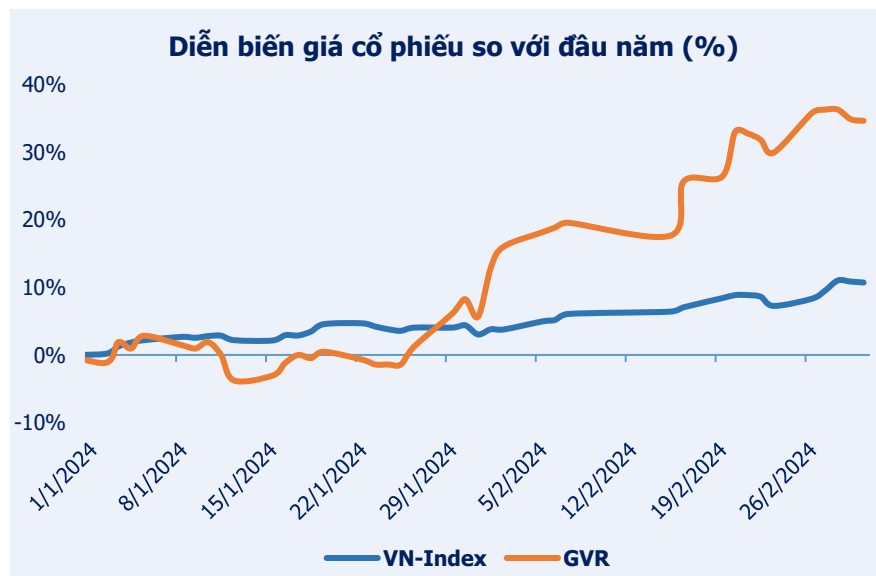
- PHR đang quản lý 15.084 ha cây cao su tại Bình Dương, Campuchia, Daklak, 4 nhà máy chế biến mủ tổng công suất 53.000 tấn/năm. PHR hiện đang đầu tư vào 3 dự án BĐS KCN là Tân Bình (240ha, đã lấp đầy 100%), VSIP 3 (20% lãi gộp của 646ha ghi nhận từ 2024) và Nam Tân Uyên mở rộng giai đoạn 2 (345ha, do công ty liên kết LTC chủ đầu tư, có thể bắt đầu ghi nhận doanh thu cho thuê từ năm 2024)
- Năm 2023, PHR ghi nhận 1.351,02 tỷ đồng doanh thu (-20,75% YoY = 51,87% KH), 663,74 tỷ đồng lãi sau thuế (-28,30% YoY=71,7% KH). Tình hình tài chính lành mạnh với lượng tiền mặt 2.143 tỷ đồng, nợ phải trả chiếm 38% tổng nguồn vốn và 61% vốn chủ sở hữu trong đó 57% (1.338 tỷ đồng) là doanh thu chưa thực hiện, PHR có lịch sử duy trì tỉ lệ trả cổ tức bằng tiền ổn định.
- Triển vọng: Giá cao su thế giới tăng 22% từ đầu năm nhờ nhu cầu từ Trung Quốc tăng trở lại. XK cao su tháng 1/2024 của Việt Nam tăng 93% về lượng và gần 100% về giá so với cùng kỳ năm 2023; Giai đoạn 2021 – 2025 và tầm nhìn đến 2030, PHR dự kiến sử dụng 4.992 ha để quy hoạch KCN, 1.018 ha quy hoạch cụm công nghiệp (8 cụm công nghiệp ở huyện Phú Giáo, 4 cụm công nghiệp ở huyện Bắc Tân Uyên và 2 cụm công nghiệp ở huyện Bàu Bàng), 1.300 ha quy hoạch khu dân cư. PHR sẽ tập trung hoàn thiện pháp lý triển khai KCN Tân Bình mở rộng (1.055ha), làm chủ đầu tư KCN-Đô thị-Dịch vụ Hội Nghĩa (715ha) Bình Mỹ (1.002ha), KCN Tân lập 1 (201,62ha) dự kiến bắt đầu cho thuê từ 2025.



DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (HOSE – GVR)

Giá hiện tại	28.600	(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2023
Giá mục tiêu PTKT	29.500-31.000	Doanh thu	4.135,17	4.158,22	6.195,32	7.591,18	24.243,00
Giá cao nhất tháng 2	29.900	% yoy	-15,50%	-25,24%	5,95%	-15,77%	-4,65%
Vốn hóa (tỷ VND)	115.600	Lãi sau thuế	755,68	704,47	493,61	1.416,19	3.363,00
EPS ttm	646	% yoy	-42,56%	-40,18%	-50,33%	8,03%	-29,25%
BV	12.426	Tổng tài sản	77.043,06	76.664,28	77.796,79	78.385,27	
PE trailing	44,77	Vốn chủ sở hữu	54.290,96	54.174,59	55.290,02	54.853,58	
PB trailing	2,33	ROA (%)	4,22	3,67	3,01	3,30	
		ROE (%)	6,68	5,75	4,70	6,83	
		Biên lãi gộp (%)	24,32	21,78	19,93	21,12	
		Biên lãi ròng (%)	18,27	16,94	7,97	18,66	



- Dự án KCN Nam Tân Uyên mở rộng GĐ2 (344 ha) đã được Thủ tướng phê duyệt chủ trương đầu tư và UBND tỉnh Bình Dương đã có quyết định cho thuê đất để thực hiện dự án; Các dự án đã được trình Thủ tướng Chính phủ gồm: Dự án đầu tư KCN 317 ha do CTCP KCN Bắc Đồng Phú làm chủ đầu tư; Dự án KCN Rạch Bắp mở rộng 360 ha (Bình Dương); Dự án KCN Minh Hưng III mở rộng (577,53 ha).
- Năm 2023, doanh thu đạt 22.079,89 tỷ đồng (-13,16% YoY, =91% KH2023), lợi nhuận sau thuế đạt 3.369,95 tỷ đồng (-29,10% YoY, =100,2% KH2023)
- Ngày 27/2/2024 chốt quyền tham dự ĐHCĐ bất thường dự kiến tổ chức ngày 29/3/2024.
- Ngày 1/3/2024, GVR được Thủ tướng chấp thuận đầu tư Dự án KCN Hiệp Thạnh giai đoạn 1 tại Tây Ninh (495,17 ha) vốn đầu tư 2.350 tỷ đồng trong đó vốn góp của GVR là 352,5 tỷ đồng.
- Triển vọng: 1/Nhu cầu cao su tự nhiên từ Trung Quốc phục hồi sau giai đoạn phòng chống Covid, giá cao su tăng từ tháng 8 và duy trì ở mức cao nhất trong 1 năm; 2/Mở rộng diện tích các KCN thông qua chuyển đổi đất trồng cây cao su và phát triển mới. GVR đang khai thác 3.932ha các KCN, mục tiêu tới năm 2025 sẽ phát triển thêm 19.513ha, nâng tổng diện tích các KCN lên 23.444ha (1.734ha đang triển khai các thủ tục đầu tư); 3/Nghị định 10 bổ sung Luật Đất đai sẽ giúp đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án KCN của GVR; 4/GVR được Bộ KH&ĐT trình Chính phủ kế hoạch thoái vốn đến hết năm 2025.

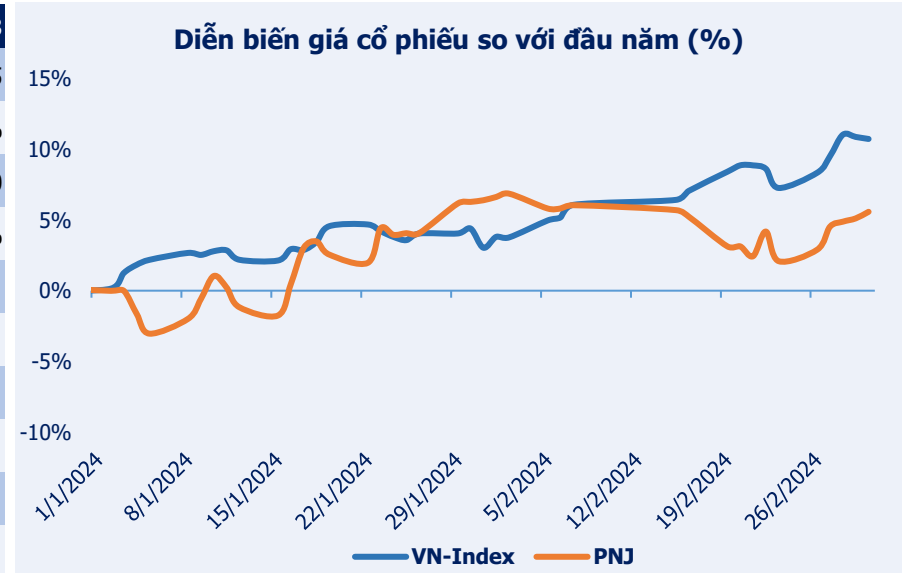


Biến cơ hội thành giá trị

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (HOSE – PNJ)

Giá hiện tại	90.400	(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2023
Giá mục tiêu PTKT	110.000-115.000	Doanh thu	9.795,69	6.663,32	6.917,55	9.760,38	35.597,95
Giá cao nhất tháng 2	92.700	% yoy	-3,42%	-17,41%	-6,06%	17,57%	5,08%
Vốn hóa (tỷ VND)	30.177	Lãi sau thuế	748,59	337,59	253,34	631,97	1.937,20
EPS ttm	5.646	% yoy	3,82%	-8,02%	0,42%	35,49%	6,99%
BV	29.898	Tổng tài sản	12.830,83	13.492,85	13.055,16	14.429,94	
PE trailing	15,98	Vốn chủ sở hữu	9.192,69	9.194,05	9.437,00	9.806,57	
PB trailing	3,02	ROA(%)	14,78	13,85	13,71	14,20	
		ROE (%)	21,50	20,46	19,84	21,60	
		Biên lãi gộp (%)	19,40	18,15	17,31	17,94	
		Biên lãi ròng (%)	7,64	5,07	3,66	6,47	



- Công ty hàng đầu về sản xuất và kinh doanh trang sức tại Việt Nam.
- Năm 2023 đạt 33.137 tỷ đồng doanh thu (-2,2% YoY), lãi sau thuế 1.971 tỷ đồng (+8,9% YoY), hoàn thành 93% kế hoạch doanh thu và 101,7% kế hoạch lợi nhuận. Biên lãi gộp trung bình cả năm 2023 đạt 18,3% so với mức 17,5% của năm 2022. Tỷ lệ chi phí hoạt động /lãi gộp giảm từ 59,1% năm 2022 xuống 58,3% năm 2023. Năm 2023, công ty mở mới 48 cửa hàng, đóng cửa 7 cửa hàng, tổng cộng có 400 cửa hàng độc lập bao gồm 391 cửa hàng PNJ, 3 cửa hàng CAO Fine Jewellery, 5 cửa hàng Style by PNJ.
- Tháng 1/2024, ước đạt 3.829 tỷ đồng doanh thu (-7,3% YoY), 245 tỷ đồng lãi sau thuế (-18,6% YoY) do cùng kỳ năm ngoái là tháng Tết nên nhu cầu đối với các sản phẩm cao hơn. Tuy nhiên doanh thu kênh bán sỉ tăng 32,6% YoY do các đơn hàng đón đầu Tết tăng. Trong tháng 1 PNJ mở thêm 2 cửa hàng PNJ qua đó nâng tổng số cửa hàng lên 402.
- Ngày 20/10/2023, GDKHQ trả cổ tức đợt 3 năm 2022 bằng tiền tỷ lệ 8%. Ngày 5/1/2024, đã phát hành 6.559.992 cổ phiếu ESOP giá 20.000đ/cp qua đó nâng tổng lượng cổ phiếu lưu hành lên 334.559.621 cổ phiếu.
- Ngày 15/3/2024 chốt quyền tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 bằng tiền tỷ lệ 6% và tham gia ĐHCĐ, dự kiến tổ chức từ 16/4 – 30/4.

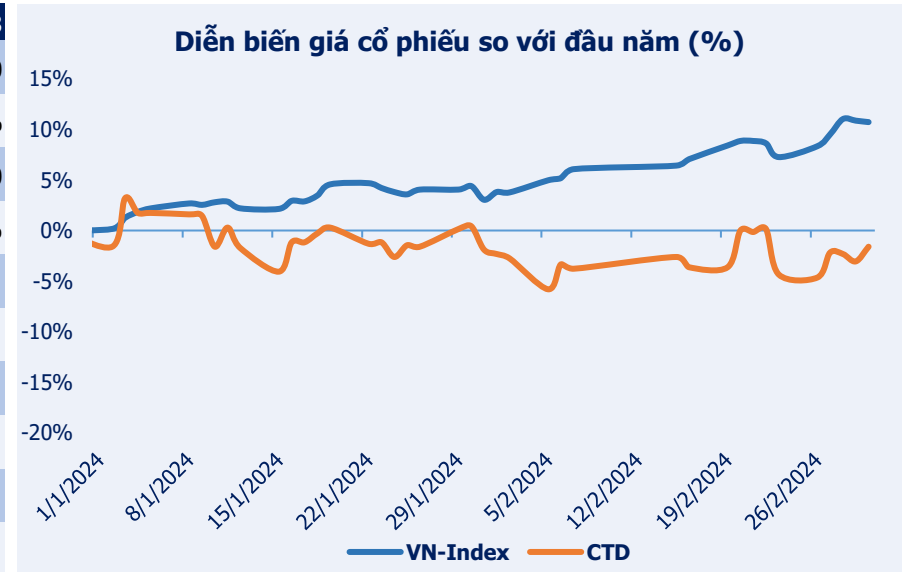


Biến cơ hội thành giá trị

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

CTCP Xây dựng Coteccons (HOSE – CTD)

Giá hiện tại	66.700	(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2023
Giá mục tiêu PTKT	78.000-81.000	Doanh thu	3.129,65	3.614,68	4.123,96	5.659,93	17.793,00
Giá cao nhất tháng 2	69.700	% yoy	63,64%	10,18%	32,45%	-9,15%	22,40%
Vốn hóa (tỷ VND)	6.715	Lãi sau thuế	22,06	30,14	66,64	69,09	274,00
EPS ttm	1.896	% yoy	-24,63%	226,46%	1995,85%	266,16%	1217,83%
BV	84.733	Tổng tài sản	20.041,72	21.375,03	20.550,86	21.651,89	
PE trailing	35,45	Vốn chủ sở hữu	8.236,02	8.271,71	8.338,35	8.407,43	
PB trailing	0,79	ROA(%)	0,07	0,35	0,68	0,90	
		ROE (%)	0,17	0,82	1,67	2,26	
		Biên lãi gộp (%)	1,78	2,79	2,43	2,99	
		Biên lãi ròng (%)	0,70	0,83	1,62	1,22	



- CTD là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng nhà ở, thương mại, và gần đây là công nghiệp với việc trúng gói thầu xây dựng nhà máy sản xuất đồ chơi tỷ đô của LEGO và dự án của Foxconn.
- Trong quý 2/2024 niên độ tài chính 2023-2024 (từ 1/10/2023 – 31/12/2023). CTD ghi nhận doanh thu 5.660 tỷ đồng (-9,0% YoY); Lợi nhuận sau thuế 69,1 tỷ đồng, gấp 3,67 lần cùng kỳ, mức cao nhất trong 11 quý. Lũy kế bán niên 2024, CTD ghi nhận 9.784 tỷ đồng doanh thu (+5,0% YoY) và 136 tỷ đồng LNST, gấp 8,8 lần cùng kỳ. So với kế hoạch năm, CTD đã hoàn thành tương ứng 55% và 50% chỉ tiêu doanh thu và LNST 2024.
- Triển vọng: Dòng vốn FDI gia tăng kéo theo nhu cầu về hoạt động xây lắp công nghiệp trong và ngoài nước, CTD đã có uy tín từ hoạt động xây lắp các công trình lớn như Lego, Foxconn và đang gia tăng tỷ trọng mảng này trong backlog từ 14% lên 20% (tổng lượng backlog có giá trị 24,000 tỷ VNĐ tính đến hết năm 2023); Thị trường bất động sản dự báo phục hồi từ năm 2025 sẽ hỗ trợ cho mảng xây lắp dân dụng của CTD.
- Ngày 9/2/2024, Công ty cổ phần Xây dựng Coteccons công bố hoàn tất thủ tục mua lại 100% vốn góp 2 công ty là Công ty TNHH Sinh Nam Metal (Việt Nam) và Công ty TNHH Cơ và Điện UG Việt Nam. Việc thu tóm 2 doanh nghiệp trên phù hợp với định hướng phát triển của công ty. Đồng thời, công ty cũng đã thành lập một công ty con ở Mỹ, đặt văn phòng tại bang Florida. 2 doanh nghiệp vừa thu tóm là về Facade (nhôm kính, cung cấp nguyên liệu làm bề mặt công trình) và ME (cơ điện).

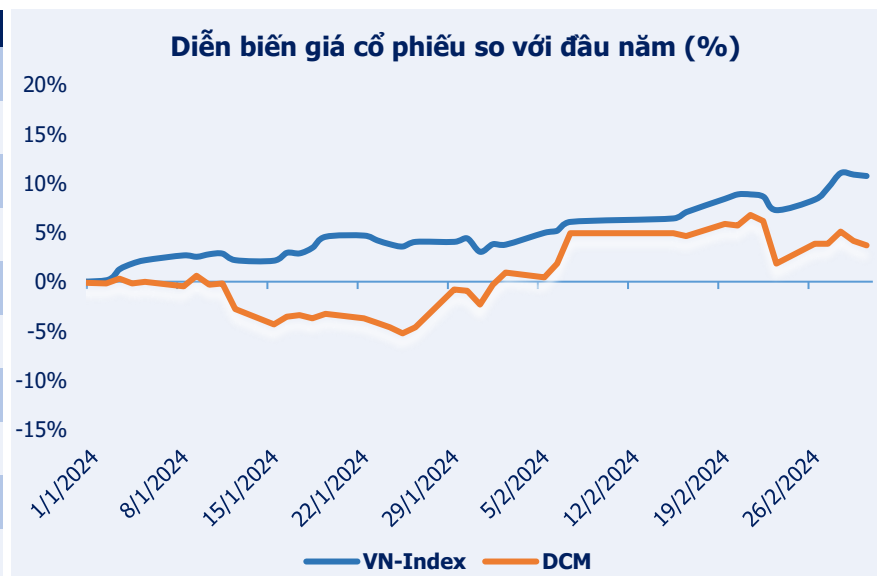


Biến cơ hội thành giá trị

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

CTCP Đạm Cà Mau (HOSE – DCM)

		(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2023
Giá hiện tại	33.750	Doanh thu	2.734,70	3.290,95	3.010,59	3.565,57	13.458,50
Giá mục tiêu PTKT	38.000-39.000	% yoy	-32,89%	-19,41%	-8,97%	-20,03%	-15,49%
Giá cao nhất tháng 2	34.900	Lãi sau thuế	229,68	312,72	74,13	491,81	915,99
Vốn hóa (tỷ VND)	18.026	% yoy	-84,87%	-69,34%	-89,86%	-51,01%	-78,80%
EPS ttm	1.852	Tổng tài sản	14.571,05	15.599,07	14.714,82	15.277,98	
BV	18.824	Vốn chủ sở hữu	10.810,63	11.102,25	9.568,08	9.993,19	
PE trailing	18,38	ROA(%)	21,22	15,70	10,93	7,52	
PB trailing	1,81	ROE (%)	29,02	21,53	15,38	10,79	
		Biên lãi gộp (%)	20,80	11,25	5,89	24,28	
		Biên lãi ròng (%)	8,40	9,50	2,46	13,79	



- Một trong những công ty sản xuất phân bón lớn tại Việt Nam với sản phẩm chủ lực là Ure hạt đục và NPK, hiện chiếm thị phần 60% tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và xuất khẩu sang Campuchia, Hàn Quốc, Thái Lan, Philipines, Nhật Bản, Bangladesh.
- Năm 2023 đạt 12.601 tỷ đồng doanh thu (-20% YoY) và 1.108 tỷ đồng lãi sau thuế (-74% YoY). Tình hình tài chính vững mạnh với lượng tiền và tương đương tiền tại cuối năm 2023 đạt 10.526 tỷ đồng, tương ứng 69% tổng tài sản và 2 lần nợ phải trả. Nợ vay là 847 tỷ đồng và tương đương 8,4% vốn chủ sở hữu.
- Tháng 1 năm 2024, DCM sản xuất 14.400 tấn NPK (+7,5% MoM), 85.540 tấn ure quy đổi (+6,5% MoM), trong đó có 10.240 tấn là đạm chức năng, tiêu thụ 47.950 tấn ure và 570 tấn NPK. Tháng 2/2024, DCM đặt mục tiêu sản xuất 76.270 tấn ure, tiêu thụ 75.000 tấn ure. Sản lượng NPK đạt 15.560 tấn, tiêu thụ 7.000 tấn.
- DCM dự kiến thực hiện Dự án nhà máy sản xuất Phân bón Cà Mau - Cơ sở Bình Định, xây dựng từ quý 1/2024 và đưa vào hoạt động trong quý 1/2025 trên diện tích hơn 29.755 m², tại Khu công nghiệp Long Mỹ, TP Quy Nhơn, với tổng vốn đầu tư gần 120 tỷ đồng. Mục tiêu của dự án là sản xuất, phối trộn các loại phân bón NPK+TE, công suất khoảng 50.000 tấn/năm; đóng gói các loại phân bón, công suất khoảng 50.000 tấn/năm; lưu trữ, kinh doanh các loại phân bón, nguyên vật liệu sản phẩm phân bón khoảng 150.000 tấn/năm.
- Triển vọng: Giá phân bón thế giới dự báo ổn định và có thể tăng nhẹ trong năm 2024 do nguồn cung vẫn bị hạn chế; DCM sẽ hết khấu hao nhà máy từ năm 2025.

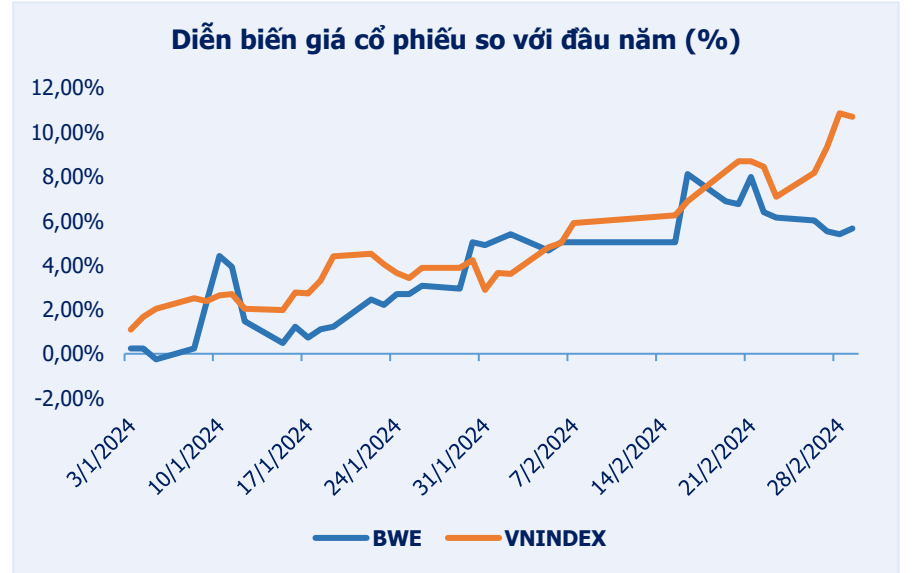


Biến cơ hội thành giá trị

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 3-2024

CTCP - Tổng công ty nước - môi trường Bình Dương (HOSE – BWE)

Giá hiện tại	43.000	(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2023
Giá mục tiêu PTKT	50.000-52.000	Doanh thu	680,63	876,88	840,49	1.127,89	3.970,00
Giá cao nhất tháng 2	44.000	% yoy	-7,19%	3,52%	-2,28%	8,11%	13,96%
Vốn hóa (tỷ VND)	8.247	Lãi sau thuế	140,73	209,96	178,09	150,66	720,00
EPS ttm	2.902	% yoy	-20,21%	3,40%	-9,43%	-11,56%	-3,56%
BV	24.891	Tổng tài sản	10.001,66	11.052,64	11.335,08	12.108,12	
PE trailing	14,81	Vốn chủ sở hữu	4.301,11	4.611,23	4.806,94	4.957,38	
PB trailing	1,72	ROA(%)	7,29	7,01	6,55	6,08	
		ROE (%)	16,42	16,26	15,53	14,62	
		Biên lãi gộp (%)	48,88	43,64	43,64	42,50	
		Biên lãi ròng (%)	20,68	23,94	21,19	13,36	



- BWE là nhà khai thác, xử lý nước thuộc top 3 tại Việt Nam, lên tới 822.000 m3/ngày, độc quyền cấp nước tại tỉnh Bình Dương. Ngoài ra, công ty cũng cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý rác thải, chất thải tại Bình Dương. BWE đang tích cực mở rộng địa bàn hoạt động thông qua M & A các công ty cùng ngành tại Đồng Nai, Cần Thơ, Long An và Quảng Bình. BWE cũng đang có kế hoạch mở rộng đầu tư sang các tỉnh lân cận như Bình Phước, Bến Tre...
- Năm 2023 đạt 3.526 tỷ đồng doanh thu (+1,2% YoY), lãi 682 tỷ đồng (-8,6% YoY). Năm 2024, Bwase đặt kế hoạch doanh thu 4.100 tỷ đồng (+3,1% YoY), lãi sau thuế tối thiểu 700 tỷ đồng (+16,5% YoY), cổ tức tiền mặt dự kiến 13%. Đối với lĩnh vực cấp nước, tiếp tục hoàn thiện và trình duyệt phương án giá nước sạch; đầu tư nâng cấp công suất nhà máy nước Nhì Thành thêm 60.000 m3/ngày, tăng công suất của Gia Tân năm 2025 đạt 40.000 đến 50.000 m3/ngày ...
- Triển vọng: Hưởng lợi từ nhu cầu tiêu thụ nước tăng tại các KCN tỉnh Bình Dương nhờ vốn FDI tăng, tỉ lệ đô thị hóa cao, giá nước kì vọng sẽ tiếp tục tăng 3-5%/năm từ năm 2024. Doanh thu xử lý chất thải tăng nhờ mức giá cao hơn (BWE đang đề xuất tăng 10% cho mảng dân cư) và mở rộng công suất; BWE dự kiến hoàn thành xây dựng dây chuyền xử lý của nhà máy xử lý chất thải giai đoạn 4 (tổng công suất 840 tấn/ngày) và lò đốt rác (tổng công suất 200 tấn/ngày) trong năm 2024. Trong dài hạn, BWE đang đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng/thu mua 400ha đất mới tại huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương để xây dựng khu liên hợp xử lý chất thải Tân Long, mở rộng hoạt động kinh doanh xử lý chất thải.
- Ngày 25/3/2024 họp ĐHCĐ năm 2024.

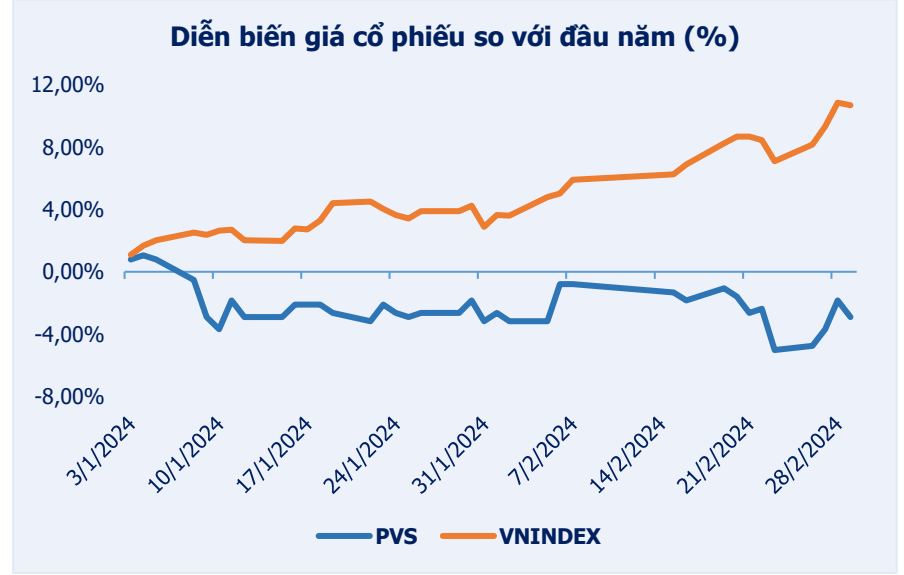


Biến cơ hội thành giá trị

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 3-2024

Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (HNX – PVS)

Giá hiện tại	36.800	(tỷ đồng)	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	KH2023
Giá mục tiêu PTKT	44.000-46.000	Doanh thu	3.703,66	4.711,86	4.175,55	6.758,31	13.200,00
Giá cao nhất tháng 2	39.100	% yoy	-1,74%	23,67%	19,22%	27,89%	-19,38%
Vốn hóa	17.495	Lãi sau thuế	227,52	235,10	143,56	293,24	560,00
EPS ttm	1.812	% yoy	-9,10%	2177,86%	-25,62%	-45,89%	-40,71%
BV	26.516	Tổng tài sản	25.634,51	27.057,18	28.564,17	26.401,14	
PE trailing	20,30	Vốn chủ sở hữu	13.140,21	13.132,66	13.399,46	13.383,63	
PB trailing	1,38	ROA(%)	2,82	3,60	3,30	3,32	
		ROE (%)	5,90	7,60	7,11	7,23	
		Biên lãi gộp (%)	5,50	3,98	4,33	5,57	
		Biên lãi ròng (%)	6,14	4,99	3,44	4,34	



- Năm 2023 đạt doanh thu 19.349 tỷ đồng (+18,2% YoY=146,5% KH), lãi sau thuế 899,4 tỷ đồng (-14,4% YoY=160,6% KH) do biên lãi gộp giảm (4,9% so với 6,2% năm 2022) và chi phí quản lý, tài chính tăng. Tiền mặt và tiền gửi NH đạt 10.116 tỷ đồng, tương ứng 38,3% tổng tài sản và 78% nợ phải trả.
- Ngày 19/5/2023, PVS ký hợp đồng (ước 300tr USD) với Orsted (Đan Mạch) chế tạo 33 kết cấu móng chân đế cho trang trại điện gió ngoài khơi Đà Loan bàn giao vào cuối năm 2025. Tập đoàn PGE (Ba Lan) và Orsted (Đan Mạch) đã ký kết thỏa thuận với liên danh của Semco Maritime (Đan Mạch) và PTSC Mechanical & Construction (công ty con của PVS) cho dự án thiết kế, chế tạo và chạy thử 4 trạm biển áp ngoài khơi từ năm 2023 đến năm 2026 cho trang trại điện gió ngoài khơi Baltica 2 ở Ba Lan. PVS đang tham gia đấu thầu một số hợp đồng xây lắp và kỳ vọng có thể giành được 1 - 2 hợp đồng trong thời gian tới. Giá trị ước tính của mỗi hợp đồng là 300 - 500 triệu USD.
- Dự án Lô B Ô Môn: Liên doanh PVS-McDermott đã được trao gói thầu EPCI#1, ước giá trị hợp đồng 1,1 tỷ USD ngày 30/10/2023. PVS đã nhận được Thư thỏa thuận giới hạn (LLOA) của ba hợp đồng đầu tiên EPCI#1, 2, 3 tổng giá trị 1,2 tỷ USD và đang tham gia đấu thầu hợp đồng thứ 4 giá trị khoảng 400 triệu USD và hợp đồng cho thuê tàu FSO. Ban lãnh đạo PVS kỳ vọng dự án Lô B sẽ nhận được Quyết định đầu tư cuối cùng (FID) vào đầu quý 2/2024.
- Dự án xuất khẩu 1,3Gw điện gió ngoài khơi sang Singapore: 29/8/2023, PVS đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường trao giấy phép khảo sát tại khu vực biển Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngày 27/10/2023, Chính phủ Singapore đã trao Giấy phép nhập khẩu điện có điều kiện (CA) cho Liên doanh Sembcorp Utilities – PVS. Dự kiến sẽ bắt đầu bán điện sớm nhất vào năm 2033.



Biến cơ hội thành giá trị

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng phụ trách: Ngô Thế Hiển
Hien.nth@shs.com.vn

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
Cuong.hnv2@shs.com.vn

Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật
Nhat.pt@shs.com.vn

Trưởng nhóm: Đoàn Thị Ánh Nguyệt
Nguyet.dta@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
Thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Trần Hồng Mây
May.th@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
Kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg, FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:
Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Q. Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao Ốc Sài Gòn Metropolitan
Số 235 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q1,
Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn